ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 0102355379 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/08/2007, thay đổi lần thứ 3 ngày 30/01/2024)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 227./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 12 năm 2024)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa chỉ dưới đây từ ngày .../.../2024:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Trụ sở chính: P9 -10, Tầng 1, Charm Vit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3573 0073 Fax: (84-24) 3573 0088

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : *Bùi Quang Kỳ*

Chức vụ : *Phó Tổng Giám đốc*

Số điện thoại : *(84-24) 3573 0073*

Signature Not Verified
Ký bởi: BÙI QUANG KỲ
Ký ngày: 13/12/2024 17:20:07

CÔNG TY CỔ CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 0102355379 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/08/2007, thay đổi lần thứ 3 ngày 30/01/2024)

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 và Giấy phép sửa đổi lần thứ 8 số 02/GPĐC-UBCK ngày 16/01/2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	:	11.100 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	:	69.350.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	:	693.500.000.000 đồng

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH hoặc ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, 2023:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 11 tòa nhà Sông Đà, Số 165, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại : (84-24) 6267 0491 Số Fax: (84-24) 6267 0494

Website : https://www.vae.com.vn/

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Không có

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 6
1. Tổ Chức Phát Hành 6
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn: Không có 6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 6
1. Rủi ro về kinh tế 6
2. Rủi ro về luật pháp 8
3. Rủi ro đặc thù 9
4. Rủi ro về đợt chào bán 11
5. Rủi ro pha loãng 11
6. Rủi ro quản trị công ty 13
7. Rủi ro khác 13
III. CÁC KHÁI NIỆM 13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 14
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành 14
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành 15
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành 17
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành 20
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối *(trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại)* 23
6. Thông tin về quá trình tăng/giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành 24
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Phát Hành tại các doanh nghiệp khác Không có 25
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 25
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 25
10. Hoạt động kinh doanh 26
11. Chính sách đối với người lao động 41
12. Chính sách cổ tức 42
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất (trong 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán) 42
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành 42

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 42
16. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 43
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 43
1. Kết quả hoạt động kinh doanh 43
2. Tình hình tài chính 44
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành 48
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 49
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 51
1. Thông tin về cổ đông sáng lập 51
2. Thông tin về cổ đông lớn 51
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng 52
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 66
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 71
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 72
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 73
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 73
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 74
XIII. PHỤ LỤC 75

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông tại ngày 29/05/2024 25
Bảng 2: Thống kê tài khoản mở mới từ năm 2022, 2023 26
Bảng 3: Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán từ năm 2022 đến hết Quý III/2024 27
Bảng 4: Doanh thu hoạt động kinh doanh nguồn vốn từ năm 2022 đến hết Quý III/2024 28
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu Công ty từ năm 2022 đến hết Quý III/2024 28
Bảng 6: Cơ cấu chi phí từ năm 2022 đến hết Quý III/2024 29
Bảng 7: Chi tiết lợi nhuận theo từng hoạt động kinh doanh từ năm 2022 đến hết Quý III/2024 30
Bảng 8: Tình hình tài sản cố định tính đến ngày 30/09/2024 30
Bảng 9: Doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường năm 2022, 2023 31
Bảng 10: Các hợp đồng Công ty đã và đang thực hiện 32

Bảng 11: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại 33
Bảng 12: Cơ cấu người lao động trong Công ty từ năm 2022 đến hết Quý III/2024 41
Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh năm từ năm 2022 đến hết Quý III/2024 43
Bảng 14: Báo cáo về nguồn vốn chủ sở hữu từ năm 2022 đến hết Quý III/2024 44
Bảng 15: Bảng phân bổ thời gian khấu hao tài sản 45
Bảng 16: Mức lương bình quân cho người lao động từ 2022 đến hết Quý III/2024 45
Bảng 17: Các khoản phải thu năm từ năm 2022 đến hết Quý III/2024 45
Bảng 18: Các khoản phải trả năm từ năm 2022 đến hết Quý III/2024 46
Bảng 19: Thuế và các khoản phải nộp từ năm 2022 đến hết Quý III/2024 47
Bảng 20: Trích lập các quỹ năm 2022 đến hết Quý III/2024 47
Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2022, 2023 48
Bảng 22: Chi tiết kế hoạch kinh doanh năm 2024 49
Bảng 23: Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty tại thời điểm hiện tại 51

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam 10 năm gần đây 7
Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam 10 năm gần đây 8
Biểu đồ 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức 17

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Phát Hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

1. Ông: Wang Jun Hong	- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông: Huang Bo	- Chức vụ: Tổng Giám đốc
3. Bà: Nguyễn Ngọc Mai	- Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn: Không có

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) – sau đây gọi tắt là GTJA (VIETNAM) hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, là một trong những ngành nghề chịu tác động trực tiếp từ sự biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước. GTJA (VIETNAM) nhận định được những rủi ro từ sự thay đổi của nền kinh tế vĩ mô gồm (i) tốc độ tăng trưởng kinh tế, (ii) lãi suất, (iii) tỷ giá là yếu tố tác động trực tiếp đến kế hoạch kinh doanh và tăng trưởng của GTJA (VIETNAM). Vì vậy, để đạt được kế hoạch kinh doanh đề ra, GTJA (VIETNAM) luôn linh hoạt thích nghi với những vận động liên tục của nền kinh tế và đảm bảo sự vận hành ổn định.

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sự tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao, ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Từ sau khi chính thức gia nhập tổ chức Thương mại Thế Giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hòa nhập sâu rộng với các nền kinh tế trên toàn thế giới. Sau đó, Việt Nam đã tham gia và đàm phán nhiều Hiệp định đa phương và song phương với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới. Điển hình là hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa 10 nước ASEAN và 06 nước đối tác (RCEP), các Hiệp định thương mại tự do (FTA). Ngày 30/06/2019, Hiệp định Thương mại tự do và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam – EU (EVFTA và EVIPA) chính thức được ký kết tại Hà Nội sau hành trình 9 năm đàm phán và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/08/2020. Đây được coi là sự kiện đi vào lịch sử của mối quan hệ giữa Việt Nam và EU đồng thời mở ra những lợi ích chưa từng có cho các công ty, người tiêu dùng, người lao động ở Châu Âu và Việt Nam. Những bước tiến này đã giúp nền kinh tế của Việt Nam tăng trưởng ấn tượng suốt giai đoạn 10 năm trở lại đây. Bước sang năm 2020, đại dịch COVID-19 bùng phát ra gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi ngành nghề trong nền kinh tế, phạm vi không chỉ ở một quốc gia mà còn ảnh hưởng đến kinh tế

toàn thế giới. Tuy nhiên, Việt Nam luôn kiên định thực hiện mục tiêu kép: nỗ lực phát triển kinh tế nhưng đảm bảo an toàn phòng chống dịch. Nhờ đó kinh tế Việt Nam năm 2020 vẫn đạt được những thành tựu lớn, trở thành nước trong nhóm các nước có tăng trưởng cao nhất thế giới, khi có tốc độ tăng trưởng GDP là 2,91%. Mặc dù đây là kết quả thấp nhất trong 10 năm qua nhưng đã có sự phục hồi mạnh mẽ khi GDP năm 2022 đạt 8,02% - cao nhất giai đoạn 2010-2022. GDP năm 2023 tăng 5,05% so với cùng kỳ năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%. Đây vẫn là mức tăng trưởng cao so với khu vực và trên thế giới.

Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam 10 năm gần đây

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

1.2 Lạm phát

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Với nỗ lực chỉ đạo mạnh mẽ từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kìm hãm được mức tăng của chỉ số CPI.

Trong năm 2023, giá hàng hóa trên thị trường quốc tế có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố kinh tế, chính trị, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và xung đột quân sự Nga – Ukraine, chính sách tiền tệ thắt chặt dẫn đến sụt giảm nhu cầu tiêu dùng ở nhiều nước, tăng trưởng kinh tế chậm lại, lạm phát tuy có xu hướng giảm nhưng vẫn ở mức cao. Các nhân tố địa chính trị, kinh tế tạo sức ép khác nhau lên giá dầu trong năm 2023 như: Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các nước đồng minh (OPEC+) sau cuộc họp ngày 02/04/2023 đã quyết định tiếp tục giảm sản lượng khai thác dầu tương đương hơn 3,7% nhu cầu thế giới; lệnh cấm nhập khẩu của Liên minh châu Âu đối với sản phẩm dầu và các nhiên liệu tinh chế của Nga; tâm lý lo ngại lạm phát và chính sách thắt chặt tiền tệ ảnh hưởng tới sự phục hồi kinh tế toàn cầu, Trung Quốc gỡ bỏ hầu hết các hạn chế xuất nhập cảnh, tăng đầu tư công và triển vọng tiêu thụ dầu tại Trung Quốc tăng. Trong nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành triển khai giữ vững tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn; giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân đầu tư công; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, sớm ổn định lại và hỗ trợ phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản, bảo đảm an sinh xã hội. Theo đó, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động bất thường, nguồn cung được bảo đảm, giá hàng hóa tăng giảm đan xen.

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam 10 năm gần đây

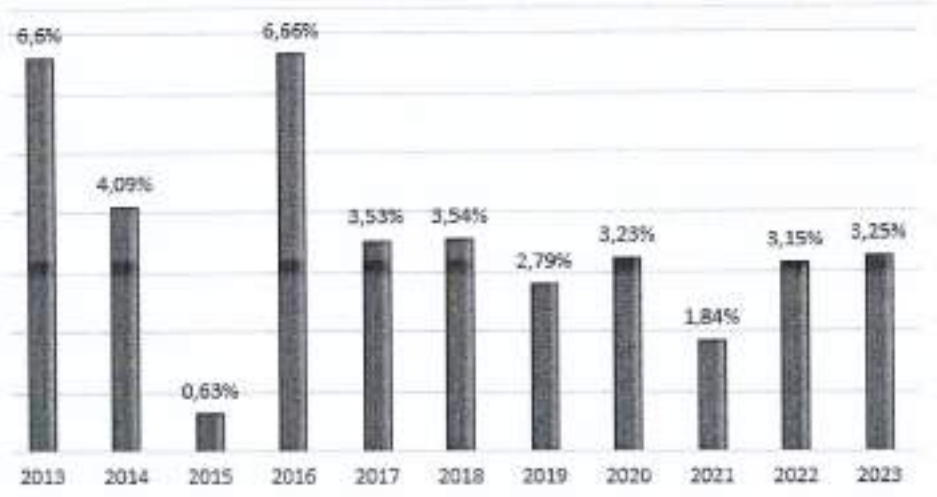

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

1.3 Lãi suất

Từ sau đại dịch COVID-19, để giảm bớt khó khăn và tạo điều kiện cho nền kinh tế phục hồi nhanh, tăng khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng đối với nền kinh tế, trên cơ sở diễn biến kinh tế trong và ngoài nước, Ngân hàng Nhà nước đã liên tiếp điều chỉnh lãi suất, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho tổ chức tín dụng, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại tiếp cận nguồn vốn từ Ngân hàng Nhà nước với chi phí thấp hơn, qua đó có điều kiện giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng phục hồi sản xuất.

Hiện chênh lệch tiền gửi và tín dụng bằng VNĐ ở mức 167.000 tỷ đồng; hệ số sử dụng vốn trên thị trường (tỉ lệ tín dụng/huy động vốn thị trường) bằng VNĐ ở mức 101,45%, giảm so với mức 102,28% cuối năm 2022, nhưng vẫn ở mức rất cao. Hệ thống ngân hàng chủ yếu huy động vốn ngắn hạn nhưng vẫn phải đáp ứng các nhu cầu cho vay trung dài hạn. Đồng thời, áp lực gia tăng lãi suất luôn tồn tại do Việt Nam có độ mở kinh tế lớn, biến động của thị trường tài chính, tiền tệ thế giới tác động nhanh và mạnh lên lãi suất, tỷ giá trong nước.

Về áp lực bên ngoài, Ngân hàng Nhà nước cho biết, mặt bằng lãi suất thế giới gia tăng trong năm 2022 và vẫn ở mức cao trong các tháng đầu năm 2023. Các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới vẫn tiếp tục triển khai lộ trình thắt chặt chính sách tiền tệ và duy trì lãi suất ở mức cao. Tuy nhiên từ đầu năm 2023 đến nay, Ngân hàng Nhà nước điều hành lãi suất phù hợp cân đối vĩ mô, lạm phát và mục tiêu chính sách tiền tệ; đồng thời tiếp tục khuyến khích các tổ chức tín dụng triển khai các giải pháp cắt giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất, kinh doanh.

GTJA (VIETNAM) là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán nên lãi suất là một yếu tố tác động trực tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, một sự biến động lớn về lãi suất cũng có thể ảnh hưởng gián tiếp tới tình hình tài chính của khách hàng, ảnh hưởng bất lợi đến chi phí vốn, gây tác động đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của GTJA (VIETNAM). Do vậy, Công ty luôn thận trọng cân nhắc kỹ lưỡng các giải pháp tài chính phù hợp với biến động chung của thị trường.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng, niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) chịu

sự điều chỉnh chủ yếu của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Do vậy, để hạn chế ở mức thấp nhất những rủi ro pháp lý phát sinh trong quá trình hoạt động, GTJA (VIETNAM) luôn thực hiện nghiêm túc việc giám sát, đánh giá hiệu quả triển khai các quy trình để đảm bảo hoạt động kinh doanh được triển khai chuẩn mực và tuân thủ pháp luật. GTJA (VIETNAM) thường xuyên thực hiện cụ thể hóa các quy định của pháp luật thông qua việc ban hành các quy chế, quy định và hướng dẫn thực hiện; cập nhật các quy định của pháp luật, hướng dẫn các văn bản, chính sách mới liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

GTJA (VIETNAM) nhận diện một số rủi ro trọng yếu ảnh hưởng lớn tới các hoạt động kinh doanh của GTJA (VIETNAM) như sau:

3.1. Rủi ro thị trường

Thị trường chứng khoán biến động liên tục, hoạt động kinh doanh của GTJA (VIETNAM) chịu tác động trực tiếp bởi rủi ro thị trường bao gồm hoạt động môi giới, hoạt động đầu tư tiền gửi và hoạt động cho vay ký quỹ,....

Doanh thu thu được từ các hoạt động này chịu ảnh hưởng bởi chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và các quy định pháp luật của Việt Nam. Bên cạnh đó còn chịu ảnh hưởng từ bên ngoài như những biến đổi kinh tế thế giới, những xung đột chính trị làm cuộc chiến thương mại quốc tế leo thang. Để giảm thiểu các rủi ro thị trường nói trên, GTJA (VIETNAM) đã thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro đối với mỗi nghiệp vụ kinh doanh như sau:

Hoạt động môi giới: Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam bùng nổ và khởi sắc, số lượng nhà đầu tư mới tham gia vào thị trường tăng mạnh trong giai đoạn 2019 đến nay. Thị phần môi giới chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán về cả mức phí và chất lượng dịch vụ. Công ty đã đẩy mạnh nâng cấp hệ thống, số hóa phương thức giao dịch, tăng cường bảo mật và đi kèm các dịch vụ tài chính đa dạng để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Hoạt động cho vay ký quỹ: Hoạt động cho vay ký quỹ là việc Công ty cung cấp cho khách hàng dịch vụ cho vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ, dựa trên tài sản bảo đảm là cổ phiếu mà khách hàng đang sở hữu. Công ty đã được UBCKNN chấp thuận cung cấp dịch vụ cho vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ. Rủi ro thị trường dễ phát sinh do giá cổ phiếu giảm mạnh, cổ phiếu mất thanh khoản hoặc cổ phiếu bị hủy niêm yết có thể khiến Công ty không thu hồi được khoản vay. Để hạn chế rủi ro thị trường, Công ty liên tục cập nhật quy trình đánh giá rủi ro để phù hợp với biến động của thị trường.

3.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro nếu khách hàng, đối tác của GTJA (VIETNAM) không thực hiện các nghĩa vụ nợ đã cam kết, gây tổn thất về tài chính cho Công ty. Tại GTJA (VIETNAM), rủi ro tín dụng có khả năng bị ảnh hưởng bởi hoạt động tiền gửi có kỳ hạn và hoạt động cho vay ký quỹ. Trong năm 2023, Công ty không xảy ra bất cứ sự kiện rủi ro tín dụng nào bởi Công ty đã thực hiện quản trị rủi ro tín dụng một cách hiệu quả.

Cụ thể:

Hoạt động đầu tư tiền gửi: GTJA (VIETNAM) đã xây dựng bộ tiêu chí để xác định hạng tín nhiệm các ngân hàng, định chế tài chính mà GTJA (VIETNAM) hợp tác.

Hoạt động cho vay ký quỹ: GTJA (VIETNAM) duy trì các chính sách quản trị rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng đã được Bộ phận kinh doanh và Phòng quản trị rủi ro thẩm định, kiểm soát thông qua, bao gồm các bước:

- Đánh giá Khách hàng để cấp hạn mức cho vay ký quỹ, đảm bảo đánh giá đúng giá trị tài sản ký quỹ của khách hàng, định kỳ thực hiện rà soát điều chỉnh hạn mức theo biến động của thị trường.
- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, tuân thủ công tác theo dõi và thông báo tới khách hàng về tình trạng khoản vay (tỷ lệ ký quỹ, thời gian đáo hạn của khoản vay, khả năng gia hạn khoản vay).
- Lựa chọn rổ cổ phiếu cho vay ký quỹ đảm bảo việc tuân thủ bộ chỉ số quản trị rủi ro của Công ty và hạn mức theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro có nguyên nhân từ quy trình thực hiện nghiệp vụ, hệ thống công nghệ thông tin, những tác động khách quan hoặc chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Tại GTJA (VIETNAM), rủi ro hoạt động được Bộ phận kiểm toán nội bộ Công ty đánh giá ở mức trung bình thấp và được quản trị theo 4 loại rủi ro sau:

Rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính: Đây là rủi ro phát sinh từ việc lập báo cáo tài chính có sai sót và chậm trễ trong việc gửi báo cáo tới cơ quan quản lý nhà nước, ban lãnh đạo Công ty hay công bố thông tin ra bên ngoài. Là một công ty đại chúng, GTJA (VIETNAM) luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về lập và công bố báo cáo tài chính.

Rủi ro con người: Rủi ro được đánh giá là ở mức thấp. Người lao động gắn bó với Công ty trong thời gian dài. Trong năm 2023, Công ty đã cập nhập bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, nội quy lao động, chính sách quản lý xung đột lợi ích, quy định về phòng chống rửa tiền, quy định về phòng chống tham nhũng, đồng thời hướng dẫn và truyền thông văn hóa doanh nghiệp, nâng cao văn hóa tuân thủ đạo đức nghề nghiệp với toàn thể người lao động.

Rủi ro quy trình/thủ tục: Rủi ro quy trình/thủ tục là một trong những rủi ro tiềm ẩn mà Công ty phải đối mặt trong quá trình vận hành. Khi bắt đầu triển khai bất kỳ một nghiệp vụ mới nào, GTJA (VIETNAM) luôn ban hành quy trình hướng dẫn tác nghiệp, xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ và đào tạo nhân sự vận hành theo đúng quy trình đề ra. Song song với hoạt động của khối nghiệp vụ, phòng Kiểm soát nội bộ tổ chức các cuộc rà soát, kiểm tra tuân thủ định kỳ để đảm bảo tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả của quy trình với thực tiễn công việc, đồng thời phân tích khả năng xảy ra rủi ro từ đó có thể hoàn thiện quy trình, phù hợp với các quy định của pháp luật và quy định cũng như chính sách của Công ty.

Rủi ro công nghệ: Rủi ro hệ thống công nghệ là một trong những rủi ro lớn tiềm ẩn, tất cả các công ty đều đặt mức độ bảo vệ cao nhất, đặc biệt là các công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. GTJA (VIETNAM) đã xây dựng hệ thống dự phòng, đảm bảo tính liên tục và thông suốt của hệ thống. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên kiểm tra, thử nghiệm Kế hoạch hoạt động liên tục (BCP) nhằm bảo đảm việc giao dịch của khách hàng không xảy ra gián đoạn.

3.4. Rủi ro cạnh tranh với đối thủ trong ngành

Thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay đã có chuyển biến tích cực và trở thành một thị trường mới nổi hấp dẫn với các tổ chức, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, để có thể cạnh tranh được với các công ty chứng khoán khác có lợi thế về vốn, GTJA (VIETNAM) luôn cố gắng định hướng rõ ràng về chiến lược, xây dựng thương hiệu và vị thế vững chắc với khách hàng để có thể giảm thiểu rủi ro cạnh tranh từ đối thủ.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Kế hoạch chào bán cổ phiếu của Công ty tiềm ẩn rủi ro không thành công khi cổ đông hiện hữu không thực hiện mua cổ phiếu đã đăng ký. Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào tình hình tài chính và tâm lý của các cổ đông cũng như sự hấp dẫn của Công ty với cổ đông và nhà đầu tư khác. Đồng thời, đợt chào bán này diễn ra tại thời điểm kinh tế và thị trường đang gặp nhiều biến động liên quan đến chính sách thắt chặt tiền tệ và sự ảnh hưởng xấu của thị trường nợ. Do vậy đợt chào bán khó tránh khỏi những rủi ro liên quan đến những diễn biến bất thường của thị trường chứng khoán.

Trong điều kiện thị trường không thuận lợi, có thể xảy ra khả năng cổ phiếu của Công ty không được chào bán hết, làm ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, GTJA (VIETNAM) sẽ thường xuyên cập nhật các hoạt động của Công ty, thông tin về tình hình tài chính và đợt chào bán, nhằm giúp cổ đông và nhà đầu tư tiềm năng đưa ra đánh giá khách quan trước khi quyết định đăng ký mua cổ phiếu của Công ty trong đợt chào bán này.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu Công ty dự kiến phát hành là 69.350.000 cổ phiếu, như vậy số lượng cổ phiếu chào bán trong đợt này bằng 100% lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ có thể dẫn tới các rủi ro pha loãng như: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu; (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà nhà đầu tư cần lưu ý như sau:

5.1. Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành được giả định chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay trong năm 2024.

Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán tại ngày 31/12/2023, thu nhập trên một cổ phiếu được tính như sau:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

+ Trước phát hành:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ}} = \frac{27.013.828.062 - 0}{69.350.000}$$

$$= 389{,}53 \text{ đồng}$$

+ Sau phát hành:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ}} = \frac{27.013.828.062 - 0}{138.700.000}$$

$$= 194{,}76 \text{ đồng}$$

5.2. Pha loãng giá trị sổ sách (BVPS)

Việc phát hành thêm cổ phiếu khiến giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu tăng trong trường hợp giá phát hành cao hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm phát hành.

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán tại ngày 31/12/2023, giá trị sổ sách được tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Khối lượng cổ phiếu lưu hành}}$$

+ Trước phát hành:

$$BV = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{755.141.431.819}{69.350.000} = 10.889 \text{ đồng}$$

+ Sau phát hành:

$$BV = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành}} = \frac{1.524.926.431.819}{138.700.000} = 10.994 \text{ đồng}$$

Trong đó:

- *Vốn chủ sở hữu Công ty: 755.141.431.819 đồng*
- *Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 69.350.000 cổ phiếu*
- *Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành: 138.700.000 cổ phiếu*
- *Giá chào bán dự kiến: 11.100 đồng/cổ phiếu*

5.3. Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm

Cổ phiếu IVS đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá tham chiếu của cổ phiếu được điều chỉnh kỹ thuật theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1})}{1 + I_1} = \frac{12.000 + (100\% \times 11.100)}{1 + 100\%} = 11.550 \text{ đồng/cổ phần}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá cổ phiếu pha loãng

PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền (Giả sử giá mức giá này là 12.000 đồng/cổ phiếu)

P_{r1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (11.100 đồng/cổ phiếu)

I_1 : 100% (Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)

Trong trường hợp không có cổ đông nào tham gia đợt chào bán hoặc Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền bằng giá chào bán thì không phải điều chỉnh.

6. Rủi ro quản trị công ty

Quản trị công ty có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Quản trị công ty liên quan đến mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan tạo nên định hướng và sự kiểm soát công ty. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc và quy trình nhằm đảm bảo doanh nghiệp được quản lý minh bạch và hiệu quả. Nó tạo cơ chế giám sát, bảo vệ quyền lợi cổ đông, và cân bằng lợi ích của các bên liên quan. Quản trị công ty cũng giúp doanh nghiệp tuân thủ pháp luật, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do hai nguyên nhân chính: (i) Sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ chủ chốt và (ii) Sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị. Để chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị, GTJA (VIETNAM) có các quy định về phân quyền và trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên trong bộ máy quản lý, đồng thời xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, tuân thủ đúng các quy định và chuẩn mực về quản trị công ty đối với công ty đại chúng niêm yết, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán…

Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của GTJA (VIETNAM) được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro. Do vậy mà kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của GTJA (VIETNAM) luôn được duy trì ổn định và đạt tăng trưởng qua hàng năm.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, GTJA (VIETNAM) còn phải đón nhận một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng, gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như rủi ro do thiên tai (bão, lũ…), dịch bệnh cũng như ảnh hưởng bởi những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh…

Năm 2020 - 2021, khi dịch COVID – 19 xảy ra, GTJA (VIETNAM) đã nhanh chóng thực hiện nghiêm túc các chính sách phòng tránh dịch theo hướng dẫn của Chính phủ, đảm bảo sự an toàn cho người lao động đồng thời đảm bảo duy trì hoạt động liên tục và đạt được kết quả kinh doanh khả quan.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các khái niệm và từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch này có ý nghĩa như sau:

- Tổ Chức Phát Hành, Công ty, GTJA (VIETNAM)	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)
- UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- VSDC	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước
- Bản cáo bạch	:	Tài liệu của Công ty công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán chứng khoán của Công ty, bao gồm thông tin về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho nhà đầu tư để đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán

- Cổ đông	:	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty
- Cổ phần	:	Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau
- ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT	:	Hội đồng quản trị
- TGĐ	:	Tổng Giám đốc
- BKS	:	Ban kiểm soát
- KTT	:	Kế toán trưởng
- CTCP	:	Công ty cổ phần
- CP	:	Cổ phiếu, cổ phần
- VĐL	:	Vốn điều lệ
- BCTC	:	Báo cáo tài chính
- LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
- LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
- DTT	:	Doanh thu thuần
- TSCĐ	:	Tài sản cố định
- NLĐ	:	Người lao động
- Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế GTGT	:	Thuế giá trị gia tăng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài / Tên giao dịch quốc tế	:	Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp.
- Tên viết tắt	:	GTJA (VIETNAM)
- Logo	:	
- Địa chỉ trụ sở chính	:	Phòng 9-10, Tầng 1, Charm Vit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 0102355379 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/08/2007, thay đổi lần thứ 3 ngày 30/01/2024.

- Giấy phép thành lập và hoạt động : Số 69/UBCK-GPHĐKD cấp lần đầu ngày 28/08/2007, Giấy phép sửa đổi lần thứ 8 số 02/GPĐC-UBCK ngày 16/01/2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Số điện thoại : (84-24) 3573 0073
- Số fax : (84-24) 3573 0088
- Website : www.gtjai.com.vn
- Mã cổ phiếu : IVS
- Sàn niêm yết : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội – HNX
- Vốn điều lệ : 693.500.000.000 VNĐ *(Sáu trăm chín mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng)*
- Ngành nghề kinh doanh chính : Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán (Mã ngành: 6612).
  Các hoạt động nghiệp vụ chính của Công ty bao gồm:
  - Môi giới chứng khoán
  - Lưu ký chứng khoán
  - Tự doanh chứng khoán
  - Tư vấn đầu tư chứng khoán
  - Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Huang Bo – Tổng Giám đốc

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

Năm	Sự kiện
2007	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNS *(tiền thân của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam))* được thành lập theo Giấy phép số 69/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/08/2007 được thực hiện các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán với vốn điều lệ là 161.000.000.000 đồng.
2007	GTJA (VIETNAM) được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận là Thành viên lưu ký theo quyết định số 64/GCNTVLK. Chính thức được công nhận là Thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 262/QĐ-TTGDCKHN. Chính thức được công nhận là Thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh theo quyết định số 61/QĐ-SGDHCM.
2008	GTJA (VIETNAM) thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Quyết định số 292/QĐ-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 16/04/2008.
2011	GTJA (VIETNAM) niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu IVS ngày 01/08/2011 theo thông báo số 551/TB-SGDHN ngày 25/07/2011.

	Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam theo Giấy phép số 54/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp 27/09/2011.
2016	GTJA (VIETNAM) thực hiện chào bán thành công cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược, tăng vốn điều lệ lên 340.000.000.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/12/2016.
2018	GTJA (VIETNAM) thay đổi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17/01/2018.
2019	Phát hành riêng lẻ cổ phiếu thành công cho cổ đông chiến lược, tăng vốn điều lệ lên 693.500.000.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/10/2019.
2021	Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) theo Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/07/2021. Đổi tên Chi nhánh Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Quyết định sửa đổi số 759/QĐ-UBCK ngày 19/11/2021. GTJA (VIETNAM) bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán vào ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 104/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/11/2021. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) được cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán theo Quyết định số 922/QĐ-UBCKNN cấp ngày 30/12/2021.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

Tại ngày 30/09/2024 , cơ cấu của Tổ Chức Phát Hành như sau:

Biểu đồ 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức

(Nguồn: GTJA (VIETNAM))

3.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các vấn đề phải được ĐHĐCĐ thông qua:

a. Quyết định phương châm kinh doanh và kế hoạch đầu tư; quyết định kế hoạch ngân sách tài chính năm, kế hoạch quyết toán;
b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
c. Thay đổi phạm vi kinh doanh, vốn chủ sở hữu hoặc vốn điều lệ, sửa đổi điều lệ;
d. Sáp nhập, chia tách, giải thể, thanh lý Công ty;
e. Quyết định mua, bán tài sản hoặc các khoản đầu tư, cho vay, giao dịch với người có liên quan, giao dịch đảm bảo có số tiền bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ròng của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất; (ngoại trừ các nghiệp vụ hoặc hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn ở nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro và cho vay ký quỹ) thuộc phạm vi các Hoạt động được quy định theo Quy chế Giám sát chứng khoán và Hợp đồng tương lai).
f. Thành lập, mua, tham gia góp vốn cổ phần của tổ chức kinh doanh;
g. Báo cáo tài chính hàng năm;
h. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
i. Báo cáo Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
k. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
l. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
n. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
o. Lựa chọn công ty kiểm toán;
p. Các sự kiện khác cần Đại hội đồng cổ đông xem xét.

3.2. Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý phòng ban.

Cơ cấu HĐQT của Công ty hiện nay như sau:

Thành viên HĐQT	Chức vụ
Wang Jun Hong	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Yim Fung	Thành viên HĐQT
Nguyễn Thanh Kỳ	Thành viên độc lập HĐQT
Huang Bo	Thành viên HĐQT
Wei Xi	Thành viên HĐQT

3.3. Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu. Ban Kiểm soát có quyền giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và ĐHĐCĐ về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên và có cơ cấu như sau:

Thành viên BKS	Chức vụ
Lê Tất Thành	Trưởng Ban kiểm soát[1]
Hoàng Thị Thanh Hoa	Thành viên Ban kiểm soát
Shen Jing	Thành viên Ban kiểm soát

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc (TGĐ) do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, Tổng Giám đốc trực tiếp quyết định các vấn đề liên quan đến công việc hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Phó TGĐ là người hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc hiện nay như sau:

Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ
Huang Bo	Tổng giám đốc
Bùi Quang Kỳ	Phó Tổng giám đốc
Hoàng Anh	Giám đốc điều hành

3.5. Kiểm toán nội bộ

Bộ phận kiểm toán nội bộ có trách nhiệm giám sát đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật của Công ty, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Bộ phận kiểm toán nội bộ giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đồng thời kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ của pháp luật về phòng chống rửa tiền.

[1] *Công ty đã nhận được đơn từ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát của ông Lê Tất Thành vào ngày 21/10/2024. Vấn đề này sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất xem xét phê duyệt.*

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

4.1. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

- GTJA (VIETNAM) thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Quyết định số 292/QĐ-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 16/04/2008.
- Đổi tên Chi nhánh Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Quyết định sửa đổi số 759/QĐ-UBCK ngày 19/11/2021.

4.2. Phòng Khách hàng Công ty (Houseteam)

- Xây dựng danh mục tài sản, danh mục khách hàng mục tiêu để cung cấp dịch vụ tương ứng với từng đối tượng khác nhau;
- Phát triển mạng lưới khách hàng hiện tại của Công ty;
- Cung cấp đúng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách, hỗ trợ khách hàng, đặc biệt là các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức nước ngoài.
- Kiến tạo đội ngũ có năng lực, đào tạo và huấn luyện đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp.

4.3. Phòng Môi giới

- Là khối kinh doanh mũi nhọn của Công ty, đầu mối quản lý hoạt động môi giới, phát triển mạng lưới khách hàng và tư vấn hoạt động đầu tư của Khách hàng;
- Tìm kiếm, thiết lập và duy trì phát triển quan hệ đối tác với khách hàng cá nhân cũng như doanh nghiệp có tiềm lực về tài chính và có nhu cầu tham gia thị trường chứng khoán;
- Xây dựng khách hàng mục tiêu;
- Xây dựng chính sách khách hàng phù hợp với từng đối tượng;
- Tham vấn, xây dựng kế hoạch kinh doanh, chính sách và định hướng phát triển khách hàng mục tiêu cho Ban Tổng Giám đốc.

4.4. Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Thiết lập, duy trì và khai thác hiệu quả các mối quan hệ với nhóm khách hàng doanh nghiệp đã, đang và sẽ sử dụng các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp (ngân hàng đầu tư) trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn khách hàng mục tiêu do Phòng và được Ban lãnh đạo phê duyệt theo từng thời kỳ;
- Cung cấp các sản phẩm tư vấn tài chính doanh nghiệp (ngân hàng đầu tư) như tư vấn mua bán doanh nghiệp, phát hành vốn, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, niêm yết cổ phiếu và tư vấn tài chính doanh nghiệp, phù hợp với yêu cầu của từng khách hàng doanh nghiệp trong từng giai đoạn cụ thể;
- Nghiên cứu, xây dựng, cập nhật các quy trình thực hiện nghiệp vụ đảm bảo tiêu chí quản trị rủi ro tiềm ẩn và đúng các quy định của pháp luật;
- Tìm kiếm, thiết lập, duy trì phát triển quan hệ đối tác với khách hàng doanh nghiệp có tiềm lực tài chính và nhu cầu đầu tư vốn trên thị trường.

4.5. Phòng Phân tích

- Lập báo cáo phân tích và đánh giá môi trường vĩ mô, ngành, phân tích công ty, phân tích chứng khoán… và đưa ra các khuyến nghị đầu tư cho Khối Kinh doanh; Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu để phục vụ cho hoạt động đầu tư, tư vấn, môi giới và quản lý rủi ro; Thu thập thông tin, xây dựng ngân hàng dữ liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu của Công ty…

4.6. Phòng Vận hành

- Thiết kế, quản trị và kiểm soát các rủi ro của hoạt động vận hành bao gồm:
  - Vận hành khách hàng
  - Vận hành sản phẩm dịch vụ
  - Vận hành giao dịch
  - Vận hành nghiệp vụ lưu ký
- Đầu mối kết nối các phòng nghiệp vụ để triển khai thực hiện các hoạt động giao dịch chứng khoán của khách hàng, các dịch vụ liên quan;
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc để xây dựng và tổ chức vận hành các nghiệp vụ;
- Chịu trách nhiệm đào tạo nguồn nhân lực cho các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ.

4.7. Phòng Quản trị rủi ro

- Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro và các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro của Công ty lên Ban Tổng Giám đốc.
- Đề xuất hạn mức rủi ro của các bộ phận nghiệp vụ.
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt;
- Theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của Công ty;
- Lập báo cáo định kỳ về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ.

4.8. Phòng Kiểm soát nội bộ

- Thực hiện việc giám sát hoạt động của các Phòng/Ban;
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, lên kế hoạch kiểm soát nội bộ định kỳ;
- Tổ chức và thực hiện công việc kiểm tra, kiểm soát nội bộ định kỳ;
- Kiểm tra các nội dung khác theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

4.9. Phòng Pháp chế và Tuân thủ

- Kiểm soát tuân thủ pháp luật, kiểm soát và phê duyệt rủi ro pháp lý đối với các giao dịch/hoạt động của Công ty;
- Tư vấn, thiết kế và xây dựng hệ thống văn bản quản trị, quy chế, chính sách, hợp đồng/biểu mẫu liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Các hoạt động tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý, kiểm soát rủi ro pháp lý và tuân thủ khác đối với các hoạt động của Công ty.

4.10. Phòng Công nghệ thông tin

- Xây dựng năng lực cốt lõi bao gồm: Nghiên cứu giải pháp công nghệ cho lĩnh vực tài chính; Nghiên cứu giải pháp công nghệ phù hợp với định hướng phát triển chung của Công ty;
- Vận hành hệ thống, xử lý sự cố, đảm bảo hoạt động an toàn, tin cậy đối với hệ thống công nghệ thông tin;
- Phát triển, tích hợp ứng dụng, hệ thống báo cáo trên hệ thống lõi đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ;
- Đầu mối tiếp nhận, thực nghiệm, nghiệm thu các giải pháp công nghệ mới…
- Tham mưu tư vấn chiến lược cho Ban Tổng Giám đốc về vấn đề chiến lược công nghệ.
- Tối ưu hóa hệ thống thường xuyên.

4.11. Văn phòng điều hành

- Công bố thông tin trên cổng thông tin của Ủy ban Chứng khoán và 2 Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Soạn thảo các văn bản liên quan đến Ban Tổng Giám đốc và Tổng Giám đốc.
- Hỗ trợ các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong các công việc đối ngoại và đối nội.
- Tổng hợp báo cáo và cung cấp cho Tổng Giám đốc hàng tuần, hàng tháng.
- Bộ phận PR trực thuộc văn phòng điều hành phụ trách xây dựng chiến lược PR thương hiệu và kế hoạch triển khai truyền thông thương hiệu theo từng giai đoạn; xây dựng, phát triển và duy trì mối quan hệ với các cơ quan, đối tác truyền thông; tổ chức các hoạt động truyền thông nội bộ, truyền đạt chủ trương, chính sách của các cấp lãnh đạo đến toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty
- Phòng hành chính trực thuộc văn phòng điều hành thực hiện các công việc sau:
+ Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định liên quan đến quản lý hành chính, văn phòng và lưu trữ.
+ Tiếp nhận và xử lý các công văn, văn bản chính thức theo đúng quy định hiện hành.
+ Quản lý và sử dụng con dấu công ty theo yêu cầu.
+ Chứng thực và sao chép hồ sơ theo quy định.
+ Lễ tân, điều phối và tổ chức các sự kiện, cuộc họp.
+ Quản lý, sắp xếp, sử dụng và trang trí văn phòng, phòng họp.
+ Quản lý và điều hành hoạt động vận tải của công ty.
+ Gửi thông báo của công ty đến nhân viên và khách hàng.
+ Kiểm soát và giám sát việc bảo trì thiết bị.
+ Quản lý phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh.
+ Quản lý công tác an toàn trong công ty.

4.12. Phòng Nhân sự

- Tham mưu xây dựng và đề xuất chiến lược phát triển nguồn nhân lực phù hợp với định hướng chiến lược phát triển của Công ty;
- Xây dựng hệ thống chính sách, quy chế, quy định và hệ thống tiêu chuẩn tuyển dụng theo từng vị trí chức danh nhằm đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực;
- Thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực thông qua các hoạt động bao gồm: tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, quản lý hiệu quả làm việc, lương thưởng và đãi ngộ, quan hệ lao động;
- Tham gia triển khai các hoạt động xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp nhằm xây dựng môi trường làm việc tích cực giúp nâng cao lợi thế cạnh tranh, tối đa hóa hiệu quả hoạt động nguồn nhân lực.

4.13. Phòng Tài chính kế toán

- Quản lý các hoạt động về tài chính, tài sản và hạch toán kế toán của Công ty đảm bảo đúng pháp luật hiện hành; tham gia xây dựng các kế hoạch tài chính, xây dựng, quản lý và tổ chức bộ máy kế toán cho Công ty;
- Điều phối cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn của Công ty; Chủ động tìm kiếm và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc những nguồn huy động vốn mới;
- Xây dựng hệ thống tài khoản kế toán; Thiết lập và hướng dẫn thực hiện hệ thống báo biểu

kế toán thống nhất trong toàn Công ty;

- Thực hiện các hoạt động kế toán chi tiết: kế toán lao động, tiền lương, tài sản… và kế toán tổng hợp như xử lý, kiểm tra và lập các báo cáo kế toán theo quy định, thực hiện các thanh toán liên ngân hàng, thanh toán bù trừ;
- Xây dựng quy trình đối chiếu, kiểm tra và lưu trữ chứng từ, tổ chức sao lưu số liệu kế toán;
- Theo dõi các nghiệp vụ liên quan tới tiền của Nhà đầu tư

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối *(trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại)*

5.1 Công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành

➢ **Từ tháng 10/2019 đến ngày 08/03/2023**

- **Tên: Guotai Junan International Holdings Limited**
- Ngày thành lập: 2010
- Địa chỉ: 27/F, Grand Millennium Plaza, 181 Queen's Road Central, Hồng Kông (Trung Quốc).
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1427415 ngày cấp 08/03/2010 tại Hồng Kông (Trung Quốc)
- Hoạt động kinh doanh chính: Các hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty hiện bao gồm môi giới, tài chính doanh nghiệp, quản lý tài sản, cho vay và tài trợ, cũng như nhiều sản phẩm tài chính khác trong 3 lĩnh vực: tài chính cá nhân (quản lý tài sản), tài chính tổ chức (dịch vụ cho nhà đầu tư là tổ chức và dịch vụ tài chính doanh nghiệp) và quản lý đầu tư.
- Tỷ lệ sở hữu tại Tổ Chức Phát Hành: 35.350.000 cổ phần tương đương 50,97% vốn điều lệ
- Tỷ lệ biểu quyết tại Tổ Chức Phát Hành: 50,97%

➢ **Từ ngày 08/03/2023 đến nay**

- **Tên: Guotai Junan Securities (Hong Kong) Limited**
- Ngày thành lập: 08/07/1993
- Địa chỉ: 27/F, Grand Millennium Plaza, 181 Queen's Road Central, Hồng Kông (Trung Quốc).
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 433562 ngày cấp 08/07/1993 tại Hồng Kông (Trung Quốc)
- Hoạt động kinh doanh chính: Giao dịch chứng khoán, giao dịch hợp đồng tương lai, tư vấn về chứng khoán
- Tỷ lệ sở hữu tại Tổ Chức Phát Hành: 35.350.000 cổ phần tương đương 50,97% vốn điều lệ
- Tỷ lệ biểu quyết tại Tổ Chức Phát Hành: 50,97%

5.2 Công ty con của Tổ Chức Phát Hành

Không có

5.3 Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành

Không có

5.4 Những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Không có

6. Thông tin về quá trình tăng/giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm *(tỷ đồng)*	Vốn điều lệ sau khi tăng *(tỷ đồng)*	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp; ý kiến của đơn vị kiểm toán
2007	161	161	- Vốn điều lệ ban đầu khi thành lập công ty cổ phần.	- *Ủy ban Chứng khoán Nhà nước* Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 28/08/2007.
2016 ***(Tăng vốn lần 1)***	179	340	- Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 2:1) với giá 10.000 đồng/cổ phần - Phát hành cổ phiếu riêng lẻ 10.850.000 cổ phần cho đối tác chiến lược với giá 10.000 đồng/01 cổ phần	- *Ủy ban Chứng khoán Nhà nước* Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/12/2016. - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: *Không có*
2019 ***(Tăng vốn lần 2)***	353,5	693,5	- Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược 353,5 tỷ đồng	- *Đại hội đồng cổ đông* Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2019 số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ.IVS ngày 08/07/2019. - *Ủy ban Chứng khoán Nhà nước* Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/10/2019. - *Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội* Giấy CNĐKKD số 0102355379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/08/2007, thay đổi lần thứ 2 ngày 26/09/2022. - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: *Không có*

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Phát Hành tại các doanh nghiệp khác Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 1: Danh sách cổ đông tại ngày 29/05/2024

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ (Cp)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ trọng (%)
1. Cổ đông trong nước		**1.417**	**13.648.661**	**136.486.610.000**	**19,68%**
1.1	Cá nhân	1.415	13.493.561	134.935.610.000	19,46%
1.2	Tổ chức	2	155.100	1.551.000.000	0,22%
2. Cổ đông nước ngoài		**65**	**55.701.339**	**557.013.390.000**	**80,32%**
2.1	Cá nhân	58	10.349.539	103.495.390.000	14,92%
2.2	Tổ chức	7	45.351.800	453.518.000.000	65,40%
	Trong đó, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	*1*	*8.333.000*	*83.330.000.000*	*12,01%*
3. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-
	TỔNG CỘNG	**1.482**	**69.350.000**	**693.500.000.000**	**100%**

(Nguồn: Danh sách cổ đông của GTJA (VIETNAM) do VSDC cung cấp tại ngày 29/05/2024)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định pháp luật: 100%;
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Phát Hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty (nếu có): 100% (theo quy định tại Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/BB-ĐHĐCĐ.IVS ngày 25/03/2017, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ.IVS ngày 25/03/2017, Điều lệ tháng 06/2022 của Công ty)
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo Công văn số 2537/UBCK-QLKD ngày 09/05/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau: *"Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được đầy đủ tài liệu thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 100% của Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam"*.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ Chức Phát Hành hiện tại: 80,32%

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- ***Kinh doanh chứng khoán:*** Bao gồm các hoạt động chính gồm môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư, dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp.
- ***Kinh doanh nguồn vốn:*** Các hoạt động cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư, tiền gửi ngân hàng.

10.1.1. Kinh doanh chứng khoán

(a) Mảng khách hàng cá nhân

Hoạt động kinh doanh dịch vụ chứng khoán là hoạt động mũi nhọn của Công ty với tệp khách là khách hàng cá nhân trong nước và nước ngoài. Mục tiêu GTJA (VIETNAM) đề ra trong 5 năm tới là trở thành một trong những Công ty nằm trong Top 10 Công ty chứng khoán có thị phần lớn mặc dù GTJA (VIETNAM) nhận định được môi trường cạnh tranh chiếm lĩnh thị phần môi giới ngày càng khốc liệt. Các công ty chứng khoán nước ngoài và công ty chứng khoán có vốn hóa lớn đưa ra nhiều chính sách về giá, cơ chế hoa hồng cạnh tranh nhằm thu hút khách hàng lớn cũng như các nhà môi giới chuyên nghiệp.

Hoạt động môi giới của GTJA (VIETNAM) với nguyên tắc công bằng, trung thực, chuyên nghiệp, cung cấp dịch vụ tài chính chất lượng cho tất cả các khách hàng. Việc thành lập Phòng HouseTeam – Chăm sóc khách hàng là chiến lược với mục tiêu lấy khách hàng làm trung tâm, mở rộng nhiều kênh tương tác hỗ trợ khách hàng giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận và sử dụng dịch vụ của Công ty một cách tối ưu nhất.

Từ 2021 Công ty đã áp dụng công nghệ mới e-KYC trong quy trình mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư cùng với nâng cấp phiên bản phần mềm giao dịch trên điện thoại thông minh tạo nhiều tiện ích và thân thiện với người dùng đã giúp GTJA (VIETNAM) thu hút được số lượng tài khoản mở mới tăng cao.

Bảng 2: Thống kê tài khoản mở mới từ năm 2022, 2023

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Số lượng tài khoản mở mới	364	433
Số lượng tài khoản Active	27.811	28.197
Tài sản quản lý (đồng)	20.369.868.445.440	10.380.770.080.320

Ngoài ra, Công ty cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán cho các nhà đầu tư mở tài khoản và giao dịch tại GTJA (VIETNAM). Đây là nghiệp vụ bổ trợ và chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty (chiếm ~0,91% doanh thu năm 2023, và ~0,76% doanh thu năm 2022).

(b) Mảng khách hàng doanh nghiệp

Trong năm 2022, doanh thu hoạt động tư vấn chủ yếu từ hoạt động tư vấn phát hành và môi giới phân phối trái phiếu. Doanh thu hoạt động tư vấn năm 2022 đạt gần 3,6 tỷ đồng tăng 98,86% so với cùng kỳ năm trước. GTJA (VIETNAM) đã tư vấn phát hành thành công và môi giới phân phối

trái phiếu với tổng giá trị 960 tỷ đồng. Hiện GTJA (VIETNAM) tiếp tục triển khai một số hợp đồng tư vấn niêm yết, IPO và mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A) cho tổ chức nước ngoài uy tín muốn tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Nhiều hợp đồng được ký kết từ năm 2022 và đang tiếp tục được triển khai tới thời điểm hiện tại dự kiến sẽ đóng góp không nhỏ vào doanh thu hoạt động tư vấn trong những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, các hợp đồng truyền thống của Công ty là tư vấn thoái vốn nhà nước cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) vẫn được GTJA (VIETNAM) triển khai theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo cao nhất lợi ích của Nhà nước.

Trong giai đoạn tới, với kế hoạch đẩy mạnh phát triển nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp (ngân hàng đầu tư), GTJA (VIETNAM) đã xây dựng đội ngũ nhân sự có khả năng cung cấp đa dạng và chuyên sâu các dịch vụ của nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp (ngân hàng đầu tư) cho khách hàng tổ chức có nhu cầu như huy động trên thị trường vốn, thị trường nợ, mua bán sáp nhập doanh nghiệp. GTJA (VIETNAM) là một trong những công ty con của Guotai Junan Securities (Hong Kong) Limited – một trong những công ty tài chính lớn tại Hồng Kông (theo BloomBerg), đây được coi là thế mạnh để GTJA (VIETNAM) có thể hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận thị trường vốn quốc tế, tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược hay nhà đầu tư tài chính phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp.

Bảng 3: Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán từ năm 2022 đến hết Quý III/2024

(Đơn vị: đồng)

Hoạt động kinh doanh	Năm 2022	Năm 2023	Tăng trưởng (%)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	30.565.852.204	15.739.896.640	-48,5%	13.459.001.795
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	667.802.472	732.169.410	9,6%	567.340.371
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	3.589.113.637	605.454.546	-83,1%	1.469.055.177
Tổng cộng	**34.822.768.313**	**17.077.520.596**	**-51,0%**	**15.495.397.343**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý III/2024 của GTJA (VIETNAM))

10.1.2. Kinh doanh nguồn vốn

Trong môi trường kinh doanh có nhiều biến động, hoạt động kinh doanh nguồn vốn chịu ảnh hưởng lớn bởi các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ của Chính phủ và các cơ chế chính sách quản trị tài chính của Công ty theo từng thời kỳ.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn của Công ty chủ yếu được ghi nhận từ các hoạt động cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư và tiền gửi ngân hàng. Đối với nghiệp vụ cho vay ký quỹ, việc xác định hạn mức tín dụng đối với từng khách hàng được bộ phận nghiệp vụ thẩm định và kiểm soát rủi ro chặt chẽ nhưng vẫn linh hoạt bám sát theo biến động của thị trường. Trong năm 2022 doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn đạt 52,7 tỷ đồng chiếm 60,9% tổng doanh thu. Năm 2023 doanh thu từ kinh doanh nguồn vốn tăng 20,3% so với năm 2022, chiếm 78,8% tổng doanh thu của công ty.

Bảng 4: Doanh thu hoạt động kinh doanh nguồn vốn từ năm 2022 đến hết Quý III/2024

(Đơn vị: đồng)

Hoạt động kinh doanh	Năm 2022	Năm 2023	Tăng trưởng (%)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024
Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi từ tiền gửi ngân hàng)	45.753.713	10.939.723	-76,1%	4.658.573
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	37.584.718.067	38.722.068.034	3,0%	26.184.190.880
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	15.132.301.371	24.720.233.632	63,4%	14.637.517.630
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	356.450	2.726.818	665,0%	66.624
Tổng cộng	**52.763.129.601**	**63.455.968.207**	**20,3%**	**40.826.433.707**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý III/2024 của GTJA (VIETNAM))

10.1.3. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Với đặc thù của thị trường chứng khoán, hoạt động kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ. Nhiều yếu tố ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán và theo đó tác động đến hoạt động của Công ty như các yếu tố kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, tình hình chính trị xã hội, chính sách tài khóa và tiền tệ của chính phủ, kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tâm lý nhà đầu tư

10.1.4. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

a. Cơ cấu doanh thu

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu Công ty từ năm 2022 đến hết Quý III/2024

(Đơn vị: đồng)

Hoạt động kinh doanh	Năm 2022		Năm 2023		Lũy kế đến 30/09/2024	
	Doanh thu	Tỷ lệ	Doanh thu	Tỷ lệ	Doanh thu	Tỷ lệ
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	**87.540.144.201**	**99,95%**	**80.522.643.480**	**99,98%**	**56.317.172.477**	**99,99%**
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	356.450	0.0004%	2.726.818	0,003%	66.624	0,0001%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	15.132.301.371	17,28%	24.720.233.632	30,693%	14.637.517.630	25,99%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	37.584.718.067	42,91%	38.722.068.034	48,078%	26.184.190.880	46,49%
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	30.565.852.204	34,90%	15.739.896.640	19,543%	13.459.001.795	23,90%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	667.802.472	0,76%	732.169.410	0,909%	567.340.371	1,01%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	3.589.113.637	4,10%	605.454.546	0,752%	1.469.055.177	2,61%
Thu nhập hoạt động khác	-		94.400	0,0001%	-	0,01%

Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tiền gửi ngân hàng)	**45.753.713**	**0,05%**	**10.939.723**	**0,014%**	4.658.573	**0,01%**
Doanh thu khác	-		**7.298.184**	**0,009%**	3.363.636	**0,01%**
Tổng cộng	**87.585.897.914**	**100%**	**80.540.881.387**	**100%**	**56.325.194.686**	**100%**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý III/2024 của GTJA (VIETNAM))

b. Cơ cấu chi phí

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán, cơ cấu chi phí của Công ty gồm hai loại: chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán và chi phí quản lý doanh nghiệp, đây đều là các chi phí chiếm tỷ trọng lớn. Trong đó, Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán trung bình chiếm khoảng 34,24% và Chi phí quản lý doanh nghiệp trung bình chiếm khoảng 55,75% so với tổng chi phí của Công ty vào năm 2023. Chi tiết cơ cấu chi phí của Công ty như sau:

Bảng 6: Cơ cấu chi phí từ năm 2022 đến hết Quý III/2024

(Đơn vị: đồng)

Chi phí	Năm 2022		Năm 2023		Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	**32.618.325.703**	**46,4%**	**16.162.229.913**	**30,19%**	**15.888.899.058**	**39,03%**
Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1.691.460	0,002%	2.447.778	0,00%	(65.726)	-0,0002%
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản	3.037.341.789	4,3%	(3.037.341.789)	-5,67%	-	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27.222.179.105	38,7%	18.328.350.148	34,24%	15.291.108.704	37,6%
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	804.621.041	1,1%	868.773.776	1,62%	597.856.080	1,5%
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.552.492.308	2,2%	-	0,00%	-	-
Chi phí hoạt động khác	-	0,0%	-	0,00%	-	
Chi phí tài chính	**1.334.926.271**	**1,9%**	**1.395.109.862**	**2,61%**	**1.035.078.102**	**2,5%**
Chi phí khác	-		-		-	-
Chi phí quản lý quản lý doanh nghiệp	**31.176.967.469**	**44,3%**	**29.838.675.633**	**55,75%**	**19.785.688.478**	**48,6%**
Chi phí thuế TNDN	**5.210.773.702**	**7,4%**	**6.131.037.917**	**11,45%**	**4.003.516.976**	**9,8%**
Tổng cộng	**70.340.993.145**	**100%**	**53.527.053.325**	**100%**	**40.713.182.614**	**100%**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý III/2024 của GTJA (VIETNAM))

c. Lợi nhuận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Bảng 7: Chi tiết lợi nhuận theo từng hoạt động kinh doanh từ năm 2022 đến hết Quý III/2024

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024
Lợi nhuận từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	(1.335.010)	279.040	132.350
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) và từ các khoản cho vay và phải thu	49.679.677.649	66.479.643.455	40.821.708.510
Lợi nhuận từ hoạt động môi giới chứng khoán	3.343.673.099	(2.588.453.508)	(1.832.106.909)
Lợi nhuận từ nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	(136.818.569)	(136.604.366)	(30.515.709)
Lợi nhuận từ hoạt động tư vấn tài chính	2.036.621.329	605.454.546	1.469.055.177
Lợi nhuận hoạt động khác	-	94.400	-
Tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**54.921.818.498**	**64.360.413.567**	**40.428.273.419**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý III/2024 của GTJA (VIETNAM))

10.2. Tài sản

Bảng 8: Tình hình tài sản cố định tính đến ngày 30/09/2024

(Đơn vị: đồng)

STT	Khoản mục	31/12/2023		30/09/2024	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**17.234.029.228**	**4.837.271.078**	**13.436.258.365**	**3.806.199.734**
1	Máy móc thiết bị	15.634.139.202	4.512.839.420	11.836.368.339	3.557.782.445
2	Phương tiện vận tải	1.062.420.000	-	1.062.420.000	-
3	Tài sản cố định khác	537.470.026	324.431.658	537.470.026	248.417.289
II	**Tài sản vô hình**	**36.719.407.000**	**4.714.995.260**	**35.826.407.000**	**3.828.707.966**
1	Phần mềm máy tính	36.719.407.000	4.714.995.260	35.826.407.000	3.828.707.966
	Tổng cộng	**53.953.436.228**	**9.552.266.338**	**49.262.665.365**	**7.634.907.700**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý III/2024 của GTJA (VIETNAM))

10.3. Thị trường hoạt động

Hiện nay, GTJA (VIETNAM) là thành viên của Công ty Chứng khoán Guotai Junan - một trong những Công ty tài chính hàng đầu của Hong Kong và Châu Á. Theo số liệu tổng hợp từ Báo cáo của các công ty chứng khoán tại Trung Quốc, Công ty Chứng khoán Guotai Junan đứng thứ 03 toàn ngành về doanh thu và lợi nhuận ròng trong năm 2023. GTJA (VIETNAM) được sự hỗ trợ rất lớn từ Công ty mẹ, qua đó mở rộng tệp khách hàng và đã cung cấp dịch vụ cho nhiều đối tác từ Hồng Kông, Bỉ, Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản,... Công ty hiện có trụ sở chính và chi nhánh như sau:

✓ **Miền Bắc**

Trụ sở chính

Địa chỉ: P9-10, Tầng 1, Charm Vit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3573 0073 Fax: (84-24) 3573 0088

✓ **Miền Nam**

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Số 2 BIS, Công Trường Quốc tế, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3823 9966 Fax: (84-28) 38239696

✓ **Doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường:**

Bảng 9: Doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường năm 2022, 2023

(Đơn vị: đồng)

STT	Hoạt động kinh doanh	Năm 2022	Năm 2023
I	**Hội sở**		
	Doanh thu hội sở	*76.186.543.206*	*58.484.994.520*
	Chi phí hội sở	*64.800.042.913*	*46.804.021.631*
	Lợi nhuận	*11.386.500.293*	*11.680.972.889*
II	**Chi nhánh**		
	Doanh thu chi nhánh	*11.399.354.708*	*22.055.886.867*
	Chi phí chi nhánh	*5.540.950.232*	*6.723.031.694*
	Lợi nhuận	*5.858.404.476*	*15.332.855.173*
	Tổng cộng	**17.244.904.769**	**27.013.828.062**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023 của GTJA (VIETNAM)

GTJA (VIETNAM) đưa ra chiến lược phát triển thị trường Miền Nam, trọng tâm là Thành phố Hồ Chí Minh - một trong những đầu tàu kinh tế của cả nước. Kết quả kinh doanh năm 2023 của chi nhánh Hồ Chí Minh rất khả quan, tăng 93,48% so với năm 2022, lợi nhuận cũng tăng 161,72% so với năm 2022.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Hiện nay, GTJA (VIETNAM) không đầu tư vào dự án, công ty nào khác.

Các hợp đồng lớn đã và đang được Công ty thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Bảng 10: Các hợp đồng Công ty đã và đang thực hiện

STT	Tên hợp đồng	Các thông tin, điều khoản quan trọng trong hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Tư vấn bán đấu giá thành công phần vốn Nhà nước tại CTCP Xuất nhập khẩu Chuyên gia, Lao động và Kỹ Thuật (IMS) Tư vấn bán đấu giá phần vốn nhà nước tại CTCP Phim Truyện 1, CTCP Đầu tư và Phát Triển Miền Trung (CER)	Đối tác: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước Giá trị: Tổng phí dịch vụ các hợp đồng đã thực hiện là 500 triệu đồng Thời điểm ký kết: 2019 Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra: Tư vấn hồ sơ, tổ chức đấu giá thoái phần vốn của nhà nước tại các công ty Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), cổ đông lớn của Tổ Chức Phát Hành: Không có Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng: *Không có*	2022
2	Đại lý phân phối trái phiếu riêng lẻ	Đối tác: CTCP Chứng khoán Agriseco Giá trị: 1,064 tỷ đồng Thời điểm ký kết: 2022 Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra: Tư vấn, đại lý phân phối phụ trái phiếu riêng lẻ Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), cổ đông lớn của Tổ Chức Phát Hành: *Không có* Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng: *Không có*	2022
3	Tư vấn IPO, đăng ký lưu ký tại VSDC và đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Đối tác: Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng ET (Việt Nam) Giá trị: Xác định giá trị dịch vụ căn cứ thực tế thực hiện khi tư vấn IPO thành công Thời điểm ký kết: 2022 Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra: Tư vấn, phát hành cổ phiếu và niêm yết Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám	2024

		đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), cổ đông lớn của Tổ Chức Phát Hành: *Không có* Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng: *Không có*	
4	Tư vấn phát hành chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, đăng ký lưu ký tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Đối tác: CTCP Đầu Tư Châu Á – Thái Bình Dương Giá trị: 50 triệu đồng Thời điểm ký kết: 2022 Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra: Tư vấn phát hành cổ phiếu và niêm yết bổ sung Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), cổ đông lớn của Tổ Chức Phát Hành: *Không có* Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng: *Không có*	2023
5	Tư vấn M&A và tái cấu trúc tài chính	Đối tác: CTCP Năng lượng Môi trường Thiên ý Hà Nội Giá trị: Xác định mức phí dịch vụ căn cứ thực tế thực hiện nghiệp vụ Thời điểm ký kết: 2023 Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra: Tư vấn tái cấu trúc, mua bán sáp nhập doanh nghiệp Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), cổ đông lớn của Tổ Chức Phát Hành: *Không có* Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng: *Không có*	2023

10.5. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Bảng 11: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

STT	Tên khách hàng, nhà cung cấp	Thời điểm ký kết	Giá trị giao dịch hợp đồng (đồng)	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với TV HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, TGĐ, Phó TGĐ, cổ đông lớn
1	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Cao Altisss	16/03/2020	1.039.500.000	Bảo trì phần mềm lõi giao dịch chứng khoán từ 10.05.2023 đến 09.05.2024	Không

2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Tin Học HPT	25/09/2023	2.152.332.600	Bảo trì máy chủ HP và dịch vụ bảo trì cơ sở dữ liệu Oracle từ 25.09.2023 đến 24.09.2026	Không
3	Công ty Cổ phần Phần Mềm Bravo	08/05/2023	390.000.000	Nâng cấp từ phiên bản 7 lên phiên bản 8 phần mềm kế toán Bravo	Không
4	Công ty TNHH Kiểm toán và Định Giá Việt Nam	30/06/2023	150.000.000	Soát xét BCTC, BC TLATTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC, BC TLATTC năm 2023	Không
5	Công ty TNHH Khách sạn Grand PLAZA Hà Nội	19/10/2017	761.041.710	Chi phí thuê văn phòng Hội sở HN và phí quản lý 20.01.2024 - 19.04.2024	Không

(Nguồn: GTJA (VIETNAM))

10.6. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

(a) Vị thế của Tổ Chức Phát Hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

GTJA (VIETNAM) (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam) được thành lập tháng 8 năm 2007, với số vốn điều lệ ban đầu là 161 tỷ đồng. GTJA (VIETNAM) ra đời trong bối cảnh nền kinh tế đất nước chuyển mình mạnh mẽ, thị trường chứng khoán Việt Nam non trẻ so với các thị trường chứng khoán trong khu vực và trên thế giới nhưng phát triển nhanh và mạnh. Trải qua hơn 17 năm hình thành và phát triển, GTJA (VIETNAM) luôn ý thức sứ mệnh của Công ty là "***Đồng hành cùng khách hàng trên con đường vươn tới sự thịnh vượng***", lấy khách hàng làm trung tâm cung cấp dịch vụ tài chính chất lượng cao, mang lại cơ hội đầu tư hiệu quả cho khách hàng.

Năm 2019, GTJA (VIETNAM) bước sang một giai đoạn phát triển mới, thành công trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược – Guotai Junan International Holdings Limited có trụ sở chính tại Hồng Kông ("GTJAI", mã chứng khoán: 1788.HK), tăng vốn điều lệ lên 693,5 tỷ đồng. Năm 2023, do có sự thay đổi trong quy định của luật về điều kiện nhà đầu tư tổ chức muốn sở hữu công ty chứng khoán tại Việt Nam, Guotai Junan International Holdings Limited đã thay đổi cơ cấu, chuyển cổ phần sở hữu cho Guotai Junan Securities (Hong Kong) Limited cũng là một công ty nằm trong Tập đoàn tài chính Guotai Junan. Hiện nay, GTJA (VIETNAM) cung cấp đa dạng dịch vụ kinh doanh bao gồm: hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Hiện vốn hóa thị trường của công ty tính đến ngày 08/10/2024 đã đạt 693,5 tỷ VND, đứng thứ 10 trong danh sách 15 công ty chứng khoán niêm yết trên sàn HNX (*Nguồn: GTJA (VIETNAM) tổng hợp*). Xét trong năm 2023, thị phần môi giới của GTJA (VIETNAM) còn ở mức thấp ~ 0,12%.Công ty được sự

hậu thuẫn từ Công ty mẹ là một Tập đoàn tài chính hàng đầu ở Hồng Kông, xếp hạng tín nhiệm "Baa2" và "BBB+" bởi Moody's và Standard & Poor. Thị trường chứng khoán Việt Nam được GTJAI xác định là chiến lược trọng điểm của Tập đoàn trong thời gian tới, và GTJA (VIETNAM) sẽ tận dụng tốt kinh nghiệm quản lý và hỗ trợ tài chính cũng như mối quan hệ quốc tế từ Công ty mẹ.

Với đà tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2023, GTJA (VIETNAM) được vinh danh Top 10 Thương hiệu nổi tiếng Việt Nam, hạng mục Công ty chứng khoán nước ngoài uy tín tại Việt Nam, do Liên hiệp Khoa học Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam xét duyệt.

Ưu điểm:

Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công và phát triển bền vững của một doanh nghiệp đặc biệt là nhân lực trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán. Nhận thức rõ điều này, GTJA (VIETNAM) luôn chú trọng việc tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực có trình độ học vấn, chuyên môn cao và chuyên nghiệp.

Với tầm nhìn chiến lược phát triển, những nhân sự chủ chốt của GTJA (VIETNAM) là người được Công ty mẹ cử sang Việt Nam để được bầu/bổ nhiệm vào các chức danh trực tiếp quản lý và quản trị Công ty theo quy định. Ban lãnh đạo GTJA (VIETNAM) là các chuyên gia có trình độ trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, có kinh nghiệm làm việc tại nhiều thị trường chứng khoán Quốc tế.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài thông qua cơ chế lương thưởng, GTJA (VIETNAM) đặc biệt quan tâm đến chế độ đãi ngộ, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để người lao động có cơ hội phát triển và khẳng định được vị thế cá nhân trong ngành.

Cơ chế kinh doanh linh hoạt

GTJA (VIETNAM) xây dựng cơ chế kinh doanh linh hoạt phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thị trường và mục tiêu hoạt động. Hiện nay GTJA (VIETNAM) áp dụng nhiều cơ chế mở như cơ chế hoa hồng, cơ chế tìm kiếm đối tác và cơ chế lương thưởng cho nhân viên xuất sắc góp phần tăng cường năng lực cạnh tranh và gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Nhược điểm

Tiềm lực vốn

Tại thời điểm 31/12/2023, vốn điều lệ của GTJA (VIETNAM) là 639,5 tỷ đồng, thuộc nhóm Công ty chứng khoán có vốn điều lệ vừa so với các công ty trong ngành. GTJA (VIETNAM) được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán. Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh và mạnh của thị trường chứng khoán, để tham gia và phát triển nhiều sản phẩm tài chính, Công ty cần có quy mô vốn lớn hơn. Vì vậy, để Công ty mở rộng các hoạt động cho vay ký quỹ (dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ), phát triển sản phẩm phái sinh, và mở rộng hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp (ngân hàng đầu tư), nên Công ty phải đạt yêu cầu về mức vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu tối thiểu từ 800 tỷ đồng.

Thị phần môi giới thấp

Thị phần môi giới của Công ty còn thấp so với các công ty chứng khoán khác một phần do tiềm lực tài chính của Công ty chưa đủ mạnh. Hiện trên thị trường các công ty chứng khoán thường không lấy mức phí giao dịch là tiêu chí cạnh tranh để giành thị phần. Đối với khách hàng cá nhân có giá trị giao dịch lớn và khách hàng tổ chức, các dịch vụ tài chính của các công ty chứng khoán là tiêu chí tiên quyết để thu hút khách hàng cũng như những nhà môi giới chứng khoán chuyên nghiệp.

Bên cạnh đó, theo định hướng, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp (ngân hàng đầu tư) được xác định là một trong những mục tiêu mũi nhọn phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Đối tượng khách hàng hướng tới là các tổ chức đang có nhu cầu về vốn, nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp (ngân hàng đầu tư) như bảo lãnh phát hành có thể giúp các tổ chức tiệm cận với nguồn vốn dễ dàng hơn.

(b) Triển vọng phát triển của ngành

Mặc dù bị chi phối trong bối cảnh có nhiều khó khăn cả trong và ngoài nước, nhưng năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam đã cán đích với nhiều kết quả khả quan. Tính đến ngày 29/12/2023, chỉ số VN-Index tăng 12,2% so với cuối năm 2022 và phục hồi đến 23,9% từ đáy trung hạn vào giữa tháng 11/2022. Trên thị trường cổ phiếu, thanh khoản ghi nhận đạt trên 17.500 tỷ đồng/phiên; quy mô vốn hóa ước đạt gần 6 triệu tỷ đồng tăng 13,6% so với cuối năm 2022, tương đương khoảng 62% GDP năm 2022 với 739 mã cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết và 862 mã cổ phiếu đăng ký giao dịch. Số tài khoản nhà đầu tư mới tăng lên 350 nghìn tài khoản, đưa tổng số lượng tài khoản chứng khoán lên gần 7,4 triệu tài khoản. Tổng kết năm 2023, các công ty chứng khoán đã ghi nhận doanh thu và lợi nhuận tiếp tục hồi phục rõ rệt, sau một khoảng thời gian trượt dài theo biến động tiêu cực của thị trường. Sự tăng điểm mạnh mẽ của thị trường chứng khoán cùng với thanh khoản được cải thiện mạnh đã giúp ngành chứng khoán tiếp tục có một năm kinh doanh tích cực, duy trì đà tăng trưởng, dân số tham gia thị trường chứng khoán vượt mức 5% mục tiêu đề ra trong Đề án Cơ cấu lại Thị trường chứng khoán và bảo hiểm đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Nhiều công ty chứng khoán ghi nhận lợi nhuận hồi phục mạnh, thậm chí gấp hàng chục lần trong năm 2023 so với 2022. Kết quả khả quan đến từ việc định giá lại các khoản đầu tư và các cổ phiếu trong danh mục tự doanh giúp doanh nghiệp ghi nhận lãi lớn. Mảng tự doanh đã góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng lợi nhuận toàn ngành so với các quý trước. Bên cạnh đó, thị trường giao dịch sôi động trở lại thúc đẩy vòng xoay tài sản và nhu cầu vay margin, trong khi chỉ số VN-Index hồi phục và chinh phục các đỉnh cao mới. Điều đó cùng với dòng tiền mạnh đã giúp cải thiện mảng môi giới và cho vay của nhóm chứng khoán.

Với xu hướng hồi phục mạnh mẽ của thị trường, nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính của nhà đầu tư tăng cao, dư nợ cho vay tại hầu hết các công ty chứng khoán cũng hồi phục nhanh chóng. Tâm lý lạc quan khi thị trường tăng điểm mạnh, vòng xoay tài sản được rút ngắn cùng nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính của nhà đầu tư tăng cao đã liên tục đẩy thanh khoản thị trường vượt các mốc mới trong Quý III/2023. Theo đó, doanh thu từ hoạt động môi giới của ngành chứng khoán cũng ghi nhận sự hồi phục.

Các chuyên gia thị trường nhận định từ nay đến cuối năm, thị trường chứng khoán Việt Nam còn nhiều dư địa tăng trưởng. Hiện tỷ lệ nhà đầu tư chứng khoán trên dân số ở Việt Nam hiện vẫn đang ở mức thấp trong khu vực. Theo số liệu từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

(VSDC) công bố, hơn 393.000 tài khoản chứng khoán được nhà đầu tư đã mở mới trong năm 2023. Như vậy, tổng số tài khoản chứng khoán trên thị trường Việt Nam tính tới cuối năm 2023 đạt hơn 7,8 triệu tài khoản, tỷ lệ người dân mở tài khoản chứng khoán đạt khoảng 7,8% dân số. Tốc độ tăng trưởng được đánh giá là nhanh, nhưng tỷ lệ này vẫn ở mức thấp và còn nhiều dư địa để phát triển. Ngoài ra, vốn hóa thị trường của thị trường Việt Nam/GDP chỉ đạt khoảng 56,4% vào cuối năm 2023, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 120% vào cuối năm 2025 của Chính phủ và các nước khác (mức hiện tại tương ứng của Thái Lan và Malaysia lần lượt là 103% và 84%).

Việt Nam cũng đang nỗ lực với mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên thị trường mới nổi

Lĩnh vực chứng khoán tại Việt Nam đã có sự tăng trưởng và phát triển đáng kể trong những năm gần đây. Chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều cải cách và sáng kiến khác nhau để thu hút đầu tư nước ngoài và kích thích thị trường vốn.

Việc hoàn thiện khung pháp lý như sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 cho thấy thị trường chứng khoán đang được tập trung vào việc tăng cường tính minh bạch và hiệu quả phù hợp với sự phát triển chung của thị trường quốc tế.

Việc tập trung phát triển nâng cao hiệu quả của cơ sở hạ tầng thị trường như triển khai hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tập trung, triển khai dự án công nghệ thông tin mới KRX của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và kế hoạch thành lập Trung tâm thanh toán bù trừ theo mô hình đối tác bù trừ trung tâm (Central Counter Party - CCP) góp phần quan trọng trong quá trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên thị trường mới nổi theo MSCI và FTSE.

Xét về diễn biến thị trường, thị trường chứng khoán Việt Nam đã cho thấy xu hướng tích cực trong những năm gần đây, với vốn hóa thị trường và hoạt động giao dịch tăng. Ngày càng có nhiều công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, cung cấp cho các nhà đầu tư nhiều cơ hội đầu tư hơn. Hơn nữa, sự ra đời của các sản phẩm tài chính mới, chẳng hạn như các công cụ phái sinh, cũng đã góp phần vào sự tăng trưởng của thị trường.

Các chuyên gia thị trường nhận định việc nâng hạng thị trường chứng khoán sẽ mang lại vị thế mới cho Việt Nam, đồng thời thu hút nguồn vốn đầu tư quốc tế vào các doanh nghiệp. Quá trình này đòi hỏi nỗ lực tổng thể từ tất cả các bên tham gia thị trường, trong đó, không chỉ từ cơ quan quản lý mà còn từ các thành viên khác.

(c) Đánh giá về sự phù hợp định hướng của Tổ Chức Phát Hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Xu thế hội nhập, toàn cầu hóa đang trở nên phổ biến trên toàn thế giới, mà trong đó để hội nhập với kinh tế quốc tế, Việt Nam cần phải chú trọng xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam đến năm 2030 với mục tiêu tăng quy mô, độ sâu và tính thanh khoản, tính hiệu quả của thị trường chứng khoán; nâng cao sức cạnh tranh của các định chế tài chính trung gian thị trường và các tổ chức phụ trợ trên cơ sở sắp xếp lại các công ty chứng khoán, mở cửa thị trường cho các trung gian tài chính nước ngoài phù hợp với lộ trình cam kết và mức độ cạnh tranh với các tổ chức trong nước; tham gia chương trình liên kết thị trường khu vực ASEAN và thế giới. Nắm bắt được xu hướng phát triển của thị trường, GTJA

(VIETNAM) đã có những định hướng phát triển phù hợp với đường lối phát triển, quy mô hoạt động và trình độ công nghệ theo yêu cầu của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Phù hợp với mục tiêu nâng hạng tín nhiệm thị trường

S&P tiếp tục xếp hạng tín nhiệm của Tập đoàn Guotai Junan (GTJAI) – Công ty mẹ của GTJA (VIETNAM) - là nhà phát hành "BBB+" trong dài hạn và "A-2" trong ngắn hạn. Đầu năm 2021, Moody's Investor Service cũng xếp hạng tín nhiệm dài hạn nhà phát hành "Baa2" đối với Tập đoàn Guotai Junan. GTJA (VIETNAM) với vai trò là công ty con nòng cốt của tập đoàn mẹ tại thị trường Việt Nam, với nền tảng quốc tế cốt lõi và lợi thế lớn trong việc hưởng lợi gián tiếp sự hỗ trợ từ Tập đoàn mẹ, GTJA (VIETNAM) khẳng định sẽ phát triển chuyên nghiệp, bền vững, đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam. Với sự hỗ trợ từ Tập đoàn mẹ, GTJA (VIETNAM) sẵn sàng trở thành cầu nối cho các nhà đầu tư quốc tế tham gia vào thị trường nước nhà

Phù hợp về nhân sự

Đối với các công ty chứng khoán, yếu tố nhân sự là yếu tố quan trọng và quyết định đến sự thành công của công ty, chính vì vậy, GTJA (VIETNAM) tiến hành tuyển dụng và chọn lọc nhân sự có trình độ cao, được đào tạo bài bản ở trong và ngoài nước. Tổ chức cơ cấu nhân sự cũng được xây dựng hợp lý, đảm bảo sự ổn định và có thể luân chuyển cán bộ kịp thời. Bên cạnh đó, GTJA (VIETNAM) thường xuyên tổ chức khóa đào tạo để cung cấp, trau dồi và nâng cao kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ lao động – đây là một trong những nhân tố quan trọng trong chuỗi giá trị mà GTJA (VIETNAM) tạo ra để mang lại lợi ích cho khách hàng.

Phù hợp về công nghệ thông tin

GTJA (VIETNAM) xác định đầu tư vào công nghệ và nâng cấp hệ thống phần mềm chính là mấu chốt để hoàn thiện dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Từ năm 2019 đến nay GTJA (VIETNAM) liên tục tái thiết toàn bộ nền tảng hạ tầng và công nghệ nhằm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh và vận hành thông suốt. Công ty nâng cấp nhiều phiên bản phần mềm mới nhằm hướng tới sự tiện ích cho hoạt động giao dịch của khách hàng.

10.7. Hoạt động Marketing

GTJA (VIETNAM) luôn chú trọng giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu. Với mong muốn giúp các nhà đầu tư có thể tự tin đưa ra quyết định đúng đắn trước sự biến động của thị trường và duy trì sự đồng hành lâu dài cùng GTJA (VIETNAM), Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động lan tỏa tri thức về tài chính nói chung và kênh đầu tư chứng khoán nói riêng để giúp nhà đầu tư trang bị kiến thức, hiểu biết và tư duy đúng đắn về đầu tư.

Bên cạnh khóa học như "Thành thạo đầu tư cùng GTJA" và "Hình thành quy trình sàng lọc cổ phiếu – xây dựng danh mục đầu tư", GTJA (VIETNAM) đã tổ chức nhiều buổi tọa đàm như "Ngược dòng", "Phân tích diễn biến thị trường và nhóm ngành" chia sẻ về thị trường, chiến lược đầu tư cho các nhà đầu tư đã có kinh nghiệm. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tổ chức nhiều buổi giới thiệu về thị trường chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là khách hàng Hong Kong (Trung Quốc), Singapore, Trung Quốc...

Ngoài hình thức Marketing truyền thống, kể từ năm 2021 đến nay GTJA (VIETNAM) đẩy mạnh hơn các điểm truyền thông trên các nền tảng số như Facebook, Zoom, Wechat, Zalo… để thích ứng với xu hướng chuyển đổi số và tiếp cận được số lượng lớn khách hàng ở các nước vùng miền và đất nước khác nhau.

Đánh dấu quá trình nỗ lực đổi mới và phát triển, một số thành tựu của GTJA (VIETNAM) đạt được đã được các tổ chức uy tín đánh giá cao:

- Ngày 23/07/2022, Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) nhận danh hiệu Top 10 Thương hiệu xuất sắc Châu Á 2022.
  https://GTJAi.com.vn/guotai-junan-viet-nam-nhan-danh-hieu-top-10-thuong-hieu-xuat-sac-chau-a-2022/

- Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) lọt Top Doanh nghiệp niêm yết đạt Chuẩn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2022.
  https://GTJAi.com.vn/GTJA-vietnam-duoc-vinh-danh-la-doanh-nghiep-niem-yet-dat-chuan-cong-bo-thong-tin-lan-thu-5-lien-tiep/

- Năm 2023, Công ty được vinh danh là Công ty chứng khoán có đóng góp tích cực cho hoạt động phát triển của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB).
  https://GTJAi.com.vn/GTJA-vietnam-dong-gop-tich-cuc-chu-dong-cho-hiep-hoi-kinh-doanh-chung-khoan-viet-nam/

- Ngày 06/01/2024, Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) nhận danh hiệu Top 10 Thương hiệu nổi tiếng Việt Nam 2023, do Liên hiệp Khoa học phát triển doanh nghiệp Việt Nam xét duyệt.
  https://GTJAi.com.vn/chung-khoan-guotai-junan-viet-nam-nhan-danh-hieu-top-10-thuong-hieu-noi-tieng-viet-nam-2023/

Mặc dù dịch Covid-19 xảy ra và kéo theo các hệ lụy xấu, bối cảnh kinh tế toàn cầu diễn biến phức tạp, nhưng bằng cách áp dụng kinh nghiệm dự phòng rủi ro, tập trung vào các mảng kinh doanh chủ chốt, GTJA (VIETNAM) đã ghi dấu ấn mạnh mẽ trong ngành tài chính, nhấn mạnh sứ mệnh "***Đồng hành cùng khách hàng trên con đường vươn tới sự thịnh vượng***". Tất cả danh hiệu GTJA (VIETNAM) đạt được do các tổ chức có uy tín đánh giá là sự ghi nhận những nỗ lực đổi mới của GTJA (VIETNAM) trong một thị trường chứng khoán đầy biến động. Đây cũng sẽ là bàn đạp để GTJA (VIETNAM) phấn đấu trở thành điểm sáng trong thị trường chứng khoán.

10.8. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

GTJA (VIETNAM) có tên đầy đủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam). GTJA (VIETNAM) được sử dụng logo của Tập đoàn mẹ căn cứ theo Hợp đồng cấp phép sử dụng tên kinh doanh giữa Guotai Junan Securities Co., Ltd và Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) được ký ngày 29/06/2021.

- **Nhãn hiệu thương mại: Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)**
- **Logo:**

10.9. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Từ năm 2021 đến nay, GTJA (VIETNAM) đẩy mạnh việc nghiên cứu nhu cầu đa dạng hóa nhà đầu tư, không phân biệt cá nhân hay tổ chức, trong nước hay quốc tế, không phân biệt tầng lớp ngành nghề để từ đó cung cấp nhiều sản phẩm tài chính phù hợp với nhu cầu cũng như khẩu vị đầu tư của từng đối tượng.

Trong quá trình khảo sát, tìm hiểu và tiếp cận với các nhà đầu tư, GTJA (VIETNAM) nhận thấy nhu cầu đầu tư của thị trường vô cùng đa dạng, tiềm năng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam rất to lớn. Để có thể đáp ứng được sự thay đổi nhu cầu dịch vụ của nhà đầu tư cũng như thay đổi của các chính sách kinh tế, sự biến động của thị trường, Công ty liên tục thay đổi chính sách sản phẩm và loại hình sản phẩm phù hợp với xu hướng. Đây là yếu tố quan trọng thúc đẩy hoạt động kinh doanh của GTJA (VIETNAM) phát triển hiệu quả trong tương lai.

10.10. Chiến lược kinh doanh

GTJA (VIETNAM) nhận định thị trường chứng khoán Việt Nam có tiềm năng phát triển sâu rộng trong 10 năm tới. Đây sẽ là thời kỳ phát triển vàng để GTJA (VIETNAM) nắm bắt cơ hội, phát huy lợi thế riêng, mở rộng lĩnh vực kinh doanh chính, cụ thể:

(i) Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội là hai trung tâm kinh tế, tập trung 1/5 dân số Việt Nam, đây là hai thị trường có nhiều tiềm năng để khai thác. GTJA (VIETNAM) định hướng mở rộng hoạt động để chi nhánh Hồ Chí Minh phát triển mạnh và trở thành điểm sáng mang lại doanh thu cho Công ty.

(ii) Tập đoàn Tài chính Guotai Junan có hơn 300 chi nhánh trên toàn thế giới, có mối quan hệ chặt chẽ với nhà đầu tư là các tổ chức nước ngoài. Được kế thừa lợi thế từ Tập đoàn mẹ, GTJA (VIETNAM) khẳng định việc kết nối nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các nhà đầu tư Trung Quốc là một thế mạnh, việc tăng cường hợp tác xuyên biên giới, thu hút dòng vốn ngoại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam là mục tiêu phát triển hàng đầu của GTJA (VIETNAM).

(iii) Tập trung phát triển "***Thương hiệu Khách hàng Ưu tiên tại Guotai Junan***", Công ty hướng đến mục tiêu cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, chuyên sâu và danh mục sản phẩm tài chính đa dạng cho khách hàng sử dụng dịch vụ.

(iv) Phát triển hoạt động nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp (ngân hàng đầu tư), tập trung vào các dự án của doanh nghiệp có thương hiệu tốt. Năm 2023, mảng kinh doanh tư vấn tài chính doanh nghiệp (ngân hàng đầu tư) của Công ty tập trung phát triển tệp khách hàng là tổ chức nước ngoài muốn đầu tư vào Việt Nam. Thông qua sự hỗ trợ của Khối Ngân hàng Đầu tư của Tập đoàn mẹ, đây là một tín hiệu tốt để GTJA (VIETNAM) mở rộng hơn nữa mảng hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp (ngân hàng đầu tư) xuyên biên giới.

(v) Tiếp tục phát triển công nghệ tài chính và nâng cấp hơn nền tảng giao dịch cho phép khách hàng giao dịch an toàn và thuận lợi. Đồng thời, nâng cao bảo mật và tối ưu hiệu suất của hệ thống giao dịch.

10.11. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

GTJA (VIETNAM) được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh số 69/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/08/2007 và các giấy phép điều chỉnh, trong đó ngành nghề kinh doanh chính: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty cam kết duy trì đầy đủ các điều kiện cần thiết để đảm bảo hoạt động tuân theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán, tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động và cơ cấu lao động

Số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán (phân loại theo trình độ người lao động, lao động thường xuyên hoặc thời vụ):

Bảng 12: Cơ cấu người lao động trong Công ty từ năm 2022 đến hết Quý III/2024

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	09T2024
1	***Phân theo trình độ lao động***			
1.1	Trên Đại học và Đại học	56	59	63
1.2	Cao đẳng và trung cấp	1	1	1
1.3	Lao động phổ thông	4	4	4
Tổng cộng		**61**	**64**	**68**
2	***Phân theo đối tượng lao động***			
2.1	Lao động thường xuyên	61	64	68
2.2	Lao động thời vụ	0	0	0
Tổng cộng		**61**	**64**	**68**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam))

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:

Tại GTJA (VIETNAM), mục tiêu quản trị và phát triển nguồn nhân lực luôn gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Tại GTJA (VIETNAM) người lao động được trao cơ hội để thử thách và khẳng định bản thân. Mỗi cá nhân đều được tạo điều kiện công bằng để tham gia học tập, đào tạo phát triển năng lực. Người lao động là nhân tố quan trọng trong chuỗi giá trị mà GTJA (VIETNAM) xây dựng nhằm mang lại lợi ích tối ưu cho khách hàng. GTJA (VIETNAM) thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo để cung cấp, trau dồi và nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cũng như đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ lao động.

Nhằm thu hút nhân sự có năng lực và tăng tính gắn bó của NLĐ, GTJA (VIETNAM) đã có nhiều cải tiến mạnh mẽ trong chính sách tiền lương, phúc lợi người lao động được hưởng và chế độ khen thưởng khích lệ khi vượt KPIs.

GTJA (VIETNAM) đảm bảo quyền lợi tối đa cho người lao động nghỉ Lễ, Tết theo đúng Quy định của Luật lao động, đối với người lao động có thâm niên công tác từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, người lao động làm việc 5 năm liên tục được tăng thêm 1 ngày phép.

GTJA (VIETNAM) luôn khuyến khích văn hóa học tập, tự đào tạo phát triển chuyên môn cũng như các kỹ năng mềm, nền tảng công nghệ hiện đại và khả năng ngoại ngữ để người lao động dễ dàng tiếp cận với tri thức nghiệp vụ, kỹ năng mới trong thời đại công nghệ số, đáp ứng với sự thay đổi liên tục của thị trường và tiếp cận đa dạng nhà đầu tư quốc tế tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động (*nếu có*): Từ khi thành lập đến nay GTJA (VIETNAM) chưa thực hiện phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty.

12. Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án trả cổ tức để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Phương án này được xây dựng trên cơ sở:

- Lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích lập các quỹ, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác, đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Với kế hoạch tái cấu trúc hoạt động, trong những năm gần đây, các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông đều thống nhất thông qua phương án giữ lại toàn bộ lợi nhuận thu được bổ sung vào các khoản dự trữ và tái cấp đầu tư cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất (trong 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán)

Không có

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

14.1. Thông tin về các hợp đồng thuê quyền sử dụng đất

Không có

14.2. Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn của Tổ Chức Phát Hành

Không có

14.3. Các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi

Cho đến ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có cổ phần ưu đãi.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Cho đến ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ nợ tiềm tàng, tranh chấp, kiện tụng nào đang diễn ra có thể ảnh hưởng đến (i) hoạt động kinh doanh, (ii) tình hình tài chính, (iii) đợt chào bán, (iv) giá cổ phiếu đợt chào bán hoặc (v) phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành.

Tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành có khoản phải thu Công ty cổ phần Trường Thi Thanh Hóa liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh dự án "Chung cư Ami Tower", cụ thể như sau:

Ngày 15/02/2012, Công ty cổ phần Trường Thi Thanh Hóa (sau đây gọi là Công Ty Trường Thi) và Công ty cổ phần chứng khoán đầu tư Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án chung cư AMI TOWER số 01-02/2012/HĐHTKD với nội dung và quá trình triển khai thực hiện như sau:

- Công ty Trường Thi có quyền sử dụng khu đất 3.687m2 tại 81 Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) góp vốn bằng tiền là 35.000.000.000 VND (Ba mươi lăm tỷ đồng).
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) được hưởng mức lợi nhuận cố định là 15%/năm trên tổng số vốn góp thực tế mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Dự án.
- Thời hạn thu hồi vốn góp và lợi nhuận: đến hết 31 tháng 12 năm 2014.

Thực tế Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) đã chuyển tiền góp vốn cho Công ty Trường Thi theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng là 35.000.000.000 VND và khi hết thời hạn thu hồi vốn và lợi nhuận Công ty Trường Thi chỉ trả được cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) nợ gốc là 16.000.000.000 VND, không trả phần lợi nhuận.

Do quá thời hạn hoàn trả vốn góp gốc và lợi nhuận nên Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) đã khởi kiện Công ty Trường Thi ra Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa. Kết quả vụ án tranh chấp này đã được Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử và tuyên Tổ Chức Phát Hành thắng kiện theo bản án số 10/2019/KDTM-ST ngày 16/10/2019. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 06/05/2020. Ngày 10/06/2020, Tổ Chức Phát Hành đã yêu cầu chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa thi hành bản án này. Mặc dù vậy, theo thông báo trong quyết định số 63/QĐ-CCTHADS ngày 21/08/2020 của chi cục trưởng chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa, Công ty Cổ phần Trường Thi Thanh Hóa chưa có điều kiện thi hành án.

Vì vậy, toàn bộ công nợ gốc 19.000.000.000 đồng và lãi 12.218.208.333 đồng liên quan đến dự án trên đã được Tổ Chức Phát Hành trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi. Tổ Chức Phát Hành khẳng định không có nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp, kiện tụng liên quan đến khoản phải thu Công ty cổ phần Trường Thi Thanh Hóa. Trường hợp thu hồi được khoản công nợ này trong tương lai, Tổ Chức Phát Hành sẽ ghi nhận khoản lợi nhuận khác tương ứng với số tiền thu hồi được.

Đây là sự kiện xảy ra trước thời điểm Tổ Chức Phát Hành trở thành công ty con của CTCK Guotai Junan International. Hiện tại Công ty không tham gia vào đầu tư bất kỳ dự án bất động sản nào.

16. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Cho đến ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh năm từ năm 2022 đến hết Quý III/2024

(Đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	Tăng/Giảm (%)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024
1	Tổng giá trị tài sản	811.169.005.919	765.736.875.087	-5,60%	846.386.037.070
2	Doanh thu thuần	87.540.144.201	80.522.643.480	-8,02%	56.317.172.477
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (doanh thu thuần - chi phí hoạt động)	54.921.818.498	64.360.413.567	17,19%	40.428.273.419
4	Lợi nhuận khác	-	7.298.184	-	3.363.636
5	Lợi nhuận trước thuế	22.455.678.471	33.144.865.979	47,60%	19.615.529.048

6	Lợi nhuận sau thuế	17.244.904.769	27.013.828.062	56,65%	15.612.012.072
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-		-
8	Tỷ lệ cổ tức	-	-		-

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý III/2024 của GTJA (VIETNAM))

- Các chỉ tiêu khác *(các chỉ tiêu để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)*: Không có
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành: Không có

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán.

Trong giai đoạn năm 2022 - 2023, thị trường chứng khoán trong nước diễn biến phức tạp và chịu ảnh hưởng bởi các thông tin bất lợi về kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ từ các nước lớn trên thế giới và nguy cơ suy giảm kinh tế toàn cầu do ảnh hưởng của 2 năm đại dịch Covid cũng như sự bất ổn chính trị tại Ukraina – Nga và Trung Đông. Sự biến động của thị trường tài chính, chứng khoán là nhân tố tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của GTJA (VIETNAM). Tuy nhiên, Ban lãnh đạo đã linh hoạt trong chính sách quản trị của Công ty để phù hợp với những biến động của thị trường, GTJA (VIETNAM) luôn có kết quả kinh doanh khả quan ổn định và tập khách hàng thân thiết luôn đồng hành cùng Công ty.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

Kể từ đầu năm 2024 đến nay, thị trường chứng khoán đã ghi nhận sự tăng trưởng rõ rệt cả về chất và lượng. Chín tháng đầu năm, VN-Index có mức tăng 14%, đạt 1287 điểm, thanh khoản thị trường đạt xấp xỉ 19.942 tỷ đồng/phiên, tăng 32,9% so với cùng kỳ. Thị trường ghi nhận có hơn 1,57 triệu tài khoản chứng khoán mở mới, nâng tổng số tài khoản chứng khoán lên hơn 8,8 triệu tài khoản. Quy mô dư nợ ký quỹ tại thời điểm cuối Quý III/2024 ước tính vượt 10.000 nghìn tỷ đồng, tăng 32,8% so với đầu năm. Bên cạnh đó, thông tư 68/2024/TT-BTC đã được ban hành ngày 18/09/2024, có hiệu lực từ 02/11/2024, theo đó cho phép nhà đầu tư tổ chức nước ngoài có thể giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền. Là công ty chứng khoán có thế mạnh khai thác tệp khách hàng nước ngoài từ Hong Kong (Trung Quốc), Trung Quốc đại lục, Singapore,… Công ty kỳ vọng giá trị giao dịch của nhóm khách hàng này sẽ có sự cải thiện và làm tăng doanh thu trong giai đoạn sắp tới.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản (nêu các chỉ tiêu trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại)

(a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 14: Báo cáo về nguồn vốn chủ sở hữu từ năm 2022 đến hết Quý III/2024

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	721.780.000.000	721.780.000.000	721.780.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.169.366.013	1.169.366.013	1.169.366.013
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	648.823.913	648.823.913	648.823.913
LNST chưa phân phối	4.529.413.831	31.543.241.893	47.155.253.965
Vốn chủ sở hữu	**728.127.603.757**	**755.141.431.819**	**770.753.443.891**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý III/2024 của GTJA (VIETNAM))

(b) Trích khấu hao TSCĐ

Hiện tài sản cố định hữu hình và vô hình được Công ty ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Bảng 15: Bảng phân bổ thời gian khấu hao tài sản

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	07 năm
Tài sản cố định khác	03 năm

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023)

Công ty thực hiện việc trích khấu hao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

(c) Mức lương bình quân: GTJA (VIETNAM) luôn đảm bảo thu nhập và quyền lợi xứng đáng cho người lao động của Công ty. Với chính sách đãi ngộ rõ ràng và linh hoạt, Công ty mang đến cho người lao động sự tận tâm và giá trị vật chất xứng đáng với những gì họ đã đóng góp cho sự phát triển của Công ty. GTJA (VIETNAM) cam kết đảm bảo và tuân thủ thực hiện các chính sách, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động. Công ty đánh giá mức lương hiện tại là hợp lý so với mặt bằng.

Bảng 16: Mức lương bình quân cho người lao động từ 2022 đến hết Quý III/2024

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	9T2024
Mức lương bình quân (triệu đồng)	21,9	20,1	20,3

(Nguồn: GTJA (VIETNAM))

(d) Tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả

(i) Các khoản phải thu của Công ty

Bảng 17: Các khoản phải thu năm từ năm 2022 đến hết Quý III/2024

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Phải thu ngắn hạn	**13.891.949.392**	**18.243.766.984**	**13.759.858.813**
Phải thu của khách hàng	96.596.852	128.512.142	230.567.510
Trả trước cho người bán	1.750.700.956	393.097.961	339.152.413
Các khoản phải thu khác (*)	51.679.757.051	57.439.212.488	52.907.194.497
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(39.635.105.467)	(39.717.055.607)	(39.717.055.607)
Phải thu dài hạn	**(17.000.000.000)**	**(17.000.000.000)**	**(17.000.000.000)**
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(17.000.000.000)	(17.000.000.000)	(17.000.000.000)

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý III/2024 của GTJA (VIETNAM))

(*) Các khoản phải thu khác bao gồm:

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Trường Thi Thanh Hóa được phân loại sang khoản phải thu khác dựa trên Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 103/QĐ-CCTHADS ngày 17/06/2020 và

Quyết định số 63/QD-CCTHAS ngày 12/08/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty Cổ phần Trường Thi Thanh Hóa, nợ gốc phải thu của Công ty Cổ phần Trường Thi Thanh Hóa là 19.000.000.000 đồng;

- Khoản lợi nhuận cố định của hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án "Chung cư Ami Tower" số 01-02/2012/HĐ-HTKD ngày 15/02/2012, phụ lục 01 ngày 15/07/2013, phụ lục 02 ngày 16/12/2013 với Công ty Cổ phần Trường Thi Thanh Hóa là 12.218.208.333 đồng, đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

Khả năng thu hồi:
Các khoản phải thu khó đòi công ty đã trích lập dự phòng theo quy định. Công ty vẫn tiếp tục thực hiện theo dõi các khoản thu quá hạn trong thời gian tới.

(ii) Các khoản phải trả của Công ty

Bảng 18: Các khoản phải trả năm từ năm 2022 đến hết Quý III/2024

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Nợ phải trả ngắn hạn	**83.041.402.162**	**10.595.443.268**	**75.632.593.179**
Vay ngắn hạn (*)	72.900.000.000	-	69.030.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	569.707.312	706.776.497	421.346.554
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	394.500.000	1.328.500.000	298.342.311
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.176.937.027	1.333.899.742	1.859.576.202
Phải trả người lao động	4.207.175.317	4.527.559.341	1.380.470.686
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	479.910.446	463.147.383	587.546.644
Chi phí phải trả ngắn hạn	574.133.768	505.663.013	317.288.490
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.643.450.069	1.634.309.069	1.642.434.069
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	95.588.223	95.588.223	95.588.223
Nợ phải trả dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	**83.041.402.162**	**10.595.443.268**	**75.632.593.179**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý III/2024 của GTJA (VIETNAM))

(*) Khoản vay ngắn hạn được thực hiện theo Hợp đồng thấu chi (HĐTC) số 03/2023/1801158/HĐTC ngày 23/06/2023 với hạn mức thấu chi là 28 tỷ đồng và HĐTC số 04/2023/1801158/HĐTC ngày 30/06/2023 với hạn mức thấu chi là 38 tỷ đồng và HĐTC số 05/2023/1801158/HĐTC ngày 27/07/2023 với hạn mức thấu chi là 28 tỷ đồng và HĐTC số 06/2023/1801158/HĐTC ngày 10/11/2023 với hạn mức thấu chi là 65 tỷ đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi đến ngày 26/06/2024 và 30/06/2024 và 27/07/2024 và 10/11/2024. Mục đích thấu chi: bù đắp thiếu hụt thanh toán tạm thời do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh tính theo mùa vụ. Lãi suất thấu chi: 6,4%/năm và 5,5%/năm và

7,5%/năm và 5,2%/năm thả nổi trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi. Hình thức bảo đảm tiền vay: cầm cố các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 167 tỷ đồng.

Các khoản phải trả khác xuất phát từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường với tỷ trọng nhỏ (chiếm ~1% tổng tài sản tại ngày 30/06/2024).

Đánh giá khả năng thanh toán:

Các khoản vay thấu chi của Công ty đều thực hiện cầm cố bằng Hợp đồng tiền gửi có giá trị cao hơn mức thấu chi, đảm bảo chắc chắn cho khả năng thanh toán của Công ty.

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này và đảm bảo khả năng thanh toán cho tất cả các khoản phải trả.

(e) Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 19: Thuế và các khoản phải nộp từ năm 2022 đến hết Quý III/2024

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Thuế GTGT đầu ra	-	-	13.953.560
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	343.817.427	677.126.153	1.164.853.559
Thuế Thu nhập cá nhân	1.833.119.600	656.773.589	680.769.083
Thuế nhà thầu	-	-	
Tổng cộng	**2.176.937.027**	**1.333.899.742**	**1.859.576.202**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý III/2024 của GTJA (VIETNAM))

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế phải nộp theo quy định của Nhà nước.

(f) Trích lập các quỹ theo Luật định

Công ty trích lập và sử dụng các Quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là CTCP, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT.

Tính đến thời điểm hiện tại, không có bất kỳ biến động lớn nào ảnh hưởng đến tình hình tài chính của GTJA(VIETNAM) do hoạt động kinh doanh vẫn nằm trong kế hoạch đề ra. Công ty đánh giá mức trích lập hiện tại là đầy đủ và đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Bảng 20: Trích lập các quỹ năm 2022 đến hết Quý III/2024

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.169.313	1.169.366.013	1.169.366.013
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	648.823.913	648.823.913	648.823.913
Quỹ dự phòng giảm giá chứng khoán	-	-	-
Tổng cộng	**1.818.189.926**	**1.818.189.926**	**1.818.189.926**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý III/2024 của GTJA (VIETNAM))

(g) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ:

Không có

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2022, 2023

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2022	Năm 2023
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	Lần	9,49	67,00
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	9,49	67,00
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,10	0,01
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0,11	0,11
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,11	0,11
- Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	0,11	0,11
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	Không khả dụng	Không khả dụng
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	19,70	33,54
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,13	3,53
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROE) Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,37	3,58
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cp	248,66	389,53

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: Không có

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam về BCTC kiểm toán năm 2022 số 2403.07-23/BT-TC/VAE được lập ngày 24/03/2023:

" Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động của vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh

nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Vấn đề khác:

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đó tại ngày 29 tháng 3 năm 2022."

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam về BCTC năm 2023 số 0803.02-24/BC-TC/VAE được lập ngày 08/03/2024:

"Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động của vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán."

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 22: Chi tiết kế hoạch kinh doanh năm 2024

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng trưởng
Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	80,5	93,7	16%
Lợi nhuận trước thuế	33,1	33,7	2%
Lợi nhuận sau thuế	27,0	27,0	0%
Tỷ lệ LNST/DTT hoặc Thu nhập lãi thuần	34%	29%	-
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	4%	4%	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

4.1 Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch

- Kế hoạch kinh doanh năm 2023: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 *(theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ.GTJA ngày 29/06/2023).*
- Kế hoạch kinh doanh năm 2024: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 *(theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ.GTJA ngày 24/06/2024).*

4.2 Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Trong bối cảnh kinh tế thế giới đối mặt với nhiều thách thức cùng với những khó khăn nội tại, nền kinh tế Việt Nam vẫn nổi bật nhờ những điểm sáng trong năm 2023 về chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ và tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Bước sang năm 2024, nếu bối cảnh quốc tế thuận lợi và trong nước phát huy tốt cả các động lực tăng trưởng truyền thống và mới, dự báo kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi tốt hơn, đạt được mục tiêu tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, làm động lực thúc đẩy cho thị trường chứng khoán phát triển.

- Kỳ vọng sự nới lỏng của chính sách tiền tệ và sự phục hồi của nền kinh tế: Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn với các nền kinh tế trên thế giới, Việt Nam cũng không nằm ngoài bởi sự ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô như tỷ giá và lạm phát. Tuy nhiên, với tình hình kinh tế hiện nay, chúng tôi kỳ vọng rằng chính sách tiền tệ sẽ được nới lỏng hơn trong năm 2024 và nền kinh tế sẽ phục hồi.

- Tính thanh khoản của thị trường trong năm 2024 sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi môi trường lãi suất đang dần hạ nhiệt. Bên cạnh đó, một số yếu tố sẽ hỗ trợ thị trường như kỳ vọng nâng hạng thị trường chứng khoán, triển khai vận hành hệ thống KRX, giúp chứng khoán thu hút thêm nhiều nhà đầu tư mới cũng như dòng tiền tham gia thị trường. Trong khi các nhà đầu tư nhỏ lẻ sẽ tiếp tục là động lực chính của thị trường, các nhà đầu tư nước ngoài nhiều khả năng sẽ quay trở lại, các công ty chứng khoán sẽ tiếp tục chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ trong doanh thu từ phí môi giới và cho vay ký quỹ.
- Số dư cho vay ký quỹ sẽ tiếp tục tăng trong năm 2024, dựa trên thanh khoản được cải thiện và tăng khả năng thâm nhập thị trường. Lãi suất cho vay giảm là một trong những yếu tố thúc đẩy nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính của nhà đầu tư chứng khoán.
- Dịch vụ ngân hàng đầu tư dự kiến sẽ tăng trưởng do triển vọng thu nhập chung của nền kinh tế Việt Nam được cải thiện trong năm 2024. Các hoạt động IPO và M&A sẽ tiếp tục sôi động trở lại, khi Việt Nam vẫn là điểm sáng thu hút dòng vốn quốc tế; trong đó, M&A xuyên biên giới luôn thế mạnh của Công ty nhờ có sự hỗ trợ của Tập đoàn mẹ. Ngược lại, khối lượng phát hành trái phiếu dự kiến sẽ chưa có nhiều tăng trưởng đột biến do các quy định về chào bán trái phiếu riêng lẻ có xu hướng chặt chẽ hơn và tâm lý e ngại của nhà đầu tư sau các biến động lớn trên thị trường trái phiếu năm vừa qua. Tuy nhiên, một số ít công ty chứng khoán có thể tiếp tục thu phí từ việc phân phối trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn dài đã phát hành trong những năm trước.
- Thu nhập từ hoạt động tự doanh duy trì ở mức tích cực: Trong kịch bản cơ sở của GTJA (VIETNAM), Công ty đã đặt mục tiêu với mức tăng trưởng hợp lý cho VN-Index vào năm 2024. Giá cổ phiếu có thể được hỗ trợ thêm do tỷ trọng của Việt Nam trong MSCI tăng lên. Đồng thời, các công ty chứng khoán có nhiều cơ hội kiếm được lợi nhuận tích cực từ giao dịch cổ phiếu vào năm 2024. Tuy nhiên, do thị trường đã phục hồi mạnh vào năm 2023 dẫn đến thu nhập từ giao dịch cổ phiếu tăng mạnh, thì việc duy trì tăng trưởng vào năm 2024 vẫn sẽ là một thách thức lớn.

Cùng với những dự báo tích cực về tiềm năng tăng trưởng kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 cũng được kỳ vọng sẽ có sự phát triển mạnh mẽ trên tất cả các khía cạnh như giá trị giao dịch, dòng vốn ngoại hồi phục, phát triển sản phẩm mới cũng như nền tảng pháp lý có hiệu lực ngay từ đầu năm tạo tiền đề cho sự tăng trưởng của thị trường. Bên cạnh đó, năm 2024 cũng sẽ tiếp tục chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán, đặc biệt là từ các công ty có vốn nước ngoài.

Trong bối cảnh đó, nhóm giải pháp cho từng mảng kinh doanh tại GTJA (VIETNAM) được xác định cụ thể dựa trên mục tiêu chiến lược trung - dài hạn sẽ tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững, bao gồm: chất lượng sản phẩm và dịch vụ, phát triển nguồn nhân lực và phát triển hệ thống. Với đặc thù của ngành tài chính, một cuộc khủng hoảng tài chính của một thành phần trong thị trường có thể tạo ra một cuộc khủng hoảng hệ thống. Chính vì vậy, tăng trưởng bền vững luôn là mục tiêu của GTJA (VIETNAM) để có thể tồn tại và phát triển vững chắc, đồng hành cùng sự phát triển của thị trường. Công ty không chọn theo đuổi chiến lược tăng trưởng nhanh đi kèm mức độ rủi ro cao mà tập trung vào các giải pháp xây dựng và bảo vệ thị trường phát triển bền vững, giữ an toàn và hiệu quả trong dài hạn cho nhà đầu.

4.3 Đánh giá của Tổ chức tư vấn và Tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có) về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức: Không có

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007. Căn cứ theo quy định tại Khoản 3, Điều 120, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định: "*Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.*". Đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1 Cổ đông lớn của Công ty

Bảng 23: Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty tại thời điểm hiện tại

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % số lượng cổ phần hiện tại/VĐL thực góp	Số lượng cổ phần nắm giữ sau chào bán	Dự kiến tỷ lệ % số lượng cổ phần sau chào bán /VĐL sau chào bán	Các bên liên quan
1	Guotai Junan Securities (Hong Kong) Limited	35.350.000	50,97%	70.700.000	50,97%	Không có
2	CT TNHH Dazhong (Việt Nam) International	8.333.000	12,02%	16.666.000	12,02%	Không có
	Tổng cộng	**43.683.000**	**62,99%**	**87.366.000**	**62,99%**	

2.2 Thông tin chi tiết Cổ đông lớn

- **Cổ đông là tổ chức**

(1) Cổ đông thứ nhất

Tên	:	**Guotai Junan Securities (Hong Kong) Limited**
Năm thành lập	:	08/07/1993
Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác	:	433562
Nơi cấp	:	Hồng Kông
Địa chỉ trụ sở chính	:	26-28/F, Grand Millennium Plaza, 181 Queen's Road Central, Hồng Kông.
Vốn điều lệ	:	HKD 7.500.000.000
Người đại diện theo pháp luật	:	Yim Fung
Người đại diện theo ủy quyền tại TCPH	:	Wang Jun Hong
Thời điểm trở thành cổ đông lớn	:	08/03/2023
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	:	Công ty mẹ
Lợi ích với doanh nghiệp khác hoạt động cùng lĩnh vực	:	Không có

(2) Cổ đông thứ hai

Tên	:	**CT TNHH Dazhong (Việt Nam) International**
Năm thành lập	:	22/12/2017
Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác	:	0314800991
Nơi cấp	:	Sở KH và ĐT Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ trụ sở chính	:	23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Vốn điều lệ	:	113.450.000.000 đồng
Người đại diện theo pháp luật	:	Zhuang Ziguo
Người đại diện theo ủy quyền tại TCPH	:	Zhuang Ziguo
Thời điểm trở thành cổ đông lớn	:	11/05/2018
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	:	Cổ đông chiến lược nắm giữ trên 10% vốn điều lệ
Lợi ích với doanh nghiệp khác hoạt động cùng lĩnh vực	:	Không có

Công ty không có Hợp đồng giao dịch ký quỹ với các đối tượng này.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1 Danh sách thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
I	**Hội đồng quản trị**	
1	Wang Jun Hong	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Yim Fung	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Thanh Kỳ	Thành viên HĐQT độc lập
4	Huang Bo	Thành viên HĐQT
5	Wei Xi	Thành viên HĐQT
II	**Ban Kiểm soát**	
1	Lê Tất Thành	Trưởng Ban kiểm soát [2]
2	Hoàng Thị Thanh Hoa	Thành viên Ban kiểm soát
3	Shen Jing	Thành viên Ban kiểm soát
III	**Ban Giám đốc**	
1	Huang Bo	Tổng Giám đốc
2	Bùi Quang Kỳ	Phó Tổng Giám đốc
3	Hoàng Anh	Giám đốc điều hành
IV	**Kế toán trưởng**	
1	Nguyễn Ngọc Mai	Kế toán trưởng

[2] *Công ty đã nhận được đơn từ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát của ông Lê Tất Thành vào ngày 21/10/2024. Vấn đề này sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất xem xét phê duyệt.*

3.2 Sơ yếu lý lịch

3.2.1. Hội đồng quản trị

a. Ông Wang Jun Hong – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	**Wang Jun Hong**
Ngày tháng năm sinh	19/05/1969
Quốc tịch	Hồng Kông, Trung Quốc
Địa chỉ thường trú	Hồng Kông, Trung Quốc
Số CMND/Hộ chiếu	M134173(7); Ngày cấp: 27/11/2019; Nơi cấp: Trung Quốc
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác	- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính tại Marshall School of Business Đại học Nam California - Chứng chỉ: CFA
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại TCPH	Từ 2022 – nay: Chủ tịch HĐQT Guotai Junan (VIETNAM)
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác	- Từ năm 1995 - 1996: Nhà Phân tích tại People's Bank of China - Từ năm 1996 - 1998: Phó Tổng giám đốc Khối Nghiệp vụ quốc tế tại CITIC Bank (Guangzhou) - Từ năm 1998 - 2000: Tổng giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ và Ngân hàng Tư nhân tại CITIC Bank (Guangzhou) - Từ năm 2002 - 2005: Giám đốc tài chính cấp cao tại CITIC Ka Wah Bank - Từ năm 2005 – 2006: Phó Giám đốc điều hành tại Financial Planning Standards Board (China) - Năm 2006 - 2012: Phó Giám đốc điều hành tại Beijing Financial Education Corporation - Từ 2012 – 2021: Trợ lý Giám đốc điều hành Công ty Guotai Junan International Holdings Ltd. - Từ 2021 – nay: Phó Giám đốc điều hành Công ty Guotai Junan International Holdings Ltd.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	35.350.000 cổ phần – chiếm 50,97% Vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

<table>
<tr><td>+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với Chủ tịch HĐQT và những người có liên quan của Chủ tịch HĐQT</td><td>Không có</td></tr>
<tr><td>+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại</td><td><table><tr><th>Năm</th><th>Tiền lương (VND)</th><th>Thù lao (VND)</th></tr><tr><td>2022</td><td>0</td><td>0</td></tr><tr><td>2023</td><td>0</td><td>0</td></tr><tr><td>2024</td><td colspan="2">Chưa thực hiện chi trả cho cả năm 2024</td></tr></table></td></tr>
<tr><td>Các khoản nợ đối với Công ty</td><td>Không có</td></tr>
<tr><td>Trường hợp Chủ tịch HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành, nêu các thông tin sau:</td><td>Không có</td></tr>
</table>

b. Ông Yim Fung – Thành viên HĐQT

Họ và tên	**Yim Fung**
Ngày tháng năm sinh	10/04/1963
Quốc tịch	Trung Quốc
Địa chỉ thường trú	Hồng Kông, Trung Quốc
Số CMND/Hộ chiếu	HJ2043039; Ngày cấp 19/11/2019; Nơi cấp: Hồng Kông, Trung Quốc
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác	Tiến sĩ ngành Số lượng và kinh tế kỹ thuật tại Học viện Khoa học xã hội Trung Quốc
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại TCPH	Từ 2019 – nay: Thành viên HĐQT Guotai Junan (VIETNAM)
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Từ tháng 11/1990 – tháng 2/1993: Nhân viên Phòng nước ngoài Công ty phát triển đặc khu kinh tế Thâm Quyến - Từ tháng 2/1993 – tháng 2/1998: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Công Nghiệp Hợp Phong Thâm Quyến - Từ tháng 2/1998 – tháng 8/1999: Tổng Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp Công ty TNHH Chứng khoán Guotai Junan - Từ tháng 8/1999 – tháng 11/1999: Chủ nhiệm Văn phòng Công ty Thâm Quyến Công ty TNHH Chứng

<table>
<tr><td></td><td>khoán Guotai Junan
- Từ tháng 11/1999 – tháng 12/2000: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Guotai Junan (HongKong)
- Từ tháng 12/2000 – tháng 7/2010: Giám đốc điều hành Công ty TNHH Tài chính Guotai Junan
- Từ tháng 7/2010 – tháng 8/2012: Phó chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành Công ty Guotai Junan International Holdings
- Từ tháng 8/2012 – nay: Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành Công ty Guotai Junan International Holdings</td></tr>
<tr><td>Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ</td><td>0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ</td></tr>
<tr><td>Trong đó</td><td></td></tr>
<tr><td>- Sở hữu cá nhân</td><td>0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ</td></tr>
<tr><td>- Được ủy quyền đại diện</td><td>0 cổ phần</td></tr>
<tr><td>Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan</td><td>Công ty Guotai Junan Securities (Hong Kong) – Ông Yim Fung là thành viên HĐQT kiêm Giám đốc – Sở hữu 35.350.000 cổ phần – chiếm 50,97% Vốn điều lệ</td></tr>
<tr><td>Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành</td><td>Không có</td></tr>
<tr><td>Lợi ích liên quan đối với Công ty</td><td>Không có</td></tr>
<tr><td>Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT</td><td>Không có</td></tr>
<tr><td>Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại</td><td><table>
<tr><th>Năm</th><th>Tiền lương (VND)</th><th>Thù lao (VND)</th></tr>
<tr><td>2022</td><td>0</td><td>0</td></tr>
<tr><td>2023</td><td>0</td><td>0</td></tr>
<tr><td>2024</td><td colspan="2">Chưa thực hiện chi trả cho cả năm 2024</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Các khoản nợ đối với Công ty</td><td>Không có</td></tr>
<tr><td>Trường hợp thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành, nêu các thông tin sau:</td><td>Không có</td></tr>
</table>

c. Ông Nguyễn Thanh Kỳ – Thành viên HĐQT độc lập

Họ và tên	**Nguyễn Thanh Kỳ**
Ngày tháng năm sinh	12/10/1940
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	M3 M4, Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Số CMND/Hộ chiếu	010040000022; Ngày cấp 08/10/2012; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG dân cư
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác	Cử nhân
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại TCPH	Từ 2022 – nay: Thành viên độc lập HĐQT Guotai Junan (VIETNAM)
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Từ 1987-1997: Phó vụ trưởng Ngân hàng Trung ương (Ngân hàng Nhà nước) - Từ 1997-2001: Chánh văn phòng UBCKNN - Từ 2010-2015: Thành viên HĐQT Agriseco - Từ 2003-2022: Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam - Từ tháng 03/2022-nay: Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với thành viên HĐQT độc lập và những người có liên quan của thành viên HĐQT độc lập	Không có
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	<table><tr><th>Năm</th><th>Tiền lương (VND)</th><th>Thù lao (VND)</th></tr><tr><td>2022</td><td>0</td><td>187.634.413</td></tr><tr><td>2023</td><td>0</td><td>200.000.004</td></tr><tr><td>2024</td><td colspan="2">Chưa thực hiện chi trả cho cả năm 2024</td></tr></table>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có

Trường hợp thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH, nêu các thông tin sau:	Không có

d. Ông Huang Bo – Thành viên HĐQT

Họ và tên	**Huang Bo**
Ngày tháng năm sinh	03/11/1985
Quốc tịch	Hoa Kỳ
Địa chỉ thường trú	Hồng Kông, Trung Quốc
Số CMND/Hộ chiếu	547950472; Ngày cấp: 27/07/2016; Nơi cấp: Hoa Kỳ
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác	Thạc sĩ Tài chính, Đại học Aberdeen, Vương quốc Anh; Thạc sĩ Kinh tế, Đại học College London, Vương quốc Anh; Thạc sĩ Đầu tư, Đại học San Francisco, Hoa Kỳ
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại TCPH	- Từ năm 2022 – đến nay: Thành viên HĐQT Guotai Junan (Việt Nam) - Từ năm 2023 – đến nay: Tổng Giám đốc của Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác	Từ năm 2016 - 2021: Quản lý bộ phận chiến lược đầu tư tại Guotai Junan International Hong Kong
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT	Không có
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm	<table><tr><th>Năm</th><th>Tiền lương (VND)</th><th>Thù lao (VND)</th></tr><tr><td>2022</td><td>0</td><td>0</td></tr><tr><td>2023</td><td>177.583.702</td><td>0</td></tr></table>

liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	2024 | Chưa thực hiện chi trả cho cả năm 2024
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Trường hợp thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành, nêu các thông tin sau:	Không có

e. Ông Wei Xi – Thành viên HĐQT

Họ và tên	**Wei Xi**
Ngày tháng năm sinh	23/11/1982
Quốc tịch	Trung Quốc
Địa chỉ thường trú	Thượng Hải, Trung Quốc
Số CMND/Hộ chiếu	EE4957600; Ngày cấp 18/10/2018; Nơi cấp: Trung Quốc
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác	Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính quốc tế tại Đại học Newcastle (Anh)
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại TCPH	Từ năm 2022 – đến nay: Thành viên HĐQT Guotai Junan (Việt Nam)
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Từ năm 2013 - 2015: Nhân viên tại Shanghai Technology Company - Từ năm 2015 – đến nay : Giám đốc tại Shanghai Dazhong Public Utilities
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT	Không có

<table>
<tr><td>Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại</td><td><table>
<tr><th>Năm</th><th>Tiền lương (VND)</th><th>Thù lao (VND)</th></tr>
<tr><td>2022</td><td>0</td><td>212.943.548</td></tr>
<tr><td>2023</td><td>0</td><td>225.000.000</td></tr>
<tr><td>2024</td><td colspan="2">Chưa thực hiện chi trả cho cả năm 2024</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Các khoản nợ đối với Công ty</td><td>Không có</td></tr>
<tr><td>Trường hợp thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành, nêu các thông tin sau:</td><td>Không có</td></tr>
</table>

3.2.2. Ban kiểm soát

a. Ông Lê Tất Thành – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	**Lê Tất Thành**
Ngày tháng năm sinh	28/07/1990
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Căn hộ 12B04, tòa nhà C6, D'Capitale, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
Số CMND/Hộ chiếu	001090001718
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác	- Cử nhân kinh tế - Chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Quản lý quỹ
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại TCPH	- Tháng 10/2021 đến nay: Trưởng phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Từ 2023 – nay: Trưởng BKS
Chức vụ đã đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Từ năm 2016 – 2019: Chuyên viên cao cấp Tư vấn tài chính doanh nghiệp – CTCP Chứng khoán Vietinbank - Từ năm 2019 – 2021: Chuyên gia thẩm định và phê duyệt tín dụng KHDN lớn – Hội sở Techcombank
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	43.200 cổ phần - chiếm 0,06% Vốn điều lệ
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	43.200 cổ phần - chiếm 0,06% Vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với Trưởng BKS và những người có liên quan của Trưởng BKS	Không có
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	<table><tr><th>Năm</th><th>Tiền lương (VND)</th><th>Thù lao (VND)</th></tr><tr><td>2022</td><td>0</td><td>0</td></tr><tr><td>2023</td><td>668.114.348</td><td>13.407.406</td></tr><tr><td>2024</td><td colspan="2">Chưa thực hiện chi trả cho cả năm 2024</td></tr></table>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Trường hợp Trưởng BKS có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành, nêu các thông tin sau:	Không có

b. Bà Hoàng Thị Thanh Hoa – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	**Hoàng Thị Thanh Hoa**
Ngày tháng năm sinh	08/06/1981
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ 27, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội
Số CMND/Hộ chiếu	008181000232; Ngày cấp: 10/07/2021; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác	- Thạc sĩ Luật - Chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Môi giới chứng khoán - Chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo Quản trị Công ty cho các Công ty cổ phần đại chúng.
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại TCPH	- Từ năm 2022 đến nay: Giám đốc Pháp chế và Tuân thủ - Từ 2022 – nay: Thành viên BKS Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Từ năm 2005 – 2016: Phó Phòng Thông tin và Hợp tác Quốc tế Cục Bản quyền – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Từ năm 2016 – 2018: Phụ trách Pháp chế, Tuân thủ và Quản trị rủi ro – Tập đoàn Tài chính Fubon – Bảo hiểm nhân thọ Fubon (Việt Nam) - Từ năm 2019 – 2022: Giám đốc Pháp chế - BEST Logistics Technology (Việt Nam)
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	20.000 cổ phần - chiếm 0,029% Vốn điều lệ

<table>
<tr><td>Trong đó</td><td></td></tr>
<tr><td>- Sở hữu cá nhân</td><td>20.000 cổ phần - chiếm 0,029% Vốn điều lệ</td></tr>
<tr><td>- Được ủy quyền đại diện</td><td>0 cổ phần</td></tr>
<tr><td>Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan</td><td>0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ</td></tr>
<tr><td>Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành</td><td>Không có</td></tr>
<tr><td>Lợi ích liên quan đối với Công ty</td><td>Không có</td></tr>
<tr><td>Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS</td><td>Không có</td></tr>
<tr><td>Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại</td><td><table>
<tr><th>Năm</th><th>Tiền lương (VND)</th><th>Thù lao (VND)</th></tr>
<tr><td>2022</td><td>373.146.166</td><td>6.777.777</td></tr>
<tr><td>2023</td><td>599.240.000</td><td>13.333.332</td></tr>
<tr><td>2024</td><td colspan="2">Chưa thực hiện chi trả cho cả năm 2024</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Các khoản nợ đối với Công ty</td><td>Không có</td></tr>
<tr><td>Trường hợp thành viên BKS có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành, nêu các thông tin sau:</td><td>Không có</td></tr>
</table>

c. Bà Shen Jing – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	**Shen Jing**
Ngày tháng năm sinh	11/07/1982
Quốc tịch	Trung Quốc
Địa chỉ thường trú	Thượng Hải, Trung Quốc
Số CMND/Hộ chiếu	G56389098; Ngày cấp: 26/10/2011; Nơi cấp: Trung Quốc
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác	Thạc sĩ
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại TCPH	Từ 2018 – nay: Thành viên BKS Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Tháng 10/2009 - tháng 5/2013: Kiểm toán viên cao cấp Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán PwC Zhong Tian

	- Tháng 05/2013 - tháng 09/2017: Trợ lý Giám đốc Phòng Kiểm toán và Thanh tra Công ty TNHH Shanghai Dazhong Public Utilities Group - Từ tháng 09/2017- nay: Giám đốc tài chính của Công ty TNHH Dazhong International kiêm Giám đốc tài chính của Công ty TNHH Dazhong (Việt Nam) International
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS	Không có
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	<table><tr><th>Năm</th><th>Tiền lương (VND)</th><th>Thù lao (VND)</th></tr><tr><td>2022</td><td>0</td><td>15.000.000</td></tr><tr><td>2023</td><td>0</td><td>15.000.000</td></tr><tr><td>2024</td><td colspan="2">Chưa thực hiện chi trả cho cả năm 2024</td></tr></table>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có

3.2.3. Ban Giám đốc

a. Ông Huang Bo – Tổng Giám Đốc

Thông tin tại Mục 5.3.2.1.d – Ông Huang Bo – Thành viên Hội đồng quản trị

b. Ông Bùi Quang Kỳ – Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên	**Bùi Quang Kỳ**
Ngày tháng năm sinh	02/02/1972
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	P1310-N02-CC 5A Lê Đức Thọ, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội
Số CMND/Hộ chiếu	034072003923; Ngày cấp 14/10/2016; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác	- Cử nhân Kinh tế - Chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Môi giới - Chứng chỉ Hoàn thành chương trình đào tạo Quản trị Công ty cho các Công ty cổ phần đại chúng
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại TCPH	- Từ tháng 1/2010 – tháng 2/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) - Từ tháng 4/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Từ tháng 6/1998 – tháng 12/2004: Nhân viên Kế toán, Kế toán trưởng từ tháng 9/2001 Công ty Hecny Transportation - Từ tháng 1/2005 – tháng 12/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại sản xuất thiết bị và máy tính - Từ tháng 1/2007 – tháng 12/2009: Phó phòng Phụ trách Tài chính Kế toán, Phó phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ kiêm Quyền trưởng ban Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với Phó Tổng giám đốc và những người có liên quan của Phó Tổng giám đốc	Không có
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	<table><tr><th>Năm</th><th>Tiền lương (VND)</th><th>Thù lao (VND)</th></tr><tr><td>2022</td><td>582.280.000</td><td>0</td></tr><tr><td>2023</td><td>522.480.000</td><td>0</td></tr><tr><td>2024</td><td colspan="2">Chưa thực hiện chi trả cho cả năm 2024</td></tr></table>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Trường hợp Phó Tổng giám đốc có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác	Không có

hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành, nêu các thông tin sau:	

c. Ông Hoàng Anh – Giám đốc điều hành

Họ và tên	**Hoàng Anh**
Ngày tháng năm sinh	03/07/1981
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SB07-07 Vinhomes Ocean Park, Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
Số CMND/Hộ chiếu	036081008287; Ngày cấp: 30/11/2018; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại TCPH	- Từ tháng 6/2018 – tháng 4/2019: Phó Tổng Giám đốc - Từ tháng 4/2019 – 11/04/2023: Tổng Giám đốc - Từ 11/04/2023 đến nay: Giám đốc điều hành
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Từ năm 2008 – 2012: Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Chứng khoán Ngân hàng Agribank - Từ năm 2012 – 2016: Trưởng phòng Nguồn vốn và Trái phiếu Công ty Chứng khoán Ngân hàng Agribank - Từ năm 2016 – tháng 6/2018: Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng Công ty chứng khoán Ngân hàng Agribank
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với Giám đốc điều hành và những người có liên quan của Giám đốc điều hành	Không có
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo	

Năm	Tiền lương (VND)	Thù lao (VND)
2022	1.355.170.000	0

chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	2023	1.176.480.000	0
	2024	Chưa thực hiện chi trả cho cả năm 2024	
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có		
Trường hợp Giám đốc điều hành có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành, nêu các thông tin sau:	Không có		

3.2.4. Kế Toán Trưởng

Bà Nguyễn Ngọc Mai – Kế toán trưởng

Họ và tên	**Nguyễn Ngọc Mai**
Ngày tháng năm sinh	31/01/1994
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thiện Vịnh, Cộng Hòa, Vụ Bản, Nam Định
Số CMND/Hộ chiếu	036194013464
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác	- Cử nhân chuyên ngành tài chính doanh nghiệp - Chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Môi giới - Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại TCPH	Từ tháng 6.2023 đến nay: Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam).
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Từ tháng 3/2016 – tháng 4/2017: Chuyên viên kế toán, trợ lý kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán Việt Tin - Từ tháng 4/2017 – tháng 4/2018: Chuyên viên dự án Tổ chức Good People International - Từ tháng 5/2018 – tháng 5/2023: Chuyên viên kế toán Tiếng Trung, Trợ lý giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	300 cổ phần - chiếm 0,0004% Vốn điều lệ
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	300 cổ phần - chiếm 0,0004% Vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phần - chiếm 0% Vốn điều lệ

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với Kế toán trưởng và những người có liên quan của Kế toán trưởng	Không có
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	<table><tr><th>Năm</th><th>Tiền lương (VND)</th><th>Thù lao (VND)</th></tr><tr><td>2022</td><td>0</td><td>0</td></tr><tr><td>2023</td><td>167.426.331</td><td>0</td></tr><tr><td>2024</td><td colspan="2">Chưa thực hiện chi trả cho cả năm 2024</td></tr></table>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Trường hợp Kế toán trưởng đó có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành, nêu các thông tin sau:	Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
3. **Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:** 69.350.000 cổ phiếu
4. **Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:** 693.500.000.000 đồng
5. **Giá chào bán dự kiến:** 11.100 đồng/cổ phiếu
6. **Phương pháp tính giá**

Nguyên tắc xác định giá phát hành được dựa trên cơ sở giá trị sổ sách, giá thị trường và đánh giá mức độ pha loãng của cổ phần dự kiến sau phát hành.

❖ **Giá trị sổ sách: Tại thời điểm 31/12/2023**

Căn cứ vào Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 để xác định giá trị sổ sách của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
Vốn chủ sở hữu	VNĐ	755.141.431.819
Số lượng CP lưu hành *(*)*	CP	69.350.000
Giá trị sổ sách mỗi CP	VNĐ/CP	10.889

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

❖ **Giá thị trường:**

Mức giá đóng cửa giao dịch cổ phiếu IVS trên sàn HNX ngày 18/10/2024 là 9.800 đồng. Mức giá trung bình cổ phiếu IVS trong 30 phiên giao dịch gần nhất là 10.050 đồng/CP (*Tính đến phiên giao dịch ngày 18/10/2024).*

❖ **Xác định giá chào bán**

Đợt phát hành của cổ phiếu IVS được chào bán cho cổ đông hiện hữu. Do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào biến động của thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn của IVS và giá trị sổ sách của cổ phiếu IVS được tính toán, cũng như trên cơ sở đánh giá mức độ pha loãng giá. Hội đồng quản trị IVS thông qua giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của đợt phát hành thêm này là **11.100 đồng/cổ phiếu**.

7. Phương thức phân phối

- **Phương thức phân phối:** Chào bán trực tiếp cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ.

- **Tỷ lệ phân phối**: 1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng với 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua được mua thêm 01 cổ phiếu mới)

- **Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ**: Do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 nên sẽ không có phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ phát sinh

- **Xử lý số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết:** Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua được hủy bỏ.

- **Phương thức phân phối:** Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được GTJA (VIETNAM) thực hiện phân phối sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp như sau:

Bước 1: Thông báo quyền mua

Sau khi chốt danh sách cổ đông phân bổ quyền mua, Công ty hoặc các thành viên lưu ký sẽ thông báo đến các cổ đông về thời gian phát hành, thời gian nộp tiền mua cổ phần.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu và thanh toán tiền mua cổ phần.

- Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỉ lệ quy định.

- Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa theo mức giá quy định trong thời hạn đăng ký mua cho phép.

- Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

- Chuyển nhượng quyền mua: Quyền mua được phép chuyển nhượng 01 lần, người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ 3 *(Ví dụ: Cổ đông A có 1.000 Quyền mua, Cổ đông A chuyển nhượng Quyền mua cho Nhà đầu tư B 200 Quyền mua và Nhà đầu tư C 500 Quyền mua. Nhà đầu tư B và Nhà đầu tư C không được phép chuyển nhượng tiếp Quyền mua từ Cổ đông A cho bất kỳ người nào).*

Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền.

- Kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, Công ty sẽ tập hợp danh sách cổ đông đã mua cổ phần để lập phương án xử lý số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết *(nếu có)*.

- Toàn bộ số tiền bán cổ phần được chuyển vào tài khoản phong tỏa.

Bước 4: Phân phối chứng khoán.

Thời gian phân phối dự kiến là 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực. Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn nêu trên, Công ty sẽ xin gia hạn thêm thời gian phân phối nhưng không quá 30 ngày sau khi được UBCKNN chấp thuận.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- **Thời hạn:** Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Công ty phải công bố Bản thông báo phát hành (bao gồm thông tin về thời hạn đăng ký mua cổ phiếu) theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- **Số lượng đặt mua tối thiểu:** Không có

- **Địa điểm nhận Hồ sơ đăng ký mua cổ phiếu:**

+ Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: đăng ký và nộp tiền mua tại các Thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản.

+ Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán và các cá nhân, tổ chức khác: đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần tại trụ sở của Công ty và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa.

- **Phương thức thanh toán:**

+ Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Đăng ký và nộp tiền mua tại các Thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản. Các công ty chứng khoán này sẽ làm thủ tục thực hiện quyền mua cho cổ đông và chuyển tiền vào tài khoản của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC). Hết thời gian thực hiện quyền, VSDC chuyển khoản tiền mua cổ phiếu phát hành thêm vào Tài khoản phong tỏa của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam).

+ Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán và các cá nhân, tổ chức khác: Chuyển khoản vào Tài khoản phong tỏa của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam).

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

- Thời gian phân phối dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

- Sau khi nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của UBCKNN, Hội đồng quản trị GTJA (VIETNAM) sẽ thực hiện các thủ tục tiếp theo với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về ngày chốt danh sách cổ

đông để thực hiện việc phân bổ quyền mua cổ phần phát hành thêm. Lịch trình chào bán cổ phiếu phát hành dự kiến như sau:

STT	Công việc chính	Thời gian dự kiến
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng	T
2	Tiến hành các thủ tục chốt danh sách cổ đông phân bổ quyền mua tại VSDC	T + 1
3	Công bố thông tin Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp	T + 1
4	Ngày đăng ký cuối cùng để chốt cổ đông	T + 9
5	VSDC gửi danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu cho các Thành viên Lưu ký	T + 12
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	T+13 – T+33
7	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	T+13 – T+33
9	Tổng hợp thực hiện quyền	T+34 – T+35
10	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	T+36
11	Nhận xác nhận kết quả do UBCK cấp	T+39
12	Công ty chuyển giao cổ phiếu và nộp hồ sơ lưu ký, niêm yết cổ phiếu	Từ T+40

(Trong đó ngày T là ngày làm việc)

10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi)

Không có

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Chuyển nhượng quyền mua: Quyền mua được phép chuyển nhượng 01 lần, người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ 3.

(Ví dụ: Cổ đông A có 1.000 Quyền mua. Cổ đông A chuyển nhượng Quyền mua cho Nhà đầu tư B 200 Quyền mua và Nhà đầu tư C 500 Quyền mua. Nhà đầu tư B và Nhà đầu tư C không được phép chuyển nhượng tiếp Quyền mua từ Cổ đông A cho bất kỳ người nào).

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa dưới đây:

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)
Số tài khoản: 8660021477
Ngân hàng: BIDV – Chi nhánh Hà Thành
Loại tiền: VNĐ

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Không có

14. Hủy bỏ đợt chào bán: Không có

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

- Theo Công văn số 2537/UBCK-QLKD ngày 09/05/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) là 100%.
- Vì vậy, Công ty bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài sau khi kết thúc đợt chào bán.

16. Các loại thuế có liên quan

16.1. Đối với Công ty

➢ **Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)**

Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo mức thuế suất hiện hành là 20%.Thuế giá trị gia tăng.

➢ **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế suất giá trị gia tăng mà công ty đang chịu là 10%.

16.2. Đối với nhà đầu tư

➢ **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

❖ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

✓Đối với nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế áp dụng 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4b Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5 Điều 16 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

✓Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

❖ **Thu nhập từ cổ tức:**

✓Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế toàn phần là 5%.

✓Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

➢ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

❖ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất TNDN là 20%.

✓ Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

❖ **Thu nhập từ cổ tức:** được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008

17. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, Công ty sẽ thực hiện nộp hồ sơ đăng ký lưu ký và hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết theo quy định. Hội đồng quản trị hoàn tất thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và thay đổi đăng ký niêm yết toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và thực hiện tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) nằm trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, nhằm giúp Công ty có thêm nguồn vốn chủ sở hữu để:

- Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ (dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ);
- Mở rộng phát triển sản phẩm phái sinh;
- Bổ sung nguồn vốn hỗ trợ hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp (còn được gọi là hoạt động ngân hàng đầu tư theo thông lệ trong ngành tài chính).

2. Phương án khả thi *(trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án)*

Không áp dụng.

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

Không áp dụng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng giá trị phát hành dự kiến theo giá phát hành là 769.785.000.000 đồng. Dự kiến Công ty sẽ phân bổ sử dụng số tiền cho các hoạt động của Công ty, gồm:

STT	Nội dung chi tiết	Số tiền đầu tư	Dự kiến thời gian thực hiện giải ngân
1	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ (dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ)	75% số tiền thu được từ đợt chào bán, tương đương : 577.338.750.000 đồng	Trong năm 2024 – 2025, ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán. Thứ tự ưu tiên đầu tư lần lượt là: 1. Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ (dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ) 2. Mở rộng phát triển sản phẩm phái sinh 3. Bổ sung nguồn vốn hỗ trợ hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp (ngân hàng đầu tư)
2	Mở rộng phát triển sản phẩm phái sinh	10% – 15% số tiền thu được từ đợt chào bán, tương đương: 76.978.500.000 đồng đến 115.467.750.000 đồng.	
3	Bổ sung nguồn vốn hỗ trợ hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp (ngân hàng đầu tư)	10% – 15% số tiền thu được từ đợt chào bán, tương đương: 76.978.500.000 đồng đến 115.467.750.000 đồng.	

ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT: (i) Quy định cụ thể phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán khi thấy cần thiết hoặc khi có yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng; (ii) Cân đối và phân bổ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu để sử dụng đúng theo mục đích được ĐHĐCĐ thông qua nhưng phải đảm bảo tiêu chí hoạt động của công ty chứng khoán; và (iii) Chủ động điều chỉnh việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn (nếu cần thiết) cho phù hợp với thực tế của Công ty.

HĐQT chỉ được thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành sẽ được báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Công ty sẽ sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác của Công ty hoặc huy động các nguồn hợp lệ khác nhằm bù đắp phần vốn còn thiếu để thực hiện đúng mục đích sử dụng vốn nêu trên.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, 2023:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà, số 165, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6267 0491 Fax: (84-24) 6267 0494

Website: **https://www.vae.com.vn**

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hà Nội, ngày 02.. tháng 12.. năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

CHỦ TỊCH HĐQT

WANG JUN HONG

TỔNG GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN TRƯỞNG
HUANG BO	NGUYỄN NGỌC MAI

XIII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty

Phụ lục II: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/QD-ĐHĐCĐ ngày 12/03/2024

Phụ lục III: Quyết định của Hội đồng quản trị số 11/2024/NQ-HĐQT.GTJAVN ngày 23/04/2024

Phụ lục IV: Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán

Phụ lục V: Văn bản cam kết niêm yết cổ phiếu phát hành thêm trên hệ thống giao dịch chứng khoán

Phụ lục VI: Văn bản cam kết Công ty không thuộc trường hợp bị đang truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Phụ lục VII: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, 2023 và Báo cáo tài chính Quý III/2024

Phụ lục VIII: Điều lệ của Công ty

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0102355379

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 08 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 30 tháng 01 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GUOTAI JUNAN SECURITIES (VIETNAM) CORP.

Tên công ty viết tắt: GTJA (VIETNAM)

2. Địa chỉ trụ sở chính

P9-10, tầng 1, Charm Vit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *02435730073* Fax: *02435730088*

Email: *info@gtjai.com.vn* Website: *www.gtjai.com.vn*

3. Vốn điều lệ: 693.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 69.350.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HUANG BO Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *03/11/1985* Dân tộc: *Quốc tịch: Mỹ*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *547950472*

Ngày cấp: *27/07/2016* Nơi cấp: *Mỹ*

Địa chỉ thường trú: *Block 6, Double Cove – Grandview, 8 Wu Kai Sha Road, Ma On Shan, Shatin, Hong Kong, Trung Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *Phòng 2610 The Nine, số 9 Phạm Văn Đồng, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 05-02-2024
Số: 0928 Quyển: 01 SCT/BS

TRƯỞNG PHÒNG

S.K.H.Đ: 01 - C.T.K.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HÀ NỘI
Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Kim Xuyến

Trần Văn Tình

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Số: 69 /UBCK- GPHĐKD

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2007

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 63/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty cổ phần chứng khoán VNS ngày 4 tháng 7 năm 2007;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Kinh doanh Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài : VNS Securities Company.
- Tên viết tắt : VNS.
- Trụ sở chính đặt tại: Tầng 1,Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Vốn điều lệ: **161.000.000.000 (Một trăm sáu mốt tỷ) đồng.**
- Vốn pháp định: **135.000.000.000 (Một trăm ba nhăm tỷ) đồng.**
- Thời gian hoạt động: Không xác định thời hạn.
- Cổ đông sáng lập:

Stt	Tên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Giấy CNĐKKD/	Quốc tịch

			CMND	
1	Công ty TNHH Đầu tư địa ốc thành phố	193A/8 Nam kỳ khởi nghĩa, phường 7, quận 3 TP. HCM	4102016626	Việt Nam
2	Đoàn Ngọc Hoàn:	84b, Tổ 24C, tập thể 373 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.	012636462	Việt Nam
3	Đặng Đình Thắng	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Tây	111164775	Việt Nam
4	Nguyễn Thị Kim Anh	78 Trần Quang Khải – TP Hải phòng	031146322	Việt Nam
5	Nguyễn Thị Minh Hương	số 20 tổ 2B Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	011962860	Việt Nam
6	Trịnh Bảo Trung	Nhà 16 D, ngách 93/28 phố Hoàng Văn Thái, phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	011939340	Việt Nam
7	Từ Thị Hòa	Phường Đội Cung, Thành phố Vinh, Nghệ An	180447808	Việt Nam
8	Lê Thị Thanh Ngọc	P 206 - D2C – Phương Mai – Đống Đa – Hà Nội	012191571	Việt Nam
9	Lê Thị Quế	84, ngách 97/16 tổ 13 Khương Trung HN	012567031	Việt Nam
10	Cao Kim Hường	148 phố Nguyễn Thái Học – Hà Nội	010026377	Việt Nam
11	Lê Thị Thu Hằng	39 ngõ 7 Thái Hà – Hà Nội	011753797	Việt Nam

12	Dương Thanh Hường	Số 6 Ngõ 6 Vạn Phúc - Hà Nội	010321718	Việt Nam
13	Đặng Thị Loan	78 Bà Triệu - Hà Nội	012333000	Việt Nam
14	Đinh Thị Thương	68 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận I, TP. Hồ Chí Minh	164273197	Việt Nam
15	Lê Thị Hợi	Số 15 Ngõ 83 tổ 14 Trần Duy Hưng - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội	012243584	Việt Nam
16	Đoàn Thị Thanh Hồng	78 Đại La – Hai Bà Trưng – Hà Nội	012544484	Việt Nam
17	Khương Thị Lợi	P 916 –CT 2 – ĐN 1, Khu đô thị Định Công – H N	113010203	Việt Nam
18	Từ Thị Châu	Phường Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An	180029009	Việt Nam
19	Nguyễn Thị Hải Thanh	B1 25 B Láng Hạ- Ba Đình - Hà Nội	011958902	Việt Nam
20	Nguyễn Xuân Thái	P 502, K11 Bách Khoa – Hai Bà Trưng - Hà nội.	012644159	Việt Nam
21	Bùi Mai Anh	Số nhà 11 ngõ 1/34/7 Phan Đình Giót, Thanh xuân, Hà Nội.	012511198	Việt Nam
22	Nguyễn Thị Bích Liên	311 G6 A tập thể Thành Công - Ba Đình – Hà Nội.	011830471	Việt Nam

- Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: **Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Đoàn Ngọc Hoàn** Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **19/04/1974** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng minh thư số: **012636462**

Ngày cấp: **24/10/2003** Nơi cấp: **TP Hà Nội**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **84b, Tổ 24c, tập thể 373 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.**

Chỗ ở hiện tại: **12, ngõ 155/74/1 đường Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội.**

Điều 2. Công ty cổ phần chứng khoán VNS được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh sau đây:

1. Môi giới chứng khoán.
2. Tư vấn đầu tư chứng khoán.
3. Tự doanh chứng khoán.
4. Lưu ký chứng khoán.

Điều 3. Trong quá trình hoạt động, Công ty cổ phần chứng khoán VNS phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ công ty.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 11-07-2024
Số chứng thực: 47072 Quyển số: 01 TP/CC

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Công ty cổ phần chứng khoán VNS phải khai trương hoạt động. Sau thời hạn trên, nếu Công ty không khai trương hoạt động, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ thu hồi Giấy phép.

Điều 5. Giấy phép này được lập thành hai (02) bản gốc; Công ty cổ phần chứng khoán VNS giữ một (01) bản; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giữ một (01) bản.

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHÙNG QUÂN
Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

BỘ TÀI CHÍNH

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Duy Linh

Nguyễn Đoan Hùng

BẢN SAO

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Số: 02 /GPĐC - UBCK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2024.

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam);

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Kinh doanh chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 08 năm 2007 do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) với nội dung như sau:

- Người đại diện theo pháp luật:
  + Ông Huang Bo — Quốc tịch: Hoa Kỳ
  + Chức danh: Tổng giám đốc
  + Sinh ngày: 03/11/1985 — Giới tính: Nam
  + Số hộ chiếu: 547950472 — Ngày cấp: 27/07/2016
  + Nơi cấp: Hoa Kỳ

Điều 2. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký, đồng thời là một bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty số 69/UBCK-

GPHĐKD ngày 28 tháng 8 năm 2007 do Chủ tịch Uỷ ban chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam).

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản gốc: 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam); 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Hải Sinh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 10-07-2024
4619 01
Số:.....Quyển:.....-SCT/BS

S.Đ.K.H.Đ: 01 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HÀ NỘI
Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Kim Xuyến

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM) ***GUOTAI JUNAN SECURITIES (VIETNAM) CORP.*** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom – Happiness*** ---
Số/*No.*: 01/2024/QD-DHDCD	Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2024 *Hanoi, 12/03/2024*

NGHỊ QUYẾT
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
DECISION
OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Căn cứ vào:
Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội;
  Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020 of the National Assembly;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội;
  Law on Securities No.54/2019/QH14 dated 26 November 2019 of the National Assembly

- Điều lệ của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Guotai Junan (Việt Nam);
  Charter of Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp.;

- Biên bản họp số 01/2024/BBH-DHDCD ("**Biên Bản Họp**") ngày 12 tháng 03 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Guotai Junan (Việt Nam) ("**Công Ty**");
  *Meeting minutes No: 01/2024/BBH-DHDCD ("**Meeting Minutes**") dated 12/03/2024 of the General Meeting of Shareholders of Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp. (the "**Company**").*

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)
THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
OF GUOTAI JUNAN SECURITIES (VIETNAM) CORP.

QUYẾT NGHỊ
DECIDES

ĐIỀU 1. CHẤP THUẬN CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI CUỘC HỌP NHƯ SAU:
ARTICLE 1. ACCEPT THE MATTERS ADOPTED AT THE MEETING AS FOLLOWS:

1. Đối với phương án phát hành:
   Regarding the issuance plan:

   Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận phương án phát hành được đính kèm tại Phụ lục 1 của Nghị quyết này. Một số nội dung chính của phương án phát hành như sau:
   The General Meeting of Shareholders approves the issuance plan attached as Annex 1 of this Decision. Some key contents of the issuance plan are as follows:

Tên tổ chức phát hành *Name of the issuer*	:	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Guotai Junan (Việt Nam) *Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp.*
Tên cổ phiếu *Name of shares*	:	Cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Guotai Junan (Việt Nam) *Shares of Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp.*
Loại cổ phiếu chào bán *Type of shares*	:	Cổ phiếu phổ thông *Ordinary shares*
Mệnh giá cổ phiếu *Par value of shares*	:	10.000 VNĐ/cổ phiếu *VND 10,000/share*
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán *Estimated number of shares to be offered for sale*	:	69.350.000 cổ phiếu *69,350,000 shares*
Tổng giá trị cổ phiếu phát hành thêm dự kiến theo mệnh giá *Estimated total value of additional shares to be issued based on the par value*	:	693.500.000.000 VNĐ *VND 693,500,000,000*
Tỷ lệ phát hành *Issuance ratio*	:	100%
Giá chào bán *Offer price*	:	Ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị xác định giá chào bán cụ thể căn cứ theo điều kiện thực tế khi thực hiện thủ tục phát hành. *The Board of Directors is authorized to determine the specific offer price based on actual conditions when implementing issuance procedures.*
Đối tượng chào bán *Entities to which the shares are offered for sale*	:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập. *Existing shareholders having their name in the list of shareholders at the last registration date for exercising the right to purchase additional shares, which is made by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.*
Phương thức chào bán *Method of offering*	:	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền. *Offer to the existing shareholders according to the method of exercising the rights.*
Tỷ lệ thực hiện quyền *Ratio of exercising the rights*	:	1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền mua, 01 quyền được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm) *1:1 (shareholder owning 01 share shall have 01 subscription right, and 01 subscription right shall be equivalent to the right to subscribe 01 additionally issued share)*

2. Đối với phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:
Regarding the plan for utilization of the proceeds from the issuance:

Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán được đính kèm tại Phụ lục 2 của Nghị quyết này. Một số nội dung chính của phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau:
The General Meeting of Shareholders approves the plan for utilization of the proceeds from the issuance attached as Annex 2 of this Decision. Some key contents of the plan for utilization of the proceeds from the issuance are as follows:

STT ***No.***	**Các mục đích** ***Purposes***	**Tổng mức đầu tư** ***Total investment***
1	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ (dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ) *Supplementing capital for the margin trading business (the service of lending money to customers for buying securities to implement margin trading transactions)*	75% số tiền thu được từ đợt chào bán *75% of the proceeds from the issuance*
2	Mở rộng phát triển sản phẩm phái sinh *Expanding and developing derivative products*	10% – 15% số tiền thu được từ đợt chào bán *10% - 15% of the proceeds from the issuance*
3	Bổ sung nguồn vốn hỗ trợ hoạt động Ngân hàng đầu tư *Supplementing capital for the investment banking operations*	10 – 15% số tiền thu được từ đợt chào bán *10% - 15% of the proceeds from the issuance*

3. Đối với vấn đề niêm yết cổ phiếu phát hành thêm trên hệ thống giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội:
Regarding the matter of listing additionally issued shares on the securities trading system of Hanoi Stock Exchange:

Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận việc niêm yết toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm trên hệ thống giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
The General Meeting of Shareholders approves the listing of all additional issued shares on the securities trading system of Hanoi Stock Exchange.

4. Đối với vấn đề ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện một số công việc liên quan:
Regarding the matter of authorizing the Board of Director to undertake some relevant works:

Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện một số công việc liên quan với nội dung ủy quyền cụ thể được đính kèm tại Phụ lục 3 của Nghị quyết này.
The General Meeting of Shareholders approves the authorization of the Board of Director to undertake some relevant works with the specific contents of authorization being attached as Annex 3 of this Decision.

ĐIỀU 2. TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT
ARTICLE 2. *IMPLEMENTATION OF THE DECISION*

Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các phòng ban liên quan của Công Ty có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của Điều lệ Công Ty và pháp luật hiện hành.

The Board of Directors, the General Director and relevant departments of the Company are responsible for implementing this Decision in accordance with the provisions of the Company's Charter and current law.

Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện Nghị quyết này tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất.
The Board of Directors is responsible for reporting the progress of implementing this Decision at the latest upcoming meeting of the General Meeting of Shareholders.

THAY MẶT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
FOR AND ON BEHALF OF
THE GENERAL MEETING OF
SHAREHOLDERS
(ký và đóng dấu / sign and seal)

WANG JUN HONG
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
Chairman of Board of Directors

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

公开发行新增股票方案

PHỤ LỤC 1: PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

附录 1：发行方案

I. Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng
公开发行新增股票方案

1	Tên tổ chức phát hành 发行组织名称	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) 国泰君安证券（越南）股份公司
2	Tên cổ phiếu 股票名称	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) 国泰君安证券（越南）股份公司股票
3	Loại cổ phiếu chào bán 发行股票类型	:	Cổ phiếu phổ thông 普通股
4	Mệnh giá cổ phiếu 股票面值	:	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu 10,000 (一万) 越南盾/股
5	Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành 已发行股票总数	:	69.350.000 cổ phiếu (tại ngày 31/12/2023) 69,350,000 股 (截至 2023 年 12 月 31 日)
6	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành 流通股票数量	:	69.350.000 cổ phiếu (tại ngày 31/12/2023) 69,350,000 股 (截至 2023 年 12 月 31 日)
7	Số lượng cổ phiếu quỹ 基金股数量	:	0 cổ phiếu 0 股
8	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán 预计发行股票数量	:	69.350.000 cổ phiếu 69,350,000 股
9	Tổng giá trị cổ phiếu phát hành thêm dự kiến theo mệnh giá 预计发行股票的总面值	:	693.500.000.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng) 693,500,000,000 越南盾 (六千九百三十五亿越南盾)
10	Tỷ lệ phát hành 发行比例	:	100% *(là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm)* 100% (预计发行股票数量 / 截至股东名单截止日的流通股票数量)
11	Giá chào bán 发行价格	:	Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xác định giá chào bán cụ thể căn cứ theo điều kiện thực tế khi thực hiện thủ tục phát hành. 授权董事会根据实际情况确定具体发行价格。
12	Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán 确定发行价格的原则和依据	:	Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xác định mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu dựa trên nguyên tắc và căn cứ theo: (i) giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu theo báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty; và (ii) giá trị thị trường của cổ phiếu trong 30 phiên gần nhất. 授权董事会根据以下原则和依据为现有股东确定发行价格：(i) 根据公司 2023 年经审计的财务报告中每股的账面价值；及 (ii) 近 30 个交易日的市场价值。
13	Đối tượng chào bán 发行对象	:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập. 在最后注册日登记在册、以行使新增股票购买权的现有股东名单上的股东，该名单由越南证券托管中心编制

14	Phương thức chào bán 发行方式	:	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền. 按照实施权利的方式向现有股东发行。
15	Tỷ lệ thực hiện quyền 实施权利比例	:	1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền mua, 01 quyền được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm) 1:1 (每持有 1 股的股东将有 1 个购买权，每 1 个购买权可购买 1 股新增股票)
16	Thời gian thực hiện quyền 实施权利时间	:	Trong vòng 1 năm kể từ ngày được ĐHĐCĐ chấp thuận. 自获得股东大会批准之日起一年内
17	Chuyển nhượng quyền mua 购买权转让	:	Quyền mua được phép chuyển nhượng 01 lần, người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ 3 *(Ví dụ: Cổ đông A có 1.000 Quyền mua, Cổ đông A chuyển nhượng Quyền mua cho Nhà đầu tư B 200 Quyền mua và Nhà đầu tư C 500 Quyền mua. Nhà đầu tư B và Nhà đầu tư C không được phép chuyển nhượng tiếp Quyền mua từ Cổ đông A cho bất kỳ người nào).* 购买权允许转让一次，接受转让者不得再向第三方转让（例如：股东 A 有 1,000 个购买权，将 200 个购买权转让给投资者 B，500 个购买权转让给投资者 C。投资者 B 和 C 不得再转让股东 A 的购买权给任何人）。
18	Xử lý cổ phiếu lẻ: 处理零散股票	:	Do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 nên sẽ không có cổ phiếu lẻ phát sinh. 由于实施权利比例是 1:1，因此不会产生零散股票。
19	Xử lý số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua 关于未出售股票的处理	:	Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua được hủy bỏ. 如果现有股东未行使购买权，那么未售出的股票将被取消。
20	Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 确保满足外国投资者持股比例的要求	:	Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. 授权董事会通过计划，以确保增发的股票满足外国投资者持股比例的要求。
21	Mục đích chào bán 发行目的	:	Chào bán thêm cổ phiếu nhằm: Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ (dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ); Mở rộng phát triển sản phẩm phái sinh; Bổ sung nguồn vốn hỗ trợ hoạt động Ngân hàng đầu tư. 通过增发股票来补充融资贷款活动的资金（为客户提供购买证券的贷款服务以进行融资交易），拓展衍生产品的开发，补充支持投资银行业务的资金。
22	Phương án xử lý trong trường hợp chào bán cổ phiếu không thành công như dự kiến 如果股票发行不成功的处理方案	:	Trong trường hợp số cổ phiếu đăng ký chào bán không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ dự kiến, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị cân nhắc bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức huy động khác như vay các tổ chức tín dụng hoặc vay từ tổ chức/cá nhân khác phù hợp với quy định của pháp luật. 如果注册发行的股票未完全分配，且募集资金未达预期目标，股东大会授权董事会考虑通过其他方式补充资金，例如向信贷机构或其他符合法律规定的组织/个人贷款。
23	Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành 对股票稀释预期的评估	:	Khi phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, có thể xuất hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu theo dự kiến sau phát hành, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu; (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành

			thêm. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị căn cứ theo điều kiện thực tế tại thời điểm tổ chức thực hiện phát hành để đưa ra đánh giá cụ thể về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành. 为现有股东新增股票可能会出现预期股票稀释的风险，包括：(i) 每股收益稀释；(ii) 每股账面价值稀释；(iii) 发行额外股票的交易日不享有购买权的参考价格稀释。授权董事会根据实际情况在组织实施新增时对预期股票稀释程度进行具体评估。
24	Hạn chế chuyển nhượng 转让限制	:	Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phiếu còn lại mà cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua khi được chào bán cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật. 向现有股东新增的股票不受转让限制，现有股东未行使购买权的剩余股票，如果出售给其他投资者，将在发售结束后一年内受到转让限制，严格遵守法律规定。

II. Đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung
注册、托管、注册上市新增股票

Toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm sẽ được đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong thời hạn mà pháp luật quy định.

增发的所有股票将在越南证券托管中心进行注册、托管，并在符合法律规定的期限内在河内证券交易所进行上市。

PHỤ LỤC 2: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

附录 2：募集资金的使用计划

Công ty sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán vào các mục đích sau:

公司将募集资金用于以下目的：

STT 序号	Nội dung chi tiết 具体内容	Tổng mức đầu tư 总投资额
1	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ (dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ) 为融资贷款活动追加资本（为客户提供购买证券的贷款服务进行融资交易）	75% số tiền thu được từ đợt chào bán 募股资金的 75%
2	Mở rộng phát triển sản phẩm phái sinh 开发衍生产品	10% – 15% số tiền thu được từ đợt chào bán 募股资金的 10% - 15%
3	Bổ sung nguồn vốn hỗ trợ hoạt động ngân hàng đầu tư 追加资本支持投资银行活动	10% – 15% số tiền thu được từ đợt chào bán 募股资金的 10% - 15%

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể, quyết định cụ thể để phân bổ sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty khi thực hiện phát hành cổ phiếu, kế hoạch phát triển chung của Công ty và đảm bảo lợi ích của cổ đông.

股东大会授权董事会制定具体资金使用方案，具体决定如何分配募股资金，根据公司的实际经营情况和整体发展计划，以及在确保股东利益的情况下，调整、补充或修改资金使用方案。

PHỤ LỤC 3: NỘI DUNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN MỘT SỐ CÔNG VIỆC LIÊN QUAN

附录 3：授权董事会执行一些相关工作的内容

Ngoài các vấn đề ủy quyền cho Hội đồng Quản trị được nêu cụ thể tại Phương án phát hành và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc sau đây:

除了在发行方案和募集资金使用计划中具体授权董事会的问题外，股东大会还授权董事会执行以下工作：

- Quy định cụ thể phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung Phương án phát hành theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng hoặc khi thấy cần thiết căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
  具体规定股票发行方案，并根据有关机关在进行公开增发股票注册程序或在认为实际情况和证券市场情况需要时进行修改、补充，以确保发行成功；
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc: (i) thay đổi mức vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty; (ii) sửa đổi bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty tại Ủy ban chứng khoán nhà nước; (iii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội; (iv) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; và (v) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
  决定并执行所有必要的工作和程序，包括：(i) 更改注册资本，修改/补充公司章程中有关注册资本的条款；(ii) 在国家证券委员会修改/补充公司的成立和运营许可；(iii) 在河内市工商登记处注册公司商业注册证书的变更；(iv) 在越南证券托管中心登记、托管公司股票的变更；以及(v) 在河内证券交易所登记增发公司股票；
- Quy định cụ thể phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán khi thấy cần thiết hoặc khi có yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng; Cân đối và phân bổ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu để sử dụng đúng theo mục đích được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhưng phải đảm bảo tiêu chí hoạt động của công ty chứng khoán, và chủ động điều chỉnh việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn (nếu cần thiết) cho phù hợp với thực tế của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp kỳ gần nhất về các điều chỉnh/thay đổi liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này.
  在认为必要时或有关机关要求时具体规定募集资金使用计划；平衡并分配增发股票筹集的资金以确保符合股东大会批准的目的，但必须确保证券公司运营的标准，并主动调整筹集资金的使用、资金拨款时间或更改资金使用目的（如果需要），以适应公司实际情况，并在最近的股东大会上报告这些调整/更改；
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu và sử dụng vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu.

  决定所有其他与股票发行、增加登记、托管和增发上市以及使用募股资金相关的问题。

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / 代表董事会
CHỦ TỊCH HĐQT / 董事长

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ QUỐC TẢI JUNAN (VIỆT NAM)

GUOTAI JUNAN Việt Nam
GUOTAI JUNAN SECURITIES (VIETNAM) CORP.

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

公开发行新增股票方案

PHỤ LỤC 1: PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

附录 1：发行方案

I. Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng
公开发行新增股票方案

1	Tên tổ chức phát hành 发行组织名称	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) 国泰君安证券（越南）股份公司
2	Tên cổ phiếu 股票名称	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) 国泰君安证券（越南）股份公司股票
3	Loại cổ phiếu chào bán 发行股票类型	:	Cổ phiếu phổ thông 普通股
4	Mệnh giá cổ phiếu 股票面值	:	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu 10,000 (一万) 越南盾/股
5	Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành 已发行股票总数	:	69.350.000 cổ phiếu (tại ngày 31/12/2023) 69,350,000 股 (截至 2023 年 12 月 31 日)
6	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành 流通股票数量	:	69.350.000 cổ phiếu (tại ngày 31/12/2023) 69,350,000 股 (截至 2023 年 12 月 31 日)
7	Số lượng cổ phiếu quỹ 基金股数量	:	0 cổ phiếu 0 股
8	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán 预计发行股票数量	:	69.350.000 cổ phiếu 69,350,000 股
9	Tổng giá trị cổ phiếu phát hành thêm dự kiến theo mệnh giá 预计发行股票的总面值	:	693.500.000.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng) 693,500,000,000 越南盾 (六千九百三十五亿越南盾)
10	Tỷ lệ phát hành 发行比例	:	100% *(là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm)* 100% (预计发行股票数量 / 截至股东名单截止日的流通股票数量)
11	Giá chào bán 发行价格	:	Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xác định giá chào bán cụ thể căn cứ theo điều kiện thực tế khi thực hiện thủ tục phát hành. 授权董事会根据实际情况确定具体发行价格。
12	Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán 确定发行价格的原则和依据	:	Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xác định mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu dựa trên nguyên tắc và căn cứ theo: (i) giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu theo báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty; và (ii) giá trị thị trường của cổ phiếu trong 30 phiên gần nhất.

			授权董事会根据以下原则和依据为现有股东确定发行价格：(i) 根据公司 2023 年经审计的财务报告中每股的账面价值；及 (ii) 近 30 个交易日的市场价值。
13	Đối tượng chào bán 发行对象	:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập. 在最后注册日登记在册、以行使新增股票购买权的现有股东名单上的股东，该名单由越南证券托管中心编制
14	Phương thức chào bán 发行方式	:	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền. 按照实施权利的方式向现有股东发行。
15	Tỷ lệ thực hiện quyền 实施权利比例	:	1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền mua, 01 quyền được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm) 1:1 (每持有 1 股的股东将有 1 个购买权，每 1 个购买权可购买 1 股新增股票)
16	Thời gian thực hiện 实施时间	:	Trong vòng 1 năm kể từ ngày được ĐHĐCĐ chấp thuận. 自获得股东大会批准之日起一年内
17	Chuyển nhượng quyền mua 购买权转让	:	Quyền mua được phép chuyển nhượng 01 lần, người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ 3 *(Ví dụ: Cổ đông A có 1.000 Quyền mua, Cổ đông A chuyển nhượng Quyền mua cho Nhà đầu tư B 200 Quyền mua và Nhà đầu tư C 500 Quyền mua. Nhà đầu tư B và Nhà đầu tư C không được phép chuyển nhượng tiếp Quyền mua từ Cổ đông A cho bất kỳ người nào).* 购买权允许转让一次，接受转让者不得再向第三方转让（例如：股东 A 有 1,000 个购买权，将 200 个购买权转让给投资者 B，500 个购买权转让给投资者 C。投资者 B 和 C 不得再转让股东 A 的购买权给任何人）。
18	Xử lý cổ phiếu lẻ: 处理零散股票	:	Do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 nên sẽ không có cổ phiếu lẻ phát sinh. 由于实施权利比例是 1:1，因此不会产生零散股票。
19	Xử lý số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua 关于未出售股票的处理	:	Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua được hủy bỏ. 如果现有股东未行使购买权，那么未售出的股票将被取消。
20	Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 确保满足外国投资者持股比例的要求	:	Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. 授权董事会通过计划，以确保增发的股票满足外国投资者持股比例的要求。

21	Mục đích chào bán 发行目的	:	Chào bán thêm cổ phiếu nhằm: Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ (dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ); Mở rộng phát triển sản phẩm phái sinh; Bổ sung nguồn vốn hỗ trợ hoạt động Ngân hàng đầu tư. 通过增发股票来补充融资贷款活动的资金（为客户提供购买证券的贷款服务以进行融资交易），拓展衍生产品的开发，补充支持投资银行业务的资金。
22	Phương án xử lý trong trường hợp chào bán cổ phiếu không thành công như dự kiến 如果股票发行不成功的处理方案	:	Trong trường hợp số cổ phiếu đăng ký chào bán không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ dự kiến, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị cân nhắc bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức huy động khác như vay các tổ chức tín dụng hoặc vay từ tổ chức/cá nhân khác phù hợp với quy định của pháp luật. 如果注册发行的股票未完全分配，且募集资金未达预期目标，股东大会授权董事会考虑通过其他方式补充资金，例如向信贷机构或其他符合法律规定的组织/个人贷款。
23	Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành 对股票稀释预期的评估	:	Khi phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, có thể xuất hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu theo dự kiến sau phát hành, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu; (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị căn cứ theo điều kiện thực tế tại thời điểm tổ chức thực hiện phát hành để đưa ra đánh giá cụ thể về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành. 为现有股东新增股票可能会出现预期股票稀释的风险，包括：(i) 每股收益稀释；(ii) 每股账面价值稀释；(iii) 发行额外股票的交易日不享有购买权的参考价格稀释。授权董事会根据实际情况在组织实施新增时对预期股票稀释程度进行具体评估。
24	Hạn chế chuyển nhượng 转让限制	:	Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phiếu còn lại mà cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua khi được chào bán cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật. 向现有股东新增的股票不受转让限制。现有股东未行使购买权的剩余股票，如果出售给其他投资者，将在发售结束后一年内受到转让限制，严格遵守法律规定。

II. Đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung
注册、托管、注册上市新增股票

Toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm sẽ được đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong thời hạn mà pháp luật quy định.

增发的所有股票将在越南证券托管中心进行注册、托管，并在符合法律规定的期限内在河内证券交易所进行上市。

PHỤ LỤC 2: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

附录 2：募集资金的使用计划

Công ty sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán vào các mục đích sau:

公司将募集资金用于以下目的：

STT 序号	Nội dung chi tiết 具体内容	Tổng mức đầu tư 总投资额
1	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ (dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ) 为融资贷款活动追加资本（为客户提供购买证券的贷款服务进行融资交易）	75% số tiền thu được từ đợt chào bán 募股资金的 75%
2	Mở rộng phát triển sản phẩm phái sinh 拓展衍生产品开发	10% – 15% số tiền thu được từ đợt chào bán 募股资金的 10% - 15%
3	Bổ sung nguồn vốn hỗ trợ hoạt động ngân hàng đầu tư 追加资本支持投资银行活动	10% – 15% số tiền thu được từ đợt chào bán 募股资金的 10% - 15%

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể, quyết định cụ thể để phân bổ sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty khi thực hiện phát hành cổ phiếu, kế hoạch phát triển chung của Công ty và đảm bảo lợi ích của cổ đông.

股东大会授权董事会制定具体资金使用方案，具体决定如何分配募股资金，根据公司的实际经营情况和整体发展计划，以及在确保股东利益的情况下，调整、补充或修改资金使用方案。

PHỤ LỤC 3: NỘI DUNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN MỘT SỐ CÔNG VIỆC LIÊN QUAN

附录 3：授权董事会执行一些相关工作的内容

Ngoài các vấn đề ủy quyền cho Hội đồng Quản trị được nêu cụ thể tại Phương án phát hành và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc sau đây:

除了在发行方案和募集资金使用计划中具体授权董事会的问题外，股东大会还授权董事会执行以下工作：

- Quy định cụ thể phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung Phương án phát hành theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng hoặc khi thấy cần thiết căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
  具体规定股票发行方案，并根据有关机关在进行公开增发股票注册程序或在认为实际情况和证券市场情况需要时进行修改、补充，以确保发行成功；
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc: (i) thay đổi mức vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty; (ii) sửa đổi bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty tại Ủy ban chứng khoán nhà nước; (iii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội; (iv) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; và (v) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
  决定并执行所有必要的工作和程序，包括：(i) 更改注册资本，修改/补充公司章程中有关注册资本的条款；(ii) 在国家证券委员会修改/补充公司的成立和运营许可；(iii) 在河内市工商登记处注册公司商业注册证书的变更；(iv) 在越南证券托管中心登记、托管公司股票的变更；以及(v) 在河内证券交易所登记增发公司股票；
- Quy định cụ thể phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán khi thấy cần thiết hoặc khi có yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng; Cân đối và phân bổ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu để sử dụng đúng theo mục đích được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhưng phải đảm bảo tiêu chí hoạt động của công ty chứng khoán, và chủ động điều chỉnh việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn (nếu cần thiết) cho phù hợp với thực tế của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp kỳ gần nhất về các điều chỉnh/thay đổi liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này.
  在认为必要时或有关机关要求时具体规定募集资金使用方案；平衡并分配增发股票筹集的资金以确保符合股东大会批准的目的，但必须确保证券公司运营的标准，并主动调整筹集资金的使用、资金拨款时间或更改资金使用目的（如果需要），以适应公司实际情况，并在最近的股东大会上报告这些调整/更改；
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu và sử dụng vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu.

  决定所有其他与股票发行、增加登记、托管和增发上市以及使用募股资金相关的问题。

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
代表董事会
CHỦ TỊCH HĐQT
董事长

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

CTCP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM) **国泰君安证券（越南）股份公司**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **越南社会主义共和国** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc** **独立-自由-幸福**
----- o0o ----- Số/编号:11/2024/NQ-HĐQT.GTJAVN	----- o0o ----- *Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2024* *河内，2024 年 4 月 23 日*

NGHỊ QUYẾT
决议

V/v: Triển khai thực hiện chào bán thêm cổ phiếu công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) ra công chúng và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

关于：实施发行新增国泰君安证券（越南）股份公司股票让现有股东申购并通过申请发行新增股票让现有股东申购的相关文件。

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTCP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)
国泰君安证券（越南）股份公司董事会

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
  根据越南社会主义共和国国会于 2020 年 06 月 17 日所通过的 59/2020/QH14 编号的公司法；
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn liên quan;*
  根据越南社会主义共和国国会于 2019 年 11 月 26 日所通过的 54/2019/QH14 编号的证券法；
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐCP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
  根据 2020 年 12 月 31 日的第 155/2020/NDCP 号法令，详细说明《证券法》若干条款的实施；
- *Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) tháng 6 năm 2022;*
  根据 2022 年 6 月国泰君安证券（越南）股份公司章程；
- *Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/QD-DHDCD ngày 12/03/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2024;*

根据 2024 年 3 月 12 日编号《01/2024/ QD-DHDCD》的 2024 年第一次临时股东大会决议。

- *Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị số 05/2024/BB-HĐQT.GTJAVN ngày 23 tháng 04 năm 2024;*

根据 2024 年 04 月 23 日编号《05/2024/BB-HĐQT.GTJAVN》的董事会会议纪要;

QUYẾT NGHỊ
决定

Điều 1: Thông qua việc triển khai thực hiện chào bán thêm cổ phiếu công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) ra công chúng để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 01/2024/QD-DHDCD ngày 12/03/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2024.

第一条：批准根据 2024 年 3 月 12 日编号《01/2024/QD-DHDCD》的 2024 年第一次临时股东大会决议实施发行新增国泰君安证券（越南）股份公司股票让现有股东申购以增加注册资本。

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)

证券名称：国泰君安证券（越南）股份公司

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

股票类型：普通股

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 69.350.000 cổ phiếu

发行数量：69,350,000 股

- Giá chào bán: 11.100 đồng/cổ phiếu

发行价格：11,100 越南盾/股

- Các nội dung khác: Theo phương án phát hành tại Nghị quyết số 01/2024/QD-DHDCD ngày 12/03/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2024.

其他内容：根据 2024 年 3 月 12 日编号《01/2024/QD-DHDCD》的 2024 年第一次临时股东大会决议的发行计划。

Điều 2: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, gồm có:

第二条：同意提交申请发行新增股票让现有股东申购的相关文件，具体包括：

1. Nghị quyết số 01/2024/QD-DHDCD ngày 12/03/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2024;
   2024 年 3 月 12 日编号《01/2024/QD-DHDCD》的 2024 年第一次临时股东大会决议；
2. Nghị quyết HĐQT số 11/2024/NQ-HĐQT.GTJAVN, ngày 23/04/2024 về việc triển khai thực hiện chào bán thêm cổ phiếu công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) ra công chúng và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
   2024 年 4 月 23 日编号《11/2024/NQ-HDQT.GTJAVN》的董事会决议关于实施发行新增国泰君安证券（越南）股份公司股票让现有股东申购并通过申请发行新增股票让现有股东申购的相关文件；
3. Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng;
   招股说明书；
4. Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu;
   发行申请书；
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán;
   商业登记证和各种证券业务许可证；
6. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 và 2023;
   经审计的 2022 年和 2023 年财务报表；
7. Điều lệ Công ty;
   公司章程；
8. Cam kết không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
   公司不属于正被刑事追究责任的承诺；
9. Văn bản ngân hàng xác nhận tài khoản phong tỏa;
   开立冻结账户的银行确认书；
10. Văn bản cam kết của Hội đồng quản trị triển khai niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
    董事会实施在交易系统上上市或登记股票的书面承诺；
11. Các tài liệu khác (theo tình hình thực tế của hồ sơ).
    其他文件（根据实际情况）。

Điều 3: Hội đồng quản trị giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các công việc cần thiết để hoàn thành việc đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thẩm định hồ sơ đăng ký chào bán.

第三条：董事会授权公司总经理在注册发行新增股票过程中按主管机构的要求办理相关工作，完成申请发行新增股票让现有股东申购事项及有关工作。

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

第四条：本决议从签字之日起生效。董事会、监事会，管理层及相关部门实施本决议。

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
代表董事会
CHỦ TỊCH
董事长

WANG JUN HONG
汪俊红

Nơi nhận/发送到:
- *Như điều 4 (để thực hiện);*
  按照第四条;
- *Lưu Thư ký HĐQT.*
  一份董事会秘书保留

BẢN SAO

CTCP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
---	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 131./2024/CV-GTJAVN	----------
	Hà Nội, ngày 10. tháng 5. năm 2024

VĂN BẢN CAM KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v: Niêm yết cổ phiếu phát hành thêm trên hệ thống giao dịch chứng khoán)

I. BÊN CAM KẾT

1. **Tổ chức phát hành:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)

- Tên tiếng anh: Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp.
- Tên viết tắt: GTJA (VIETNAM)

2. **Vốn điều lệ:** 693.500.000.000 đồng *(Sáu trăm chín mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng)*
3. **Giấy đăng ký kinh doanh:** Số 0102355379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 28/08/2007, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 30/01/2024.
4. **Số Giấy phép thành lập và hoạt động:** số 69/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 08 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh lần thứ 8 số 02/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/01/2024
5. **Địa chỉ trụ sở chính:** P9-10, Tầng 1, Charm Vit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
6. **Điện thoại:** (84-24) 3573 0073 Fax: (84-24) 3573 0088

Tổ chức phát hành dự kiến phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị chào bán 693.500.000.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng*) theo các thông tin đã được nêu trong Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng và các văn kiện hồ sơ khác.

II. NỘI DUNG CAM KẾT

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) cam kết sau khi hoàn thành đợt chào bán chứng khoán ra công chúng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận về kết quả phát hành, Công ty chúng tôi sẽ hoàn tất thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành thêm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký thay đổi niêm yết toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật chứng khoán 2019.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 10. tháng 5. năm 2024

Ngày: 29-11-2024 **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

CHỦ TỊCH HĐQT

Số chứng thực: 87556 Quyển số: 02 SCT/BS

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHÙNG QUÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

WANG JUN HONG

CÔNG CHỨNG VIÊN

Đặng Thị Mai Khanh

CTCP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
---	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 123./2024/CV-GTJAVN	*Hà Nội, ngày 10. tháng 5.. năm 2024*

CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

I. BÊN CAM KẾT

1. **Tổ chức phát hành:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)

- Tên tiếng anh: Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp.
- Tên viết tắt: GTJA (VIETNAM)

2. **Vốn điều lệ:** 693.500.000.000 đồng *(Sáu trăm chín mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng)*
3. **Giấy đăng ký kinh doanh:** Số 0102355379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 28/08/2007, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 30/01/2024.
4. **Số Giấy phép thành lập và hoạt động:** số 69/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 08 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh lần thứ 8 số 02/GPĐC - UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/01/2024.
5. **Địa chỉ trụ sở chính:** P9-10, Tầng 1, Charm Vit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
6. **Điện thoại:** (84-24) 3573 0073 Fax: (84-24) 3573 0088

Tổ chức phát hành dự kiến phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị chào bán theo mệnh giá là 693.500.000.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng*) theo các thông tin đã được nêu trong Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng và các tài liệu khác.

II. NỘI DUNG CAM KẾT

Tổ chức phát hành, bằng văn bản này cam kết với Nhà đầu tư và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước rằng: Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Huang Bo

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH HÀ THÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Số: 2079/ BIDV.HTH-DVCK
V/v :xác nhận thông tin tài khoản

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác tốt đẹp của quý khách trong thời gian qua.

Căn cứ theo đề nghị của quý khách hàng, chúng tôi – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Thành xin thông báo tới Quý khách hàng các thông tin về tài khoản của Quý khách hàng tại Ngân hàng chúng tôi như sau:

Tên tài khoản: Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)

Số tài khoản : 8660021477

Loại tiền: VND

Loại tài khoản: Tài khoản phong tỏa dùng cho mục đích nhận tiền mua cổ phiếu trong đợt chào bán.

Nội dung quản lý tài khoản: Ngân hàng chúng tôi xác nhận sẽ thực hiện phong tỏa tài khoản số 8660021477 (Tài khoản VND). Tài khoản chỉ được giải tỏa khi nhận được Giấy yêu cầu giải tỏa của Quý Công ty cùng văn bản xác nhận kết quả của hoạt động tăng vốn của Công ty từ Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Trong mọi trường hợp, khi Quý khách hàng thay đổi bất kỳ những thông tin liên quan đến (các) tài khoản phong tỏa trên (thay đổi tên gọi, người đại diện, con dấu, địa chỉ…), xin vui lòng thông báo và gửi ngay cho chúng tôi những giấy tờ hợp lệ, chứng minh sự thay đổi đó.

Trân trọng!.

Nơi nhận **(.....b):**
- Như trên;
- Lưu: TCHC, DVCK.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 29 -11- 2024
Số chứng thực: 87557 Quyển số: 02 TP/CC-SCT/BS

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ THÀNH

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHÙNG QUÁN

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Mai Khanh

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2024 đến 30/09/2024

HÀ NỘI, THÁNG 10 NĂM 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	**TRANG**
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	2 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	5 - 06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 08
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)	**100**		**822,630,161,886**	**709,915,650,295**
I. Tài sản tài chính	**110**		**820,024,599,956**	**707,611,926,956**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1.	21,442,741,626	6,981,516,744
1.1. Tiền	111.1		21,442,741,626	6,981,516,744
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	VI.3.1	33,825,872,510	33,826,229,830
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	VI.3.3	377,000,000,000	327,000,000,000
4. Các khoản cho vay	114	VI.3.4	388,740,228,213	336,304,514,604
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	VI.3.5	(14,744,101,206)	(14,744,101,206)
7. Các khoản phải thu	117	VI.5.	12,125,009,624	17,009,457,119
7.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		12,125,009,624	17,009,457,119
8. Trả trước cho người bán	118	VI.4.	339,152,413	393,097,961
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	VI.5.	230,567,510	128,512,142
10. Các khoản phải thu khác	122	VI.5.	40,782,184,873	40,429,755,369
11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	VI.6.	(39,717,055,607)	(39,717,055,607)
II. Tài sản ngắn hạn khác	**130**		**2,605,561,930**	**2,303,723,339**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.7.	1,873,885,930	1,572,047,339
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	VI.11.	2,000,000	2,000,000
3. Tài sản ngắn hạn khác	137		729,676,000	729,676,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	**200**		**23,755,875,184**	**55,821,224,792**
I. Tài sản tài chính dài hạn	**210**		-	**30,000,000,000**
1. Các khoản đầu tư	212	VI.12.	17,000,000,000	47,000,000,000
1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1			30,000,000,000
1.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		17,000,000,000	17,000,000,000
2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		(17,000,000,000)	(17,000,000,000)
II. Tài sản cố định	**220**		**7,634,907,700**	**9,552,266,338**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9.	3,806,199,734	4,837,271,078
- Nguyên giá	*222*		*13,436,258,365*	*17,234,029,228*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223a*		*(9,630,058,631)*	*(12,396,758,150)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10.	3,828,707,966	4,714,995,260
- Nguyên giá	228		*35,826,407,000*	*36,719,407,000*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		*(31,997,699,034)*	*(32,004,411,740)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**240**		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**250**		**16,120,967,484**	**16,268,958,454**
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.11.	842,466,100	808,466,100
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.7.	2,552,955,489	3,156,508,095
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	VI.8.	12,725,545,895	12,303,984,259
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	**260**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**846,386,037,070**	**765,736,875,087**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	**300**		**75,632,593,179**	**10,595,443,268**
I. Nợ phải trả ngắn hạn	**310**		**75,632,593,179**	**10,595,443,268**
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	VI.18.	69,030,000,000	0
1.1. Vay ngắn hạn	312		69,030,000,000	0
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320	VI.19.	421,346,554	706,776,497
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	VI.20.	298,342,311	1,328,500,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.21.	1,859,576,202	1,333,899,742
5. Phải trả người lao động	323		1,380,470,686	4,527,559,341
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		587,546,644	463,147,383
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.22.	317,288,490	505,663,013
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	VI.23.	1,642,434,069	1,634,309,069
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		95,588,223	95,588,223
II. Nợ phải trả dài hạn	**340**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	**400**		**770,753,443,891**	**755,141,431,819**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**770,753,443,891**	**755,141,431,819**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		721,780,000,000	721,780,000,000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		693,500,000,000	693,500,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		693,500,000,000	693,500,000,000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		28,280,000,000	28,280,000,000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		1,169,366,013	1,169,366,013
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		648,823,913	648,823,913
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.25.	47,155,253,965	31,543,241,893
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	*417.1*		*47,158,608,107*	*31,546,661,761*
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	*417.2*		*(3,354,142)*	*(3,419,868)*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**420**		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	**440**		**846,386,037,070**	**765,736,875,087**

Hà nội ngày 15 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Ngọc Mai	Huang Bo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
A.TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006	VI.26.	69,350,000	69,350,000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	VI.13.	1,340,000	1,570,000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty chứng khoán	012		33,825,400,000	33,825,400,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VI.15.	2,123,966,130,000	2,310,230,380,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	*021.1*		*2,076,803,490,000*	*2,266,393,270,000*
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	*021.2*		*100,000,000*	*200,000,000*
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	*021.3*		*30,278,880,000*	*30,278,880,000*
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	*021.4*		*1,501,320,000*	*1,501,320,000*
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	*021.5*		*15,282,440,000*	*11,856,910,000*
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		4,964,150,000	4,924,150,000
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	*022.4*		4,964,150,000	*4,924,150,000*
3. Tiền gửi của khách hàng	026		114,963,137,829	152,823,010,252
3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	VI.17.	114,963,137,829	152,823,010,252
4. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	VI.24.	114,963,137,829	152,823,010,252
4.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		102,992,521,642	139,407,578,902
4.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		11,970,616,187	13,415,431,350

Hà nội ngày 15 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Ngọc Mai	Hoàng Bo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUÝ III NĂM 2024

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý năm nay	Quý năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến quý này (năm trước)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		1,000	94,650	66,624	305,201
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	*01.1*		-	*208,712*	*50,174*	2,023,970
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	*01.2*	*VII.1.1.*	-	*(155,562)*	-	(1,838,369)
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	*01.3*	*VII.1.2.*	*1,000*	*41,500*	*16,450*	117,600
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	*VII.1.2.*	4,406,035,618	5,927,115,825	*14,637,317,630*	18,645,718,564
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	*VII.1.2.*	9,630,805,885	10,514,394,261	*26,184,190,880*	29,592,454,649
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		4,175,472,195	5,677,565,374	*13,459,001,795*	11,918,064,789
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		174,091,643	174,581,483	*567,340,371*	551,145,668
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		222,689,411		*1,469,055,177*	605,454,546
1.7. Thu nhập hoạt động khác	11				-	94,400
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 →11)	**20**		**18,609,895,752**	**22,293,751,593**	**56,317,172,477**	**61,313,235,817**
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(9,680)	53,640	(65,726)	(20,109)
a. Lỗ bán các tài sản tài chính	*21.1*		-	*485,380*	-	485,380
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	*21.2*	*VII.1.1.*	*(9,680)*	*(431,740)*	(65,726)	*(505,489)*
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	VII.3.	-	(160,218,849)	-	(3,037,341,789)
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VII.3.	5,391,112,367	5,289,515,855	15,291,108,704	13,015,255,920
2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VII.3.	193,422,869	219,520,390	597,856,080	656,427,633
2.5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VII.3.			-	
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 →32)	**40**		**5,584,525,556**	**5,348,871,036**	**15,888,899,058**	**10,634,321,655**
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	VII.2.	417,660	3,450,826	4,658,573	9,144,242
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	**50**		**417,660**	**3,450,826**	**4,658,573**	9,144,242
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	**51**					
4.1. Chi phí lãi vay	52	VII.4.	695,621,937	276,460,548	1,035,078,102	1,302,690,684
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 55)	**60**		**695,621,937**	**276,460,548**	**1,035,078,102**	**1,302,690,684**
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	**61**					
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	**62**	**VII.5.**	**6,651,101,168**	**6,628,391,725**	**19,785,688,478**	**19,427,857,490**
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	**70**		**5,678,264,751**	**10,043,479,110**	**19,612,165,412**	**29,957,510,230**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUÝ III NĂM 2024

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý năm nay	Quý năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến quý này (năm trước)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ						
8.1 Thu nhập khác	71	VII.6.	3,363,636	156	3,363,636	2,661,820
8.2 Chi phí khác	72				-	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	**80**		**3,363,636**	**156**	**3,363,636**	**2,661,820**
IX.TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	**90**		**5,681,628,387**	**10,043,479,266**	**19,615,529,048**	**29,960,172,050**
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		5,681,618,707	10,043,203,088	19,615,463,322	29,961,504,930
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		9,680	276,178	65,726	(1,332,880)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	**100**		**1,164,853,559**	**1,999,816,161**	**4,003,516,976**	**5,453,911,764**
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VII.7.	1,164,853,559	1,999,816,161	4,003,516,976	5,453,911,764
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-	-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	**200**		**4,516,774,828**	**8,043,663,105**	**15,612,012,072**	**24,506,260,286**
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	**300**		-	-	-	-
Tổng thu nhập toàn diện	**400**		-	-	-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	**500**		**65**	**116**	**225**	353
13.1.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		65	116	225	353
13.2.Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-	-	-

Hà nội ngày 15 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Ngọc Mai	Huang Bo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 57 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến quý này (năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	***01***		***19,615,529,048***	***29,960,172,050***
2. Điều chỉnh cho các khoản	***02***		***2,944,414,531***	***(36,709,467)***
- Khấu hao TSCĐ	03		1,917,358,638	1,707,086,036
- Các khoản dự phòng	04		-	(3,037,341,945)
- Chi phí lãi vay	06		1,035,078,102	1,302,690,684
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(4,658,573)	(9,144,242)
- Các khoản điều chỉnh khác	09		(3,363,636)	
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	***10***		***3,354,285***	***3,383,538***
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/Lỗ FVTPL	11		3,354,285	3,383,538
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	***18***		***(143)***	***(27,592)***
Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(143)	(27,592)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***30***		***(107,140,095,048)***	***(9,559,340,253)***
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(2,996,822)	1,629,644
- Tăng (giảm) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(50,000,000,000)	3,000,000,000
- Tăng (giảm) Các khoản cho vay	33		(52,435,713,609)	1,289,555,715
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		4,884,447,495	(15,251,962,658)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(102,055,368)	(59,744,216)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(352,429,504)	11,027,639,714
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(188,374,523)	96,708,477
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		301,714,015	276,466,881
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		(3,515,789,570)	(3,797,913,030)
(-) Lãi vay đã trả	44		(1,035,078,102)	(1,302,690,684)
Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(231,484,395)	355,749,497
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		124,399,261	8,146,339
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		37,949,054	(567,601,843)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(3,147,088,655)	(2,843,833,871)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		8,125,000	(9,143,700)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(1,485,719,325)	(1,782,346,518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***60***		***(84,576,797,327)***	***20,367,478,276***
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61			(390,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		3,363,636	-
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63			(30,000,000,000)
4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		30,000,000,000	
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		4,658,573	9,144,242
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***70***		***30,008,022,209***	***(30,380,855,758)***

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024

Đơn vị tính: VND

(tiếp theo)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền vay gốc	73		881,930,000,000	743,500,000,000
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(812,900,000,000)	(802,100,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***80***		***69,030,000,000***	***(58,600,000,000)***
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	**90**		**14,461,224,882**	**(68,613,377,482)**
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**101**	**VI.1.**	**6,981,516,744**	**68,910,467,724**
- Tiền	101.1		6,981,516,744	18,910,467,724
- Các khoản tương đương tiền	101.2		-	50,000,000,000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	**103**	**VI.1.**	**21,442,741,626**	**297,090,242**
- Tiền	103.1		21,442,741,626	297,090,242
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến quý này (năm trước)
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		5,121,418,882,560	3,943,325,011,270
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(3,868,799,943,470)	(3,837,878,076,570)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		3,182,828,812,068	3,118,101,892,467
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(4,473,307,623,581)	(3,186,971,830,641)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	***20***		***(37,859,872,423)***	***36,576,996,526***
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	**30**		**152,823,010,252**	**113,247,051,139**
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		152,823,010,252	113,247,051,139
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		152,823,010,252	113,247,051,139
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	**40**		**114,963,137,829**	**149,824,047,665**
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		114,963,137,829	149,824,047,665
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	VI.17.	114,963,137,829	149,824,047,665

Hà nội ngày 15 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Ngọc Mai	Hướng Bo

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
				Lũy kế từ đầu năm đến quý này (năm trước)		Lũy kế từ đầu năm đến quý này (năm nay)			
		01/01/2023	01/01/2024	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	30/09/2023	30/09/2024
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		721,780,000,000	721,780,000,000	-	-	-	-	721,780,000,000	721,780,000,000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		693,500,000,000	693,500,000,000	-	-	-	-	693,500,000,000	693,500,000,000
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		28,280,000,000	28,280,000,000	-	-	-	-	28,280,000,000	28,280,000,000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		1,169,366,013	1,169,366,013	-	-	-	-	1,169,366,013	1,169,366,013
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		648,823,913	648,823,913	-	-	-	-	648,823,913	648,823,913
4. Lợi nhuận chưa phân phối		4,529,413,831	31,543,241,893	24,507,593,166	1,332,880	15,612,012,072	-	29,035,674,117	47,155,253,965
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		4,531,436,897	31,546,661,761	24,507,593,166	-	15,611,946,346	-	29,039,030,063	47,158,608,107
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(2,023,066)	(3,419,868)		1,332,880	65,726		(3,355,946)	(3,354,142)
Tổng cộng		**728,127,603,757**	**755,141,431,819**	**24,507,593,166**	**1,332,880**	**15,612,012,072**	-	**752,633,864,043**	**770,753,443,891**

Hà nội ngày 15 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Ngọc Mai	Huang Bo

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của công ty chứng khoán

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam, (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty CP Chứng khoán VNS được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007; Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 về việc đổi tên Công ty thành Công ty CP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam; Theo Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 16/07/2021 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam), tên tiếng Anh là Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp. và tên viết tắt là GTJA (Vietnam).

Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 45/GPĐC-UBCK ngày 20/12/2016, số 06/GPĐC-UBCK ngày 17/01/2018, số 30/GPĐC-UBCK ngày 17/05/2019, số 64/GPĐC-UBCK ngày 22/10/2019, số 104/GPĐC-UBCK ngày 22/11/2021 và số 02/GPĐC-UBCK ngày 16/01/2024 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ngày 16/01/2024, Công ty được Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 02/GPĐC-UBCK điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 về bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK ngày 22/10/2019 thì:

- Vốn điều lệ theo đăng ký: **693.500.000.000 VND** *(Sáu trăm chín mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).*
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là IVS.

Điều lệ Công ty chứng khoán đã được ban hành ngày 28/08/2007 và sửa đổi, bổ sung vào các ngày 27/09/2011, ngày 20/12/2016, ngày 06/12/2019 và ngày 29/06/2021 và ngày 28/06/2022.

Trụ sở Công ty tại: P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:
- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán./.

3. Hạn chế vay nợ, cho vay và hạn chế đầu tư

Hạn chế vay nợ

Thực hiện theo điều 26 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020;

- Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không được vượt quá 05 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm các khoản sau đây:

a) Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng;
b) Quỹ khen thưởng phúc lợi;
c) Dự phòng trợ cấp mất việc làm;
d) Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.

- Nợ ngắn hạn của công ty chứng khoán tối đa bằng tài sản ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty chứng khoán chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.

Hạn chế cho vay

Thực hiện theo Điều 27 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020.

- Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán, công ty chứng khoán không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức.
- Công ty chứng khoán không được dùng tiền, tài sản của công ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba.
- Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với Chủ sở hữu, cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị công ty chứng khoán bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.
- Công ty chứng khoán đã được thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định pháp luật được cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán dưới hình thức giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Công ty chứng khoán được cho vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch, hoặc cho vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020.

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán.

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

+ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

+ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

+ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

+ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

+ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

+ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh và;

+ Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp vào dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp vào dự án kinh doanh.

- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện; và

+ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%).

+ Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm c Khoản 4 Điều này.

- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2,3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

4. Cấu trúc Công ty

Công ty có một đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo sổ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh. Địa chỉ tại: Tầng 3, số 2 BIS, Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 23/2018/TT-BTC Bổ sung một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán".

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Ghi nhận vốn bằng tiền

Tiền gửi hoạt động của Công ty chứng khoán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi của tổ chức phát hành (khi Công ty đồng thời là tổ chức phát hành) và tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (của Công ty) được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư, tiền gửi của tổ chức phát hành khác được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

Tiền gửi của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư là tiền gửi của khách hàng để giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.

Tiền gửi của tổ chức phát hành

Tiền gửi của tổ chức phát hành là tiền gửi thu được về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán là tiền gửi để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giữa Công ty và khách hàng theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán để thanh toán mua, bán chứng khoán.

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản cho vay và phải thu.

2.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (FVTPL) là các tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.

- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của công ty.

Các tài sản tài chính này thường gồm: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh (với mục đích phòng ngừa rủi ro).

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính khi bán.

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Tài sản chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động, "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý"

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán hoạt động, ngoại trừ:

Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;

Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

Các khoản mà người nắm giữ có thể thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

2.2 *Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý hoặc giá gốc*

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):

Giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi hoặc lỗ và được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Khi trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính, Chỉ tiêu "Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL được phản ánh trên cơ sở số thuần (Chỉ tiêu này được tính như sau: Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ = Số dư Nợ Tài khoản 1211 "Giá mua" cộng (+) Số dư Nợ Tài khoản 1212 "Chênh lệch tăng do đánh giá lại" hoặc trừ (-) Số dư Có Tài khoản 1212 "Chênh lệch giảm do đánh giá lại" của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán).

Khi trình bày các tài sản tài chính FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán trong Thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày theo 3 chỉ tiêu: Giá trị mua, giá trị đánh giá lại và giá trị thuần (Giá trị mua +/- Giá trị đánh giá lại) theo các loại tài sản tài chính FVTPL.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL.

Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Thu nhập", chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại - các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán xác định lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ kế toán.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán không có giá thị trường, kế toán thực hiện xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị được Công ty xem xét và đánh giá lại. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo thu thập toàn diện trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp đối với khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Khởi nghiệp và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Việt với các giá trị lần lượt là 6,5 tỷ đồng và 6 tỷ đồng. Việc trích lập dự phòng được thực hiện dựa trên Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được ghi nhận từ thời điểm bắt đầu phát sinh hoạt động gửi tiền.

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 12 tháng và lớn hơn 3 tháng được Công ty trình bày trong danh mục các tài sản tài chính ngắn hạn. Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên được Công ty trình bày trong danh mục các tài sản tài chính dài hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng (trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.3 Giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của tài sản tài chính được xác định theo các cơ sở sau:

+ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có Giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với các chứng khoán của công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày giao dịch thứ sáu trở đi giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

+ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo cáo của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày gần ngày đánh giá giá trị chứng khoán nhất.

+ Các chứng khoán không có giá trị thị trường được xác định theo các phương pháp nêu trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

3. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản	***Thời gian khấu hao (năm)***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Máy móc thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải	07
- Tài sản cố định khác	03

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 08 năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty liên kết. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính. Mức trích lập dự phòng của từng khoản đầu tư tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Điện lực Miền Bắc đã được Công ty trích lập dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn với giá trị là 17 tỷ đồng theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 08/2020/BB-HĐQT.IVS ngày 28/12/2020 và Quyết định số 13/2020/QĐ-HĐQT-IVS ngày 28/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty.

5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch bán các tài sản tài chính, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu nội bộ và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán các tài sản tài chính.

- Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng giám đốc cũng đánh giá về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng cần thiết phải trích lập.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được đánh giá bởi Ban Tổng giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Công ty trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với khoản lãi dự thu Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa *(khoản này Công ty ghi nhận là doanh thu tài chính và xác định kết quả hoạt động từ những năm tài chính trước dựa trên các điều khoản về lợi nhuận cố định sẽ nhận được từ Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty này)* với số tiền là 12.218.208.333 đồng. Việc trích lập dự phòng được thực hiện dựa trên Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HDQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

Trong năm 2021, Công ty tiến hành phân loại lại khoản dự phòng đã trích lập đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa từ khoản mục "Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn" sang thành "Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu" dựa trên Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 103/QĐ-CCTHADS ngày 17/06/2020 và Quyết định số 63/QĐ-CCTHANDS ngày 21/08/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh hóa về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa.

7. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản ký quỹ, ký cược tại Công ty là các khoản đặt cọc về thuê văn phòng và các khoản đặt cọc khác,... được ghi nhận nhận theo giá gốc và trình bày theo kỳ hạn thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ; chi phí trả trước về thuê văn phòng và các chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 3 năm.

Chi phí trả trước về thuê văn phòng được phân bổ theo kỳ hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê. Các chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 3 năm.

Chi phí bảo trì phần mềm giao dịch chứng khoán: được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng theo quy định của Hợp đồng bảo trì đã ký kết.

Chi phí trả trước khác: được phân bổ vào chi phí theo phương thức đường thẳng trong thời gian 12 tháng đối với chi phí trả trước ngắn hạn và trong thời gian 36 tháng đối với chi phí trả trước dài hạn.

9. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

9.1 Nguyên tắc phân loại nợ tài chính và phương pháp kế toán các khoản vay

Nguyên tắc và phương pháp kế toán khoản vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

9.2 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

9.3 Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán, phải trả tổ chức phát hành chứng khoán và phải trả khác

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là các khoản phải thanh toán cho các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua, bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng Công ty qua Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên hoặc các khoản phải thanh toán cho các Đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành của Công ty. Nợ phải trả người bán về mua vật tư, dịch vụ, lao vụ không bao gồm trong khoản mục phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán.

- Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán là khoản phải trả tiền gửi của các nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý cho khách hàng thông qua tài khoản chuyên dụng mở tại Ngân hàng thương mại. Các giao dịch này bao gồm cả nghiệp vụ margin, repo, ứng trước tiền bán các tài sản tài chính. Các khoản phải trả nhà đầu tư về tiền gửi cho giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là phí phải trả các tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán được xác định phù hợp với các khối lượng giao dịch thực hiện và giá phí thỏa thuận giữa tổ chức cung cấp dịch vụ và Công ty. Khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán được ghi nhận trên nguyên tắc có cam kết cung cấp dịch vụ cho khách hàng phù hợp với doanh thu thực hiện đối với nghiệp vụ kinh doanh trên giấy phép của Công ty.

9.5 Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với dịch vụ tư vấn tài chính; không chịu thuế GTGT đối với hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, ...

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế, phí phải nộp khác:

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

9.6 Kế toán chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí hai sàn, phí kiểm toán, phí dịch vụ lưu ký và các chi phí thường xuyên khác của Hội sở và Chi nhánh Hồ Chí Minh thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

9.7 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận từ quỹ Hỗ trợ thanh toán.

10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu

10.1 Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin…

Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm:

- Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo các kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Giá trị của tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được Công ty ghi nhận theo giá trị thị trường. Theo đó, Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo thu nhập toàn diện thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ.

10.3 Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của Công ty, sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp, chia cổ tức cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại cuộc họp thường niên Ban Quản trị toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng bắt buộc theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến Công ty.

Lãi đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm (N-1) là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm (N-1) không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

11.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính:

Doanh thu của Công ty bao gồm thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, doanh thu cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, ...

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, ủy thác đấu giá)

Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận lỗ và chi phí giao dịch các tài sản tài chính

Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính: là các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL của Công ty và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư TSTC của Công ty là FVTPL.

12. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, …

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí quản lý của Công ty được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động là các chi phí quản lý chung của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,…); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

V. Quản trị về rủi ro tài chính đối với Công ty

1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với Công ty:

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro thanh toán:

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh toán bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

3. Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro như: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa được lợi nhuận thu được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VI. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính

1. Tiền

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty chứng khoán	21,442,741,626	6,981,516,744
Các khoản tương đương tiền	0	-
Cộng	**21,442,741,626**	**6,981,516,744**

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VND
a) Của Công ty chứng khoán	**-**	**-**
- Cổ phiếu	-	-
b) Của Nhà Đầu tư	**112,686,892**	**2,843,024,269,430**
- Cổ phiếu	111,494,792	2,841,292,997,430
- Chứng khoán khác	1,192,100	1,731,272,000

3. Các loại tài sản tài chính

3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)

Đơn vị tính: VND

Tài sản FVTPL	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết (*)	***3,826,652***	***472,510***	***4,249,698***	***829,830***
Tài sản tài chính khác	3,826,652	472,510	4,249,698	829,830
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	***33,825,400,000***	***33,825,400,000***	***33,825,400,000***	***33,825,400,000***
KN	6,500,000,000	6,500,000,000	6,500,000,000	6,500,000,000
TAV	6,000,000,000	6,000,000,000	6,000,000,000	6,000,000,000
YTAD	21,325,400,000	21,325,400,000	21,325,400,000	21,325,400,000
Cộng	**33,829,226,652**	**33,825,872,510**	**33,829,649,698**	**33,826,229,830**

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của sàn giao dịch chứng khoán HNX, HOSE và giá bình quân của sàn giao dịch UPCOM tại ngày 30/09/2024 của các Sở giao dịch chứng khoán.

(**) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính chưa niêm yết được xác định theo giá gốc do không có giao dịch trên thị trường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán theo phương pháp giá thị trường

Đơn vị tính: VND

STT	Các loại tài sản tài chính	30/09/2024					01/01/2024				
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước	Chênh lệch đánh giá kỳ trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I.	**Tài sản tài chính FVTPL**										
	Các loại tài sản tài chính niêm yết (*)	***3,826,652***	***472,510***	***143***	***3,354,285***	***472,510***	***4,249,698***	***829,830***	***143***	***3,420,011***	***829,830***
1	Các tài sản tài chính khác	3,826,652	472,510	143	3,354,285	472,510	4,249,698	829,830	143	3,420,011	829,830
	Các tài sản tài chính chưa niêm yết (**)	***33,825,400,000***	***33,825,400,000***	-	-	***33,825,400,000***	***33,825,400,000***	***33,825,400,000***	-	-	***33,825,400,000***
1	KN	6,500,000,000	6,500,000,000	-		6,500,000,000	6,500,000,000	6,500,000,000	-	-	6,500,000,000
2	TAV	6,000,000,000	6,000,000,000	-	-	6,000,000,000	6,000,000,000	6,000,000,000	-	-	6,000,000,000
3	YTAD	21,325,400,000	21,325,400,000	-	-	21,325,400,000	21,325,400,000	21,325,400,000	-	-	21,325,400,000
	Cộng	**33,829,226,652**	**33,825,872,510**	**143**	**3,354,285**	**33,825,872,510**	**33,829,649,698**	**33,826,229,830**	**143**	**3,420,011**	**33,826,229,830**

(*): Giá trị của Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ trong năm 2024 được ghi nhận theo giá trị thị trường. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi hoặc lỗ và được ghi nhận trên Báo cáo thu nhập toàn diện.

(**): Các tài sản tài chính này hiện được xác định theo giá trị ghi sổ của Công ty do không có giao dịch trên thị trường. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp đối với khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty CP Đầu tư Khởi nghiệp và Công ty CP Đầu tư Tài Việt với các giá trị lần lượt là 6,5 tỷ đồng và 6 tỷ đồng. Việc trích lập dự phòng được thực hiện dựa trên Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3.3 Các khoản phải thu nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản HTM		
Tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 1 năm	377,000,000,000	327,000,000,000
Cộng	**377,000,000,000**	**327,000,000,000**

3.4 Các khoản cho vay và phải thu

Đơn vị tính: VND

Các khoản cho vay và phải thu	30/09/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Cho vay hoạt động Margin	380,437,544,044	(2,224,151,206)	378,213,392,838	328,496,248,032	(2,224,151,206)	326,272,096,826
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	8,302,684,169	(19,950,000)	8,282,734,169	7,808,266,572	(19,950,000)	7,788,316,572
Cộng	**388,740,228,213**	**(2,244,101,206)**	**386,496,127,007**	**336,304,514,604**	**(2,244,101,206)**	**334,060,413,398**

3.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự phòng các khoản cho vay và phải thu	2,244,101,206	2,244,101,206
Dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khởi nghiệp	6,500,000,000	6,500,000,000
Dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Việt	6,000,000,000	6,000,000,000
Cộng	**14,744,101,206**	**14,744,101,206**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi nhánh Công ty Luật TNHH DIMAC tại Hà Nội	121,500,000	121,500,000
Công ty TNHH Kiểm toán và Định Giá Việt Nam		82,500,000
CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG MS MEDIA	86,400,000	
Các đối tượng khác	131,252,413	189,097,961
Cộng	**339,152,413**	**393,097,961**

5. Các khoản phải thu

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	***12,125,009,624***	***17,009,457,119***
Lãi dự thu margin	4,166,201,405	3,654,465,336
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	7,958,808,219	13,354,991,783
Các khoản phải thu khác	***40,782,184,873***	***40,429,755,369***
Nợ gốc phải thu Công ty Cổ phần Trường Thi Thanh Hóa (1)	19,000,000,000	19,000,000,000
Lãi dự thu Công ty Cổ phần Trường Thi Thanh Hóa (2)	12,218,208,333	12,218,208,333
Lãi dự thu margin	2,426,339,484	2,426,339,484
Phải thu các cá nhân	3,381,843,142	3,381,843,142
Phải trả tiền chuyển lương cho TMF	1,938,183,286	1,653,569,007
Các khoản phải thu khác	1,817,610,628	1,749,795,403
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	***230,567,510***	***128,512,142***
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	110,612,462	96,735,372
Phải thu hoạt động tư vấn	118,000,000	30,000,000
Phải thu dịch vụ khác	*1,955,048*	*1,776,770*
Cộng	**53,137,762,007**	**57,567,724,630**

(1): Khoản đầu tư vào Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa được phân loại sang khoản phải thu khác dựa trên Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 103/QĐ-CCTHADS ngày 17/06/2020 và Quyết định số 63/QĐ-CCTHADS ngày 21/08/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa.

(2) Khoản lợi nhuận cố định của hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án "Chung cư Ami Tower" số 01-02/2012/HĐ-HTKD ngày 15/02/2012, phụ lục 01 ngày 15/07/2013, phụ lục 02 ngày 16/12/2013 với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa, đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Đơn vị tính: VND

STT	Loại phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Số dư dự phòng phải thu đầu kỳ (01/01/2024)	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số dư dự phòng phải thu cuối kỳ (30/09/2024)
1	**TK 1351**	**92,710,405**	**92,710,405**	**0**	**0**	**92,710,405**
	Phải thu khác NĐT	62,710,405	62,710,405	-	-	62,710,405
	Tổng Cty Đầu Tư & KD Vốn Nhà Nước (SCIC)	30,000,000	30,000,000	-	-	30,000,000
2	**TK 3312**	**118,482,840**	**118,482,840**	**0**	**0**	**118,482,840**
	Công ty TNHH Bảo Bình	16,311,700	16,311,700	-	-	16,311,700
	Công ty Thương mại Lạc Hồng	12,420,000	12,420,000	-	-	12,420,000
	Công ty CP SIC	2,970,000	2,970,000		-	2,970,000
	Công ty CP Kiến trúc và Sự kiện	16,436,800	16,436,800	-	-	16,436,800
	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Phát	18,394,200	18,394,200	-	-	18,394,200
	Công ty TNHH Bluesky Global Hà Nội	51,950,140	51,950,140	-		51,950,140
3	**TK 1312**	**729,676,000**	**729,676,000**	-	-	**729,676,000**
	Công ty CP Vàng Toàn Cầu	167,676,000	167,676,000	-	-	167,676,000
	Công ty CP Tư vấn và Đầu tư thế giới vàng	462,000,000	462,000,000	-	-	462,000,000
	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phương Bắc	100,000,000	100,000,000	-	-	100,000,000
4	**TK 1388 (*)**	**38,776,186,362**	**38,776,186,362**	-	-	**38,776,186,362**
	Cộng	**39,717,055,607**	**39,717,055,607**	-	-	**39,717,055,607**

(*) Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu đối với khoản lãi dự thu Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa (khoản này Công ty ghi nhận là doanh thu tài chính và xác định kết quả hoạt động từ những năm tài chính trước dựa trên các điều khoản về lợi nhuận cố định sẽ nhận được từ Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty này) với số tiền là 12.218.208.333 đồng từ ngày 31/12/2019. Việc trích lập dự phòng được thực hiện dựa trên Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

- Công ty tiến hành phân loại lại khoản dự phòng đã trích lập đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa từ khoản mục "Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn" sang thành "Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu" dựa trên Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 103/QĐ-CCTHADS ngày 17/06/2020 và Quyết định số 63/QĐ-CCTHADS ngày 21/08/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân dự TP. Thanh Hóa về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Chi phí trả trước

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	***1,873,885,930***	***1,572,047,339***
Chi phí trả trước ngắn hạn	1,873,885,930	1,572,047,339
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ	-	-
Dài hạn	***2,552,955,489***	***3,156,508,095***
Chi phí trả trước dài hạn	2,287,072,211	2,825,455,854
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ	265,883,278	331,052,241
Cộng	**4,426,841,419**	**4,728,555,434**

8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	8,403,625,846	7,982,064,210
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4,201,920,049	4,201,920,049
Cộng	**12,725,545,895**	**12,303,984,259**

9. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2024	**15,634,139,202**	**1,062,420,000**	**537,470,026**	**17,234,029,228**
Mua trong năm	(3,797,770,863)	-		(3,797,770,863)
Số dư ngày 30/09/2024	**11,836,368,339**	**1,062,420,000**	**537,470,026**	**13,436,258,365**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư ngày 01/01/2024	**11,121,299,782**	**1,062,420,000**	**213,038,368**	**12,396,758,150**
Khấu hao trong năm	(2,842,713,888)	-	76,014,369	(2,766,699,519)
Số dư ngày 30/09/2024	**8,278,585,894**	**1,062,420,000**	**289,052,737**	**9,630,058,631**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	**4,512,839,420**	**-**	**324,431,658**	**4,837,271,078**
Tại ngày 30/09/2024	**3,557,782,445**	**-**	**248,417,289**	**3,806,199,734**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.931.940.549 VND (Tại 31/12/2023 là 8.600.653.252 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2024	**36,719,407,000**	**36,719,407,000**
Mua trong năm	(893,000,000)	(893,000,000)
Số dư ngày 30/09/2024	**35,826,407,000**	**35,826,407,000**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư ngày 01/01/2024	**32,004,411,740**	**32,004,411,740**
Khấu hao trong năm	(6,712,706)	(6,712,706)
Số dư ngày 30/09/2024	**31,997,699,034**	**31,997,699,034**
Giá trị còn lại		-
Tại ngày 01/01/2024	**4,714,995,260**	**4,714,995,260**
Tại ngày 30/09/2024	**3,828,707,966**	**3,828,707,966**

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.544.300.000 VND (Tại 31/12/2023 là 28.437.300.000 VND).

11. Các tài sản đã cầm cố thế chấp

Tài sản	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	***2,000,000***	***2,000,000***
Đặt cọc thẻ xe	2,000,000	2,000,000
Dài hạn	***842,466,100***	***808,466,100***
Đặt cọc thuê văn phòng và đặt cọc khác ở trụ sở Hà Nội	785,666,100	751,666,100
Đặt cọc thuê văn phòng ở chi nhánh Hồ Chí Minh	56,800,000	56,800,000
Cộng	**844,466,100**	**810,466,100**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Các khoản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 14 tháng tại BIDV - Chi nhánh Hai Bà Trưng	-	-	30,000,000,000	30,000,000,000
Cộng	**-**	**-**	**30,000,000,000**	**30,000,000,000**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Điện lực Miền Bắc (*)	17,000,000,000	(17,000,000,000)	-	17,000,000,000	(17,000,000,000)	-
	-				-	
Cộng	**17,000,000,000**	**(17,000,000,000)**	**-**	**17,000,000,000**	**(17,000,000,000)**	**-**

(*) Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Điện lực Miền Bắc đã được Công ty trích lập dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn với giá trị là 17 tỷ đồng theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 08/2020/BB-HĐQT.IVS ngày 28/12/2020 và Quyết định số 13/2020/QĐ-HĐQT-IVS ngày 28/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán

Tài sản tài chính	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1,340,000	1,570,000
Cộng	**1,340,000**	**1,570,000**

14. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty chứng khoán

Tài sản tài chính	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính chưa niêm yết	33,825,400,000	33,825,400,000
Cộng	**33,825,400,000**	**33,825,400,000**

15. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2,076,803,490,000	2,266,393,270,000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	100,000,000	200,000,000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	30,278,880,000	30,278,880,000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1,501,320,000	1,501,320,000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	15,282,440,000	11,856,910,000
Cộng	**2,123,966,130,000**	**2,310,230,380,000**

16. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	4,964,150,000	4,924,150,000
Cộng	**4,964,150,000**	**4,924,150,000**

17. Tiền gửi của Nhà đầu tư

		30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	114,963,137,829	152,823,010,252
1.1	*Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý*	*102,992,521,642*	*139,407,578,902*
1.2.	*Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý*	*11,970,616,187*	*13,415,431,350*
	Cộng	**114,963,137,829**	**152,823,010,252**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

18. Vay

	30/09/2024 VND		Trong năm VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn					-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (*)	48,030,000,000	48,030,000,000	860,930,000,000	812,900,000,000	-	-
Ngân hàng China Construction Bank Corporation - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**)	21,000,000,000	21,000,000,000	21,000,000,000		-	-
Cộng	**69,030,000,000**	**69,030,000,000**	**881,930,000,000**	**812,900,000,000**	-	-

(*): Khoản vay ngắn hạn được thực hiện theo Hợp đồng thấu chi 01/2024/1801158/HĐTC ngày 17/04/2024 với hạn mức thấu chi là 148 tỷ đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi đến ngày 17/04/2025. Mục đích thấu chi: bù đắp thiếu hụt thanh toán tạm thời do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh tính theo mùa vụ. Hình thức bảo đảm tiền vay: cầm cố các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 150 tỷ đồng.

(**): Khoản vay tín chấp ngân hàng CCB theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số GSTFC/2024-002 ngày 13.05.2024 - Giải ngân theo đơn xin giải ngân số 01

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19. Phải trả người bán

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH TMF Việt Nam	33,071,677	67,835,152
Công ty Cổ phần Netnam		79,200,000
CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG SÁNG THẾ KỶ		73,386,000
Đoàn Thế Cường	139,498,911	21,301,017
Các đối tượng khác	248,775,966	465,054,328
Cộng	**421,346,554**	**706,776,497**

20. Người mua trả tiền trước

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á- Thái Bình Dương		50,000,000
Công ty Cổ phần LICOGI19.	33,500,000	33,500,000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sinopac	21,942,961	
YARUN INVESTMENT HOLDING PTE.LTD	197,899,350	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG ELITE SOLAR(VIỆT NAM)		100,000,000
Tổng Công ty cổ phần Sông Hồng	45,000,000	45,000,000
Công ty Cổ phần Năng lượng Môi Trường Thiên Ý Hà Nội		1,100,000,000
Cộng	**298,342,311**	**1,328,500,000**

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Thuế GTGT đầu ra	13,953,560	0
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1,164,853,559	677,126,153
Thuế Thu nhập cá nhân	680,769,083	656,773,589
Cộng	**1,859,576,202**	**1,333,899,742**

22. Chi phí phải trả

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Chi phí thường xuyên	287,168,756	475,179,629
Chi phí viễn thông	30,119,734	30,483,384
Cộng	**317,288,490**	**505,663,013**

23. Phải trả, phải nộp khác

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức	712,060,000	715,185,000
Phải trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	849,723,723	838,473,723
Phải trả khác	80,650,346	80,650,346
Cộng	**1,642,434,069**	**1,634,309,069**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

24. Phải trả Nhà đầu tư

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
1. Phải trả nhà đầu tư - tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	114,963,137,829	152,823,010,252
- Của nhà đầu tư trong nước	*102,992,521,642*	*139,407,578,902*
- Của nhà đầu tư nước ngoài	*11,970,616,187*	*13,415,431,350*
2. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	-
Cộng	**114,963,137,829**	**152,823,010,252**

25. Lợi nhuận chưa phân phối

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	47,158,608,107	31,546,661,761
Lợi nhuận chưa thực hiện	(3,354,142)	(3,419,868)
Cộng	**47,155,253,965**	**31,543,241,893**

26. Cổ phiếu đang lưu hành

	30/09/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng phổ thông lưu hành dưới 1 năm	69,350,000	69,350,000
Cộng	**69,350,000**	**69,350,000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VII. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động

1. Thu nhập

1.1. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
I	**Tài sản tài chính FVTPL**	**3,826,652**	**472,510**	**(3,354,142)**	**(3,419,868)**	**65,726**
1	***Các tài sản tài chính niêm yết***	***3,826,652***	***472,510***	***(3,354,142)***	***(3,419,868)***	***65,726***
	BMC	236,192	61,200	(174,992)	(191,792)	16,800
	SBT	176,100	103,200	(72,900)	(70,500)	(2,400)
	AAM	58,837	23,340	(35,497)	(30,847)	(4,650)
	Các TSTC khác	3,355,523	284,770	(3,070,753)	(3,126,729)	55,976
	Cộng	**3,826,652**	**472,510**	**(3,354,142)**	**(3,419,868)**	**65,726**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.2. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

Các loại doanh thu hoạt động khác

	Qúy III.2024 VND	Qúy III.2023 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	1,000	41,500
Từ tài sản tài chính HTM	4,406,035,618	5,927,115,825
Từ các khoản cho vay	9,630,805,885	10,514,394,261
Cộng	**14,036,842,503**	**16,441,551,586**

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Qúy III.2024 VND	Qúy III.2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	417,660	3,450,826
Cộng	**417,660**	**3,450,826**

3. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Qúy III.2024 VND	Qúy III.2023 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5,391,112,367	5,289,515,855
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	193,422,869	219,520,390
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	-	-
Chi phí dự phòng và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	-	(160,218,849)
Cộng	**5,584,535,236**	**5,348,817,396**

4. Chi phí tài chính

	Qúy III.2024 VND	Qúy III.2023 VND
Chi phí lãi vay	695,621,937	276,460,548
Cộng	**695,621,937**	**276,460,548**

5. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Qúy III.2024 VND	Qúy III.2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3,213,621,728	3,103,433,128
Chi phí văn phòng phẩm	18,958,720	15,781,200
Chi phí công cụ, dụng cụ	63,864,312	107,390,198
Chi phí khấu hao TSCĐ	626,369,496	562,184,663
Chi phí thuế, phí, lệ phí	23,210,190	24,207,673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,352,433,823	2,406,531,271
Chi phí bằng tiền khác	352,642,899	408,863,592
Cộng	**6,651,101,168**	**6,628,391,725**

6. Thu nhập khác

	Qúy III.2024 VND	Qúy III.2023 VND
Các khoản thu nhập khác	3,363,636	156
Cộng	**3,363,636**	**156**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Qúy III.2024 VND	Qúy III.2023 VND
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	**1,164,853,559**	**1,999,816,161**
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	5,681,628,387	10,043,479,266
Thu nhập miễn thuế TNDN	**1,000**	**(114,062)**
Cổ tức	*1,000*	*41,500*
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	-	*(155,562)*
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	**142,640,407**	**113,862,734**
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	*110,000,001*	*110,000,001*
Chi phí loại trừ ko được tính	*32,650,086*	*3,862,733*
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	*(9,680)*	
Hoàn nhập dự phòng	-	(160,218,849)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	5,824,267,794	9,997,237,213
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,164,853,559	1,999,816,161
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	**1,164,853,559**	**1,999,816,161**

8. Lũy kế báo cáo kết quả hoạt động

Chỉ tiêu	01/01/2024	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	30/09/2024
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	31,543,241,893	15,612,012,072	-	47,155,253,965
Cộng	**31,543,241,893**	**15,612,012,072**	**-**	**47,155,253,965**

Hà nội ngày 15 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Ngọc Mai	Huang Bo

BẢN SAO

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	09 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁC TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Wang Jun Hong	Chủ tịch
Ông Yim Fung	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Kỳ	Thành viên
Ông Huang Bo	Thành viên
Ông Wei Xi	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Huang Bo	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14/11/2023)
Ông Bùi Quang Kỳ	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Anh	Giám đốc điều hành (Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc ngày 14/11/2023 và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành ngày 14/11/2023)
Bà Lê Thị Lan Hương	Giám đốc tài chính

Ban Kiểm soát

Ông Lê Tất Thành	Trưởng Ban (Bổ nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát ngày 29/06/2023 và Bổ nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát ngày 24/07/2023)
Ông Võ Thế Vinh	Trưởng Ban (Miễn nhiệm ngày 29/06/2023)
Bà Hoàng Thị Thanh Hoa	Thành viên
Bà Shen Jing	Thành viên

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngô Bá Duy	**Phạm Thị Hiền**
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán	Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1	*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1*

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)	**100**		**709.915.650.295**	**788.237.105.624**
I. Tài sản tài chính	**110**		**707.611.926.956**	**785.823.337.094**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1.	6.981.516.744	68.910.467.724
1.1. Tiền	111.1		6.981.516.744	18.910.467.724
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	50.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	VI.3.1	33.826.229.830	33.831.459.340
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	VI.3.3	327.000.000.000	315.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	VI.3.4	336.304.514.604	372.030.903.789
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	VI.3.5	(14.744.101.206)	(17.781.443.151)
7. Các khoản phải thu	117	VI.5.	17.009.457.119	12.856.405.718
7.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		17.009.457.119	12.856.405.718
8. Trả trước cho người bán	118	VI.4.	393.097.961	1.750.700.956
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	VI.5.	128.512.142	96.596.852
10. Các khoản phải thu khác	122	VI.5.	40.429.755.369	38.823.351.333
11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	VI.6.	(39.717.055.607)	(39.635.105.467)
II. Tài sản ngắn hạn khác	**130**		**2.303.723.339**	**2.353.768.530**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.7.	1.572.047.339	1.621.971.170
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	VI.11.	2.000.000	1.750.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	137		729.676.000	730.047.360
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	**200**		**55.821.224.792**	**22.931.900.295**
I. Tài sản tài chính dài hạn	**210**		**30.000.000.000**	-
1. Các khoản đầu tư	212	VI.12.	47.000.000.000	17.000.000.000
1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		30.000.000.000	-
1.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		17.000.000.000	17.000.000.000
2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		(17.000.000.000)	(17.000.000.000)
II. Tài sản cố định	**220**		**9.552.266.338**	**10.343.723.871**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9.	4.837.271.078	4.891.011.419
- Nguyên giá	*222*		*17.234.029.228*	*16.081.274.428*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223a*		*(12.396.758.150)*	*(11.190.263.009)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10.	4.714.995.260	5.454.711.652
- Nguyên giá	228		*36.719.407.000*	*36.329.407.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		*(32.004.411.740)*	*(30.874.695.348)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**240**		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**250**		**16.268.958.454**	**12.586.177.224**
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.11.	808.466.100	807.466.100
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.7.	3.156.508.095	1.662.204.660
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	VI.8.	12.303.984.259	10.116.506.464
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	**260**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**765.736.875.087**	**811.169.005.919**

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	**300**		**10.595.443.268**	**83.041.402.162**
I. Nợ phải trả ngắn hạn	**310**		**10.595.443.268**	**83.041.402.162**
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	VI.18.	-	72.900.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		-	72.900.000.000
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320	VI.19.	706.776.497	569.707.312
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	VI.20.	1.328.500.000	394.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.21.	1.333.899.742	2.176.937.027
5. Phải trả người lao động	323		4.527.559.341	4.207.175.317
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		463.147.383	479.910.446
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.22.	505.663.013	574.133.768
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	VI.23.	1.634.309.069	1.643.450.069
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		95.588.223	95.588.223
II. Nợ phải trả dài hạn	**340**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	**400**		**755.141.431.819**	**728.127.603.757**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**755.141.431.819**	**728.127.603.757**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		721.780.000.000	721.780.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		693.500.000.000	693.500.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		28.280.000.000	28.280.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		1.169.366.013	1.169.366.013
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		648.823.913	648.823.913
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.25.	31.543.241.893	4.529.413.831
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	*417.1*		*31.546.661.761*	*4.531.436.897*
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	*417.2*		*(3.419.868)*	*(2.023.066)*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**420**		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	**440**		**765.736.875.087**	**811.169.005.919**

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Ngọc Mai	Huang Bo

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A.TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006	VI.26.	69.350.000	69.350.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	VI.13.	1.570.000	3.660.000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty chứng khoán	012		33.825.400.000	33.825.400.000
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty chứng khoán	013		-	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VI.15.	2.310.230.380.000	2.355.651.630.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	*021.1*		*2.266.393.270.000*	*2.309.818.820.000*
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	*021.2*		*200.000.000*	*200.000.000*
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	*021.3*		*30.278.880.000*	*28.036.000.000*
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	*021.4*		*1.501.320.000*	*1.495.000.000*
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	*021.5*		*11.856.910.000*	*16.101.810.000*
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		4.924.150.000	57.383.450.000
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	*022.4*		*4.924.150.000*	*57.383.450.000*
3. Tiền gửi của khách hàng	026		152.823.010.252	113.247.051.139
3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	VI.17.	152.823.010.252	113.247.051.139
4. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	VI.24.	152.823.010.252	113.247.051.139
4.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		139.407.578.902	108.804.199.102
4.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		13.415.431.350	4.442.852.037

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Ngọc Mai	Huang Bo

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Mẫu số B02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		2.726.818	356.450
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	*01.1*		2.038.422	-
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	*01.2*	*VII.1.1.*	*565.596*	*76.600*
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính	*01.3*	*VII.1.2.*	*122.800*	*279.850*
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	*VII.1.2.*	24.720.233.632	15.132.301.371
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	*VII.1.2.*	38.722.068.034	37.584.718.067
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		15.739.896.640	30.565.852.204
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		732.169.410	667.802.472
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		605.454.546	3.589.113.637
1.7. Thu nhập hoạt động khác	11	VI.1.4	94.400	-
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 →11)	**20**		**80.522.643.480**	**87.540.144.201**
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		2.447.778	1.691.460
a. Lỗ bán các tài sản tài chính	*21.1*		*485.380*	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	*21.2*	*VII.1.1.*	*1.962.398*	*1.691.460*
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	VII.3.	(3.037.341.789)	3.037.341.789
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VII.3.	18.328.350.148	27.222.179.105
2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VII.3.	868.773.776	804.621.041
2.5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VII.3.	-	1.552.492.308
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 →32)	**40**		**16.162.229.913**	**32.618.325.703**
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	VII.2.	10.939.723	45.753.713
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)	**50**		**10.939.723**	**45.753.713**
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	51			
4.1. Chi phí lãi vay	52	VII.4.	1.395.109.862	1.334.926.271
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 55)	**60**		**1.395.109.862**	**1.334.926.271**
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	**61**		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	**62**	**VII.5.**	**29.838.675.633**	**31.176.967.469**
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	**70**		**33.137.567.795**	**22.455.678.471**

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71	VII.6.	7.298.184	-
8.2 Chi phí khác	72		-	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	**80**		**7.298.184**	-
IX.TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	**90**		**33.144.865.979**	**22.455.678.471**
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		33.146.262.781	22.457.293.331
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(1.396.802)	(1.614.860)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	**100**		**6.131.037.917**	**5.210.773.702**
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VII.7.	6.131.037.917	5.210.773.702
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	**200**		**27.013.828.062**	**17.244.904.769**
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	**300**		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	**400**			
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	**500**		**389,53**	**248,66**
13.1.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		389,53	248,66
13.2.Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Ngọc Mai	Huang Bo

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Mẫu số B03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	***01***		***33.144.865.979***	***22.455.678.471***
2. Điều chỉnh cho các khoản	***02***		***764.989.867***	***6.582.820.507***
- Khấu hao TSCĐ	03		2.336.211.533	2.256.306.160
- Các khoản dự phòng	04		(2.955.391.805)	3.037.341.789
Các khoản dự phòng tài sản tài chính			*(3.037.341.789)*	*3.037.341.789*
Hoàn nhập các tài khoản đã trích lập dự phòng			*(156)*	-
Dự phòng suy giảm giá trị phải thu khác			*81.950.140*	-
- Chi phí lãi vay	06		1.395.109.862	1.334.926.271
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(10.939.723)	(45.753.713)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	***10***		***3.420.011***	***3.889.027***
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/Lỗ FVTPL	11		3.420.011	3.889.027
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	***18***		***(143)***	***(1.865.961)***
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(143)	(1.865.961)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		***8.589.588.383***	***(1.772.762.567)***
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		1.809.642	(408.706)
- Tăng (giảm) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(12.000.000.000)	(150.000.000.000)
- Tăng (giảm) Các khoản cho vay	33		35.726.389.185	165.668.830.631
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(4.153.051.401)	(1.267.790.750)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(31.915.290)	42.388.362
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(1.606.404.036)	121.900.536
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(68.470.755)	(4.640.225.150)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(1.444.379.604)	(1.481.120.310)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		(5.797.729.191)	(6.054.918.128)
(-) Lãi vay đã trả	44		(1.395.109.862)	(1.334.926.271)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		1.494.672.180	(1.584.914.489)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		(16.763.063)	74.171.638
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(1.176.346.011)	(2.088.126.771)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		320.384.024	2.984.820.157
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(9.141.000)	18.210.445
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(1.254.356.435)	(2.230.654.261)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***60***		***42.502.864.097***	***27.267.759.477***
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(1.542.754.800)	(1.445.842.916)
2. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		(30.000.000.000)	-

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

(tiếp theo)

3. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	85.000.000.000
4. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		10.939.723	45.753.713
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***70***		***(31.531.815.077)***	***83.599.910.797***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay gốc	73		863.600.000.000	479.346.728.356
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(936.500.000.000)	(521.456.728.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***80***		***(72.900.000.000)***	***(42.110.000.000)***
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	**90**		**(61.928.950.980)**	**68.757.670.274**
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**101**	**VI.1.**	**68.910.467.724**	**152.797.450**
- Tiền	101.1		18.910.467.724	152.797.450
- Các khoản tương đương tiền	101.2		50.000.000.000	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	**103**	**VI.1.**	**6.981.516.744**	**68.910.467.724**
- Tiền	103.1		6.981.516.744	18.910.467.724
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	50.000.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		5.007.557.970.300	10.015.226.956.270
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(4.919.371.162.640)	(10.255.764.407.270)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		4.193.145.672.482	11.463.550.462.419
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(4.241.756.521.029)	(11.442.691.681.729)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	***20***		***39.575.959.113***	***(219.678.669.810)***
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	**30**		**113.247.051.139**	**332.925.720.949**
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		113.247.051.139	332.925.720.949
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		113.247.051.139	332.925.720.949
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	**40**		**152.823.010.252**	**113.247.051.139**
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		152.823.010.252	113.247.051.139
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	VI.17.	152.823.010.252	113.247.051.139

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Ngọc Mai	Huang Bo

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B04 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm 2022		Năm 2023			
		01/01/2022	01/01/2023	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2022	31/12/2023
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		721.780.000.000	721.780.000.000	-	-	-	-	721.780.000.000	721.780.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		693.500.000.000	693.500.000.000	-	-	-	-	693.500.000.000	693.500.000.000
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		28.280.000.000	28.280.000.000	-	-	-	-	28.280.000.000	28.280.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		1.169.366.013	1.169.366.013	-	-	-	-	1.169.366.013	1.169.366.013
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		648.823.913	648.823.913	-	-	-	-	648.823.913	648.823.913
4. Lợi nhuận chưa phân phối		(12.715.490.938)	4.529.413.831	17.246.519.629	1.614.860	27.015.224.864	1.396.802	4.529.413.831	31.543.241.893
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(12.715.082.732)	4.531.436.897	17.246.519.629	-	27.015.224.864	-	4.531.436.897	31.546.661.761
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(408.206)	(2.023.066)	-	1.614.860	-	1.396.802	(2.023.066)	(3.419.868)
Tổng cộng		**710.882.698.988**	**728.127.603.757**	**17.246.519.629**	**1.614.860**	**27.015.224.864**	**1.396.802**	**728.127.603.757**	**755.141.431.819**

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Ngọc Mai	Huang Bo

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của công ty chứng khoán

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam), (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty CP Chứng khoán VNS được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007; Sau đó Công ty Cổ phần Chứng khoán VNS được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam theo giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011; Theo Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 16/07/2021 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thì Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam), tên tiếng Anh là Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp. và tên viết tắt là GTJA (Vietnam).

Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 45/GPĐC-UBCK ngày 20/12/2016, số 06/GPĐC-UBCK ngày 17/01/2018, số 30/GPĐC-UBCK ngày 17/05/2019, số 64/GPĐC-UBCK ngày 22/10/2019 và số 104/GPĐC-UBCK ngày 22/11/2021 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ngày 22/11/2021, Công ty được Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 104/GPĐC-UBCK điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 về bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK ngày 22/10/2019 thì:
- Vốn điều lệ theo đăng ký: **693.500.000.000 VND** *(Sáu trăm chín mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).*
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là IVS.

Điều lệ Công ty chứng khoán đã được ban hành ngày 28/08/2007 và sửa đổi, bổ sung vào các ngày 27/09/2011, ngày 20/12/2016, ngày 06/12/2019,ngày 29/06/2021 và ngày 28/06/2022.

Trụ sở Công ty tại: P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:
- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán./.

3. Hạn chế vay nợ, cho vay và hạn chế đầu tư

Hạn chế vay nợ

Thực hiện theo điều 26 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020;
- Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không được vượt quá 05 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm các khoản sau đây:

a) Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng;
b) Quỹ khen thưởng phúc lợi;
c) Dự phòng trợ cấp mất việc làm;
d) Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.
- Nợ ngắn hạn của công ty chứng khoán tối đa bằng tài sản ngắn hạn.

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty chứng khoán chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.

Hạn chế cho vay

Thực hiện theo Điều 27 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020.

- Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán, công ty chứng khoán không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức.

- Công ty chứng khoán không được dùng tiền, tài sản của công ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba.

- Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với Chủ sở hữu, cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị công ty chứng khoán bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.

- Công ty chứng khoán đã được thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định pháp luật được cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán dưới hình thức giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Công ty chứng khoán được cho vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch, hoặc cho vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020.

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán.

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

+ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

+ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

+ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

+ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

+ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

+ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh và;

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

+ Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp vào dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp vào dự án kinh doanh.

- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện; và

+ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%).

+ Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.

- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2,3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

4. Cấu trúc Công ty

Công ty có một đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo sổ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh. Địa chỉ tại: Tầng 3, số 2 BIS, Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công ty có 64 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 61 nhân viên).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 23/2018/TT-BTC Bổ sung một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán".

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Ghi nhận vốn bằng tiền

Tiền gửi hoạt động của Công ty chứng khoán

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi của tổ chức phát hành (khi Công ty đồng thời là tổ chức phát hành) và tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (của Công ty) được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư, tiền gửi của tổ chức phát hành khác được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

Tiền gửi của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư là tiền gửi của khách hàng để giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.

Tiền gửi của tổ chức phát hành

Tiền gửi của tổ chức phát hành là tiền gửi thu được về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán là tiền gửi để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giữa Công ty và khách hàng theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán để thanh toán mua, bán chứng khoán.

3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản cho vay và phải thu.

3.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (FVTPL) là các tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu đo mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.

- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của công ty.

Các tài sản tài chính này thường gồm: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh (với mục đích phòng ngừa rủi ro).

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính khi bán.

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận đo đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Tài sản chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động, "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý"

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán hoàn hảo, ngoại trừ:

Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;

Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

Các khoản mà người nắm giữ có thể thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý hoặc giá gốc

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):

Giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi hoặc lỗ và được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Khi trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính, Chỉ tiêu "Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL được phản ánh trên cơ sở số thuần (Chỉ tiêu này được tính như sau: Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ = Số dư Nợ Tài khoản 1211 "Giá mua" cộng (+) Số dư Nợ Tài khoản 1212 "Chênh lệch tăng do đánh giá lại" hoặc trừ (-) Số dư Có Tài khoản 1212 "Chênh lệch giảm do đánh giá lại" của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán).

Khi trình bày các tài sản tài chính FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán trong Thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày theo 3 chỉ tiêu: Giá trị mua, giá trị đánh giá lại và giá trị thuần (Giá trị mua +/- Giá trị đánh giá lại) theo các loại tài sản tài chính FVTPL.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Lỗ và các chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Thu nhập", chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại - các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán xác định lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ kế toán.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán không có giá thị trường, kế toán thực hiện xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị được Công ty xem xét và đánh giá lại. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo thu thập toàn diện trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp đối với khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Khởi nghiệp và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Việt với các giá trị lần lượt là 6,5 tỷ đồng và 6 tỷ đồng. Việc trích lập dự phòng được thực hiện dựa trên Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được ghi nhận từ thời điểm bắt đầu phát sinh hoạt động gửi tiền.

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 12 tháng và lớn hơn 3 tháng được Công ty trình bày trong danh mục các tài sản tài chính ngắn hạn. Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên được Công ty trình bày trong danh mục các tài sản tài chính dài hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng (trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

3.3 Giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của tài sản tài chính được xác định theo các cơ sở sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

+ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có Giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với các chứng khoán của công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày giao dịch thứ sáu trở đi giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

+ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo cáo của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày gần ngày đánh giá giá trị chứng khoán nhất.

+ Các chứng khoán không có giá trị thị trường được xác định theo các phương pháp nêu trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản	*Thời gian khấu hao (năm)*
- Máy móc thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải	07
- Tài sản cố định khác	03

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 08 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty liên kết. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính. Mức trích lập dự phòng của từng khoản đầu tư tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Điện lực Miền Bắc đã được Công ty trích lập dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn với giá trị là 17 tỷ đồng theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 08/2020/BB-HĐQT.IVS ngày 28/12/2020 và Quyết định số 13/2020/QĐ-HĐQT-IVS ngày 28/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch bán các tài sản tài chính, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu nội bộ và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi nhận lớn hơn giá trị phải thu hồi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán các tài sản tài chính.

- Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng giám đốc cũng đánh giá về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng cần thiết phải trích lập.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được đánh giá bởi Ban Tổng giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Công ty trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với khoản lãi dự thu Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa *(khoản này Công ty ghi nhận là doanh thu tài chính và xác định kết quả hoạt động từ những năm tài chính trước dựa trên các điều khoản về lợi nhuận cố định sẽ nhận được từ Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty này)* với số tiền là 12.218.208.333 đồng. Việc trích lập dự phòng được thực hiện dựa trên Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

Trong năm 2021, Công ty tiến hành phân loại lại khoản dự phòng đã trích lập đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa từ khoản mục "Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn" sang thành "Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu" dựa trên Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 103/QĐ-CCTHADS ngày 17/06/2020 và Quyết định số 63/QĐ-CCTHANDS ngày 21/08/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh hóa về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược tại Công ty là các khoản đặt cọc về thuê văn phòng và các khoản đặt cọc khác,... được ghi nhận nhận theo giá gốc và trình bày theo kỳ hạn thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ; chi phí trả trước về thuê văn phòng và các chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 3 năm.

Chi phí trả trước về thuê văn phòng được phân bổ theo kỳ hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê. Các chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 3 năm.

Chi phí bảo trì phần mềm giao dịch chứng khoán: được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng theo quy định của Hợp đồng bảo trì đã ký kết.

Chi phí trả trước khác: được phân bổ vào chi phí theo phương thức đường thẳng trong thời gian 12 tháng đối với chi phí trả trước ngắn hạn và trong thời gian 36 tháng đối với chi phí trả trước dài hạn.

10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

10.1 Nguyên tắc phân loại nợ tài chính và phương pháp kế toán các khoản vay

Nguyên tắc và phương pháp kế toán khoản vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

10.3 Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán, phải trả tổ chức phát hành chứng khoán và phải trả khác

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là các khoản phải thanh toán cho các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua, bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng Công ty qua Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên hoặc các khoản phải thanh toán cho các Đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành của Công ty. Nợ phải trả người bán về mua vật tư, dịch vụ, lao vụ không bao gồm trong khoản mục phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán.

- Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán là khoản phải trả tiền gửi của các nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý cho khách hàng thông qua tài khoản chuyên dụng mở tại Ngân hàng thương mại. Các giao dịch này bao gồm cả nghiệp vụ margin, repo, ứng trước tiền bán các tài sản tài chính. Các khoản phải trả nhà đầu tư về tiền gửi cho giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là phí phải trả các tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán được xác định phù hợp với các khối lượng giao dịch thực hiện và giá phí thỏa thuận giữa tổ chức cung cấp dịch vụ và Công ty. Khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán được ghi nhận trên nguyên tắc có cam kết cung cấp dịch vụ cho khách hàng phù hợp với doanh thu thực hiện đối với nghiệp vụ kinh doanh trên giấy phép của Công ty.

10.5 Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với dịch vụ tư vấn tài chính; không chịu thuế GTGT đối với hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, ...

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế, phí phải nộp khác:

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

10.6 Kế toán chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí hai sàn, phí kiểm toán, phí dịch vụ lưu ký và các chi phí thường xuyên khác của Hội sở và Chi nhánh Hồ Chí Minh thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10.7 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận từ quỹ Hỗ trợ thanh toán.

11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu

11.1 Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin…

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích 5% lợi nhuận sau thuế, được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích 5% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm:

- Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo các kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Giá trị của tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được Công ty ghi nhận theo giá trị thị trường. Theo đó, Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo thu nhập toàn diện thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ.

11.3 Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của Công ty, sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp, chia cổ tức cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại cuộc họp thường niên Ban Quản trị toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng bắt buộc theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến Công ty.

Lãi đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm (N-1) là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm (N-1) không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

12.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính:

Doanh thu của Công ty bao gồm thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, doanh thu cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, ...

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, ủy thác đấu giá)

Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

12.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận lỗ và chi phí giao dịch các tài sản tài chính

Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính: là các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL của Công ty và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư TSTC của Công ty là FVTPL.

13. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí quản lý của Công ty được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động là các chi phí quản lý chung của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

V. Quản trị về rủi ro tài chính đối với Công ty

1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với Công ty:

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro thanh toán:

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh toán bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

3. Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro như: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa được lợi nhuận thu được.

VI. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính

1. Tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty chứng khoán	6.981.516.744	18.910.467.724
Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
Cộng	**6.981.516.744**	**68.910.467.724**

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
a) Của Công ty chứng khoán	**216**	**5.385.750**
- Cổ phiếu	216	5.385.750
b) Của Nhà Đầu tư	**695.635.370**	**10.380.764.694.570**
- Cổ phiếu	694.861.070	10.372.702.676.570
- Chứng khoán khác	774.300	8.062.018.000

3. Các loại tài sản tài chính

3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)

Đơn vị tính: VND

Tài sản FVTPL	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết (*)	***4.249.698***	***829.830***	***8.082.406***	***6.059.340***
Tài sản tài chính khác	4.249.698	829.830	8.082.406	6.059.340
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	***33.825.400.000***	***33.825.400.000***	***33.825.400.000***	***33.825.400.000***
KN	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
TAV	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
YTAD	21.325.400.000	21.325.400.000	21.325.400.000	21.325.400.000
Cộng	**33.829.649.698**	**33.826.229.830**	**33.833.482.406**	**33.831.459.340**

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của sàn giao dịch chứng khoán HNX, HOSE và giá bình quân của sàn giao dịch UPCOM tại ngày 31/12/2023 của các Sở giao dịch chứng khoán.

(**) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính chưa niêm yết được xác định theo giá gốc do không có giao dịch trên thị trường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán theo phương pháp giá thị trường

Đơn vị tính: VND

STT	31/12/2023						01/01/2023				
	Các loại tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước	Chênh lệch đánh giá kỳ trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I.	**Tài sản tài chính FVTPL**										
	Các loại tài sản tài chính niêm yết (*)	***4.249.698***	***829.830***	***143***	***3.420.011***	***829.830***	***8.082.406***	***6.059.340***	***1.865.961***	***3.889.027***	***6.059.340***
1	Các tài sản tài chính khác	4.249.698	829.830	143	3.420.011	829.830	8.082.406	6.059.340	1.865.961	3.889.027	6.059.340
	Các tài sản tài chính chưa niêm yết (**)	***33.825.400.000***	***33.825.400.000***	-	-	***33.825.400.000***	***33.825.400.000***	***33.825.400.000***	-	-	***33.825.400.000***
1	KN	6.500.000.000	6.500.000.000	-	-	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	-	-	6.500.000.000
2	TAV	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
3	YTAD	21.325.400.000	21.325.400.000	-	-	21.325.400.000	21.325.400.000	21.325.400.000	-	-	21.325.400.000
	Cộng	**33.829.649.698**	**33.826.229.830**	**143**	**3.420.011**	**33.826.229.830**	**33.833.482.406**	**33.831.459.340**	**1.865.961**	**3.889.027**	**33.831.459.340**

(*): Giá trị của Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ trong năm 2023 được ghi nhận theo giá trị thị trường. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi hoặc lỗ và được ghi nhận trên Báo cáo thu nhập toàn diện.

(**): Các tài sản tài chính này hiện được xác định theo giá trị ghi sổ của Công ty do không có giao dịch trên thị trường. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp đối với khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty CP Đầu tư Khởi nghiệp và Công ty CP Đầu tư Tài Việt với các giá trị lần lượt là 6,5 tỷ đồng và 6 tỷ đồng. Việc trích lập dự phòng được thực hiện dựa trên Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3.3 Các khoản phải thu nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

Tài sản HTM	31/12/2023	01/01/2023
Tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 1 năm	327.000.000.000	315.000.000.000
Cộng	**327.000.000.000**	**315.000.000.000**

3.4 Các khoản cho vay và phải thu

Đơn vị tính: VND

Các khoản cho vay và phải thu	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	328.496.248.032	326.272.096.826	358.298.655.642	353.037.162.491
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	7.808.266.572	7.788.316.572	13.732.248.147	13.712.298.147
Cộng	**336.304.514.604**	**334.060.413.398**	**372.030.903.789**	**366.749.460.638**

3.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự phòng các khoản cho vay margin	2.244.101.206	5.281.443.151
Dự phòng đối với khoản đầu tư Công ty CP Đầu tư Khởi nghiệp	6.500.000.000	6.500.000.000
Dự phòng đối với khoản đầu tư Công ty CP Đầu tư Tài Việt	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	**14.744.101.206**	**17.781.443.151**

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH TMF Việt Nam	-	1.629.218.116
Chi nhánh Công ty Luật TNHH DIMAC tại Hà Nội	121.500.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	82.500.000	-
Các đối tượng khác	189.097.961	121.482.840
Cộng	**393.097.961**	**1.750.700.956**

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Các khoản phải thu

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	***17.009.457.119***	***12.856.405.718***
Lãi dự thu margin	3.654.465.336	4.178.268.731
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	13.354.991.783	8.678.136.987
Các khoản phải thu khác	***40.429.755.369***	***38.823.351.335***
Nợ gốc phải thu Công ty Cổ phần Trường Thi Thanh Hóa (1)	19.000.000.000	19.000.000.000
Lãi dự thu Công ty Cổ phần Trường Thi Thanh Hóa (2)	12.218.208.333	12.218.208.333
Lãi dự thu margin	2.426.339.484	2.426.339.484
Phải thu các cá nhân	3.381.843.142	3.385.869.142
Phải trả tiền chuyển lương cho TMF	1.653.569.007	-
Các khoản phải thu khác	1.749.795.403	1.792.934.374
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	***128.512.142***	***96.596.852***
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	96.735.372	62.731.965
Phải thu hoạt động tư vấn	30.000.000	30.364.000
Phải thu dịch vụ khác	1.776.770	3.500.887
Cộng	**57.567.724.630**	**51.776.353.903**

(1): Khoản đầu tư vào Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa được phân loại sang khoản phải thu khác dựa trên Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 103/QĐ-CCTHADS ngày 17/06/2020 và Quyết định số 63/QĐ-CCTHADS ngày 21/08/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa.

(2) Khoản lợi nhuận cố định của hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án "Chung cư Ami Tower" số 01-02/2012/HĐ-HTKD ngày 15/02/2012, phụ lục 01 ngày 15/07/2013, phụ lục 02 ngày 16/12/2013 với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa, đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Đơn vị tính: VND

STT	Loại phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Số dư dự phòng phải thu đầu kỳ (01/01/2023)	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số dư dự phòng phải thu cuối kỳ (31/12/2023)
1	**TK 1352**	**92.710.405**	**62.710.405**	**30.000.000**	**-**	**92.710.405**
	Phải thu khác của nhà đầu tư	62.710.405	62.710.405	-	-	62.710.405
	Tổng Công ty Đầu tư & KD Vốn Nhà Nước (SCIC)	30.000.000	-	30.000.000	-	30.000.000
2	**TK 1314**	**118.482.840**	**66.532.700**	**51.950.140**	**-**	**118.482.840**
	Công ty TNHH Bảo Bình	16.311.700	16.311.700	-	-	16.311.700
	Công ty Thương mại Lạc Hồng	12.420.000	12.420.000	-	-	12.420.000
	Công ty CP SIC	2.970.000	2.970.000	-	-	2.970.000
	Công ty CP Kiến trúc và Sự kiện	16.436.800	16.436.800	-	-	16.436.800
	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Phát	18.394.200	18.394.200	-	-	18.394.200
	Công ty TNHH Bluesky Global Hà Nội	51.950.140	-	51.950.140	-	51.950.140
3	**TK 1311**	**729.676.000**	**729.676.000**	**-**	**-**	**729.676.000**
	Công ty CP Vàng Toàn Cầu	167.676.000	167.676.000	-	-	167.676.000
	Công ty CP Tư vấn và Đầu tư thế giới vàng	462.000.000	462.000.000	-	-	462.000.000
	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phương Bắc	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000
4	**TK 1388 (*)**	**38.776.186.362**	**38.776.186.362**	**-**	**-**	**38.776.186.362**
	Cộng	**39.717.055.607**	**39.635.105.467**	**81.950.140**	**-**	**39.717.055.607**

(*) Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu đối với khoản lãi dự thu Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa (khoản này Công ty ghi nhận là doanh thu tài chính và xác định kết quả hoạt động từ những năm tài chính trước dựa trên các điều khoản về lợi nhuận cố định sẽ nhận được từ Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty này) với số tiền là 12.218.208.333 đồng từ ngày 31/12/2019. Việc trích lập dự phòng được thực hiện dựa trên Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

- Công ty tiến hành phân loại lại khoản dự phòng đã trích lập đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa từ khoản mục "Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn" sang thành "Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu" dựa trên Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 103/QĐ-CCTHADS ngày 17/06/2020 và Quyết định số 63/QĐ-CCTHADS ngày 21/08/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân dự TP. Thanh Hóa về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	***1.572.047.339***	***1.621.971.170***
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	70.527.724
Bảo trì phần mềm giao dịch chứng khoán	349.181.250	346.500.000
Chi phí thuê văn phòng	380.664.313	409.434.313
Chi phí khác	842.201.776	795.509.133
Dài hạn	***3.156.508.095***	***1.662.204.660***
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	331.052.241	475.594.965
Thanh toán tiền cước internet, thiết bị đầu cuối	2.010.935.003	18.065.433
Chi phí sửa chữa văn phòng	745.089.347	1.155.579.250
Chi phí khác	69.431.504	12.965.011
Cộng	**4.728.555.434**	**3.284.175.830**

8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	7.982.064.210	6.365.717.692
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.201.920.049	3.630.788.772
Cộng	**12.303.984.259**	**10.116.506.464**

9. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2023	**14.481.384.402**	**1.062.420.000**	**537.470.026**	**16.081.274.428**
Mua trong năm	1.152.754.800	-	-	**1.152.754.800**
Số dư ngày 31/12/2023	**15.634.139.202**	**1.062.420.000**	**537.470.026**	**17.234.029.228**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư ngày 01/01/2023	**10.016.157.133**	**1.062.420.000**	**111.685.876**	**11.190.263.009**
Khấu hao trong năm	1.105.142.649	-	101.352.492	**1.206.495.141**
Số dư ngày 31/12/2023	**11.121.299.782**	**1.062.420.000**	**213.038.368**	**12.396.758.150**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2023	**4.465.227.269**	-	**425.784.150**	**4.891.011.419**
Tại ngày 31/12/2023	**4.512.839.420**	-	**324.431.658**	**4.837.271.078**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.600.653.252 VND (Tại ngày 31/12/2022 là 8.600.653.252 VND).

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2023	**36.329.407.000**	**36.329.407.000**
Mua trong năm	390.000.000	**390.000.000**
Số dư ngày 31/12/2023	**36.719.407.000**	**36.719.407.000**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư ngày 01/01/2023	**30.874.695.348**	**30.874.695.348**
Khấu hao trong năm	1.129.716.392	**1.129.716.392**
Số dư ngày 31/12/2023	**32.004.411.740**	**32.004.411.740**
Giá trị còn lại		-
Tại ngày 01/01/2023	**5.454.711.652**	**5.454.711.652**
Tại ngày 31/12/2023	**4.714.995.260**	**4.714.995.260**

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.437.300.000 VND (Tại ngày 31/12/2022 là 28.437.300.000 VND).

11. Các tài sản đã cầm cố thế chấp

Tài sản	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	***2.000.000***	***1.750.000***
Đặt cọc thẻ xe	2.000.000	1.750.000
Dài hạn	***808.466.100***	***807.466.100***
Đặt cọc thuê văn phòng	751.666.100	750.666.100
Đặt cọc dài hạn khác	56.800.000	56.800.000
Cộng	**810.466.100**	**809.216.100**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Các khoản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 14 tháng tại BIDV - Chi nhánh Hai Bà Trưng	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Cộng	**30.000.000.000**	**30.000.000.000**	-	-

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Điện lực Miền Bắc (*)	17.000.000.000	(17.000.000.000)	-	17.000.000.000	(17.000.000.000)	-
Cộng	**17.000.000.000**	**(17.000.000.000)**	-	**17.000.000.000**	**(17.000.000.000)**	-

(*) Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Điện lực Miền Bắc đã được Công ty trích lập dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn với giá trị là 17 tỷ đồng theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 08/2020/BB-HĐQT.IVS ngày 28/12/2020 và Quyết định số 13/2020/QĐ-HĐQT-IVS ngày 28/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Bản thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán

Tài sản tài chính	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.570.000	3.660.000
Cộng	**1.570.000**	**3.660.000**

14. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty chứng khoán

Tài sản tài chính	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tài sản tài chính chưa niêm yết	33.825.400.000	33.825.400.000
Cộng	**33.825.400.000**	**33.825.400.000**

15. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.266.393.270.000	2.309.818.820.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	200.000.000	200.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	30.278.880.000	28.036.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.501.320.000	1.495.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	11.856.910.000	16.101.810.000
Cộng	**2.310.230.380.000**	**2.355.651.630.000**

16. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	4.924.150.000	57.383.450.000
Cộng	**4.924.150.000**	**57.383.450.000**

17. Tiền gửi của Nhà đầu tư

		31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	152.823.010.252	113.247.051.139
1.1	*Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý*	*139.407.578.902*	*108.804.199.102*
1.2.	*Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý*	*13.415.431.350*	*4.442.852.037*
	Cộng	**152.823.010.252**	**113.247.051.139**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

18. Vay

	31/12/2023 VND		Trong năm VND		01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (*)	-	-	863.600.000.000	936.500.000.000	72.900.000.000	72.900.000.000
Cộng	**-**	**-**	**863.600.000.000**	**936.500.000.000**	**72.900.000.000**	**72.900.000.000**

(*): Khoản vay ngắn hạn được thực hiện theo Hợp đồng thấu chi số 03/2023/1801158/HĐTC ngày 23/06/2023 với hạn mức thấu chi là 28 tỷ đồng và HĐTC số 04/2023/1801158/HĐTC ngày 30/06/2023 với hạn mức thấu chi là 38 tỷ đồng và HĐTC số 05/2023/1801158/HĐTC ngày 27/07/2023 với hạn mức thấu chi là 28 tỷ đồng và HĐTC số 06/2023/1801158/HĐTC ngày 10/11/2023 với hạn mức thấu chi là 65 tỷ đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi đến ngày 26/06/2024 và 30/06/2024 và 27/07/2024 và 10/11/2024. Mục đích thấu chi: bù đắp thiếu hụt thanh toán tạm thời do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh tính theo mùa vụ. Lãi suất thấu chi: 6.4%/năm và 5.5%/năm và 7.5%/năm và 5.2%/năm thả nổi trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi. Hình thức bảo đảm tiền vay: cầm cố các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 167 tỷ đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19. Phải trả người bán

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	-	65.909.589
Công ty TNHH TMF Việt Nam	67.835.152	63.930.525
Công ty TNHH TM KTXD Sài Gòn mới	-	58.402.885
Công ty Cổ phần Netnam	79.200.000	-
Công ty TNHH Truyền Thông Sáng Thế ký	73.386.000	-
Các đối tượng khác	486.355.345	381.464.313
Cộng	**706.776.497**	**569.707.312**

20. Người mua trả tiền trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á- Thái Bình Dương	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần LICOGI19.	33.500.000	33.500.000
Công ty Cổ Phần Vina Electric	-	100.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển và XNK Việt Nam	-	66.000.000
Công ty TNHH Công Nghệ Năng Lượng ET(Việt Nam)	100.000.000	100.000.000
Tổng Công ty cổ phần Sông Hồng	45.000.000	45.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Môi Trường Thiên Ý Hà Nội	1.100.000.000	-
Cộng	**1.328.500.000**	**394.500.000**

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	677.126.153	343.817.427
Thuế Thu nhập cá nhân	656.773.589	1.833.119.600
Cộng	**1.333.899.742**	**2.176.937.027**

22. Chi phí phải trả

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Chi phí thường xuyên	475.179.629	513.736.749
Chi phí viễn thông	30.483.384	60.397.019
Cộng	**505.663.013**	**574.133.768**

23. Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức	715.185.000	739.310.000
Phải trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	838.473.723	823.473.723
Phải trả khác	80.650.346	80.666.346
Cộng	**1.634.309.069**	**1.643.450.069**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

24. Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
1. Phải trả nhà đầu tư - tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	152.823.010.252	113.247.051.139
- Của nhà đầu tư trong nước	*139.407.578.902*	*108.804.199.102*
- Của nhà đầu tư nước ngoài	*13.415.431.350*	*4.442.852.037*
2. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	-
Cộng	**152.823.010.252**	**113.247.051.139**

25. Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	31.546.661.761	4.531.436.897
Lợi nhuận chưa thực hiện	(3.419.868)	(2.023.066)
Cộng	**31.543.241.893**	**4.529.413.831**

26. Cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng phổ thông lưu hành dưới 1 năm	69.350.000	69.350.000
Cộng	**69.350.000**	**69.350.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VII. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động

1. Thu nhập

1.1. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
I	**Tài sản tài chính FVTPL**	**4.249.698**	**829.830**	**(3.419.868)**	**(2.023.066)**	**(1.396.802)**
1	***Các tài sản tài chính niêm yết***	***4.249.698***	***829.830***	***(3.419.868)***	***(2.023.066)***	***(1.396.802)***
	BMC	236.192	44.400	(191.792)	(199.442)	7.650
	SBT	176.100	105.600	(70.500)	(60.100)	(10.400)
	CNG	144.800	137.000	(7.800)	(49.200)	41.400
	Các TSTC khác	3.692.606	542.830	(3.149.776)	(1.714.324)	(1.435.452)
	Cộng	**4.249.698**	**829.830**	**(3.419.868)**	**(2.023.066)**	**(1.396.802)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.2. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	122.800	279.850
Từ tài sản tài chính HTM	24.720.233.632	15.132.301.371
Từ các khoản cho vay	38.722.068.034	37.584.718.067
Cộng	**63.442.424.466**	**52.717.299.288**

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.939.723	45.753.713
Cộng	**10.939.723**	**45.753.713**

3. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	18.328.350.148	27.222.179.105
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	868.773.776	804.621.041
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	-	1.552.492.308
Chi phí dự phòng và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	-	3.037.341.789
Hoàn nhập dự phòng về xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	(3.037.341.789)	-
Cộng	**16.159.782.135**	**32.616.634.243**

4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	1.395.109.862	1.334.926.271
Cộng	**1.395.109.862**	**1.334.926.271**

5. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.174.911.541	13.687.520.675
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	66.181.420	71.613.670
Chi phí công cụ, dụng cụ	432.759.448	362.992.915
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.291.502.137	2.163.556.479
Chi phí thuế, phí, lệ phí	83.411.303	372.326.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.632.878.722	13.056.459.826
Chi phí bằng tiền khác	2.157.031.062	1.482.497.494
Cộng	**29.838.675.633**	**31.176.967.469**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản thu nhập khác	7.298.184	-
Cộng	**7.298.184**	**-**

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	33.144.865.979	22.455.678.471
Thu nhập miễn thuế TNDN	688.396	356.450
Cổ tức	*122.800*	*279.850*
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	*565.596*	*76.600*
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.488.987.998)	3.598.546.489
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	*440.000.004*	*423.782.261*
Chi phí loại trừ ko được tính	*(2.930.950.400)*	*3.172.072.756*
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	*1.962.398*	*1.691.460*
Lỗ được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	30.655.189.585	26.053.868.510
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.131.037.917	5.210.773.702
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	**6.131.037.917**	**5.210.773.702**

8. Lũy kế báo cáo kết quả hoạt động

Chỉ tiêu	01/01/2023	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	31/12/2023
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.529.413.831	27.013.828.062	-	31.543.241.893
Cộng	**4.529.413.831**	**27.013.828.062**	**-**	**31.543.241.893**

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm:

		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc		**2.365.860.512**	**2.448.439.105**
Ông Huang Bo	Tổng Giám đốc	177.583.702	
Ông Hoàng Anh	Giám đốc điều hành	1.176.480.000	1.355.170.000
Ông Bùi Quang Kỳ	Phó Tổng giám đốc	522.480.000	582.280.000
Bà Lê Thị Lan Hương	Giám đốc tài chính	489.316.810	510.989.105
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		**480.000.000**	**457.226.702**
Wei Xi	Thành viên HĐQT	225.000.000	212.943.548
Nguyễn Thanh Kỳ	Thành viên HĐQT	200.000.004	187.634.413
Nguyễn Thanh Tú	Thành viên BKS	-	1.648.745
Võ Thế Vinh	Trưởng ban Kiểm soát	13.259.258	26.666.664
Shen Jing	Thành viên BKS	15.000.000	15.000.000
Đào Thị Tường Vi	Thành viên BKS	-	6.555.555
Lê Tất Thành	Trưởng ban Kiểm soát	13.407.406	-
Hoàng Thị Thanh Hoa	Thành viên BKS	13.333.332	6.777.777
Cộng		**2.845.860.512**	**2.905.[illegible]**

3. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Ngoài ra, một số chỉ tiêu được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay cụ thể như sau:

	Số liệu đã báo cáo VND	Số liệu phân loại lại VND	Số liệu sau phân loại lại VND
Bảng cân đối kế toán			
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	12.856.405.718	12.856.405.718
Các khoản phải thu khác	51.679.757.051	(12.856.405.718)	38.823.351.333
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	15.132.301.371	15.132.301.371
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	15.178.055.084	(15.132.301.371)	45.753.713

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ			
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	(15.178.055.084)	15.132.301.371	(45.753.713)
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	(1.267.790.750)	(1.267.790.750)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	(1.145.890.214)	1.267.790.750	121.900.536
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15.178.055.084	(15.132.301.371)	45.753.713

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Ngọc Mai	Huang Bo

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 10-07-2024
Số: 4616 Quyển: 01 -SCT/BS

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Kim Xuyến

BẢN SAO

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	09 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Wang Jun Hong	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/06/2022)
Ông Li Guang Jie	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/06/2022)
Ông Yim Fung	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Kỳ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/06/2022)
Bà Nguyễn Thanh Tú	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/01/2022)
Ông Huang Bo	Thành viên
Ông Wie xi	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Kỳ	Phó Tổng giám đốc
Bà Lê Thị Lan Hương	Giám đốc tài chính

Ban Kiểm soát

Ông Võ Thế Vinh	Trưởng Ban
Bà Hoàng Thị Thanh Hoa	Thành viên
Bà Shen Jing	Thành viên

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

S.G.P: 69 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)
Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

Hoàng Anh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Số: 1403.07-23/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty"), *được lập ngày 15/03/2023, từ trang 06 đến trang 43*, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đó tại ngày 29 tháng 03 năm 2022.

Ngô Bá Duy
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Phạm Thị Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)	**100**		**788.237.105.624**	**737.412.658.203**
I. Tài sản tài chính	**110**		**785.883.337.094**	**735.172.571.565**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1.	68.910.467.724	152.797.450
1.1. Tiền	111.1		18.910.467.724	152.797.450
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		50.000.000.000	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	VI.3.1	33.831.459.340	33.833.074.200
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	VI.3.3	315.000.000.000	165.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	VI.3.4	372.030.903.789	537.699.734.420
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	VI.3.5	(17.781.443.151)	(14.744.101.362)
7. Trả trước cho người bán	118	VI.4.	1.750.700.956	2.193.320.273
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	VI.5.	96.596.852	138.985.214
9. Các khoản phải thu khác	122	VI.5.	51.679.757.051	50.533.866.837
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	VI.6.	(39.635.105.467)	(39.635.105.467)
II. Tài sản ngắn hạn khác	**130**		**2.353.768.530**	**2.240.086.638**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.7.	1.621.971.170	1.508.239.278
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	VI.11.	1.750.000	1.800.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	137		730.047.360	730.047.360
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	**200**		**22.931.900.295**	**104.828.270.860**
I. Tài sản tài chính dài hạn	**210**		-	**85.000.000.000**
1. Các khoản đầu tư	212	VI.12.	17.000.000.000	102.000.000.000
1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	85.000.000.000
1.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		17.000.000.000	17.000.000.000
2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		(17.000.000.000)	(17.000.000.000)
II. Tài sản cố định	**220**		**10.345.723.071**	**11.156.186.315**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9.	4.891.011.419	5.364.838.389
- Nguyên giá	*222*		*16.081.274.428*	*15.379.481.512*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223a*		*(11.190.263.009)*	*(10.014.643.123)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10.	5.454.711.652	5.791.347.926
- Nguyên giá	228		*36.329.407.000*	*35.585.357.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		*(30.874.695.348)*	*(29.794.009.074)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**240**		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**250**		**12.586.177.224**	**8.672.084.545**
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.11.	807.466.100	750.456.100
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.7.	1.662.204.660	294.816.242
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	VI.8.	10.116.506.464	7.626.812.203
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	**260**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**811.169.005.919**	**842.240.929.063**

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	**300**		**83.041.402.162**	**131.358.230.075**
I. Nợ phải trả ngắn hạn	**310**		**83.041.402.162**	**131.358.230.075**
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	VI.18.	72.900.000.000	115.010.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		72.900.000.000	115.010.000.000
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320	VI.19.	569.707.312	2.597.241.118
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	VI.20.	394.500.000	78.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.21.	2.176.937.027	5.109.208.224
5. Phải trả người lao động	323		4.207.175.317	1.222.355.160
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		479.910.446	405.738.808
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.22.	574.133.768	5.214.358.918
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	VI.23.	1.643.450.069	1.625.239.624
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		95.588.223	95.588.223
II. Nợ phải trả dài hạn	**340**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	**400**		**728.127.603.757**	**710.882.698.988**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**728.127.603.757**	**710.882.698.988**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		721.780.000.000	721.780.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		693.500.000.000	693.500.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		28.280.000.000	28.280.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		1.169.366.013	1.169.366.013
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		648.823.913	648.823.913
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.25.	4.529.413.831	(12.715.490.938)
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	*417.1*		*4.531.436.897*	*(12.715.082.732)*
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	*417.2*		*(2.023.066)*	*(408.206)*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**420**		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	**440**		**811.169.005.919**	**842.240.929.063**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Thị Hồng	Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A.TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006	VI.26.	69.350.000	69.350.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	VI.13.	3.660.000	3.620.000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty chứng khoán	012		33.825.400.000	33.825.400.000
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty chứng khoán	013		-	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VI.15.	2.355.651.630.000	2.243.516.320.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	*021.1*		*2.309.818.820.000*	*2.221.555.370.000*
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	*021.2*		*200.000.000*	*16.800.000*
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	*021.3*		*28.036.000.000*	-
c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	*021.4*		*1.495.000.000*	*5.451.150.000*
d. Tài sản tài chính chờ thanh toán	*021.5*		*16.101.810.000*	*16.493.000.000*
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		57.383.450.000	57.385.230.000
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	*022.4*		*57.383.450.000*	*57.385.230.000*
2. Tiền gửi của khách hàng	026		113.247.051.139	332.925.720.949
2.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	VI.17.	113.247.051.139	332.925.720.949
3. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	VI.24.	113.247.051.139	332.925.720.949
3.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		108.804.199.102	332.841.640.562
3.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		4.442.852.037	84.080.387

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Thị Hồng	Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		356.450	2.023.610
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	*01.1*		-	-
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	*01.2*	*VII.1.1.*	*76.600*	*1.800.660*
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính	*01.3*	*VII.1.2.*	*279.850*	*222.950*
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	*VII.1.2.*	37.584.718.067	41.840.871.023
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		30.565.852.204	41.485.224.611
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		667.802.472	786.379.142
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		3.589.113.637	40.909.091
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 →11)	**20**		**72.407.842.830**	**84.155.407.477**
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		1.691.460	122.400
a. Lỗ bán các tài sản tài chính	*21.1*		-	
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	*21.2*	*VII.1.1.*	*1.691.460*	*122.400*
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	VII.3.	3.037.341.789	-
2.2. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VII.3.	27.222.179.105	28.423.560.646
2.3. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VII.3.	804.621.041	796.865.917
2.6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VII.3.	1.552.492.308	-
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 →32)	**40**		**32.618.325.703**	**29.220.548.963**
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	VII.2.	15.178.055.084	12.004.290.486
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)	**50**		**15.178.055.084**	**12.004.290.486**
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	**51**			
4.1. Chi phí lãi vay	52	VII.4.	1.334.926.271	1.561.414.524
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 55)	**60**		**1.334.926.271**	**1.561.414.524**
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	**61**		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	**62**	**VII.5.**	**31.176.967.469**	**27.281.256.620**
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	**70**		**22.455.678.471**	**38.096.477.856**

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71	VII.6.	-	3.690.909
8.2 Chi phí khác	72		-	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	**80**		**-**	**3.690.909**
IX.TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	**90**		**22.455.678.471**	**38.100.168.765**
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		22.457.293.331	38.098.490.505
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(1.614.860)	1.678.260
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	**100**		**5.210.773.702**	**3.129.907.524**
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VII.7.	5.210.773.702	3.129.907.524
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	**200**		**17.244.904.769**	**34.970.261.241**
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	**300**		**-**	**-**
Tổng thu nhập toàn diện	**400**			
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	**500**		**248,66**	**504,26**
13.1.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		248,66	504,26
13.2.Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Thị Hồng	Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	***01***		***22.455.678.471***	***38.100.168.765***
2. Điều chỉnh cho các khoản	***02***		***(8.549.480.864)***	***(9.955.500.994)***
- Khấu hao TSCĐ	03		2.256.306.160	2.052.480.401
- Các khoản dự phòng	04		3.037.341.789	-
- Chi phí lãi vay	06		1.334.926.271	-
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(15.178.055.084)	(12.007.981.395)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	***10***		***3.889.027***	***3.554.299***
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/Lỗ FVTPL	11		3.889.027	3.554.299
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	***18***		***(1.865.961)***	***(3.146.093)***
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(1.865.961)	(3.146.093)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		***(1.772.762.567)***	***(166.665.901.857)***
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(408.206)	(2.086.466)
- Tăng (giảm) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(150.000.000.000)	80.000.000.000
- Tăng (giảm) Các khoản cho vay	33		165.668.830.631	(261.040.873.084)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		42.388.362	(41.253.147)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(1.145.890.214)	9.811.722.141
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(4.640.225.150)	4.686.905.068
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(1.481.120.310)	(521.669.719)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		(6.054.918.128)	(1.759.080.924)
(-) Lãi vay đã trả	44		(1.334.926.271)	-
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(1.584.914.489)	342.624.774
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		74.171.638	97.161.938
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(2.088.126.771)	3.220.769.906
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		2.984.820.157	(584.837.775)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		18.210.445	(195.173.656)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(2.230.654.261)	(680.110.913)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***60***		***12.135.458.106***	***(138.520.825.880)***
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(1.445.842.916)	(504.722.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	3.690.909
4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		85.000.000.000	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		15.178.055.084	12.004.290.486
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***70***		***98.732.212.168***	***11.503.258.995***

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

(tiếp theo)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay gốc	73		479.346.728.356	1.253.945.011.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(521.456.728.356)	(1.138.935.011.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***80***		***(42.110.000.000)***	***115.010.000.000***
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	**90**		**68.757.670.274**	**(12.007.566.885)**
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**101**	**VI.1.**	**152.797.450**	**12.160.364.335**
- Tiền	101.1		152.797.450	12.160.364.335
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	**103**	**VI.1.**	**68.910.467.724**	**152.797.450**
- Tiền	103.1		18.910.467.724	152.797.450
- Các khoản tương đương tiền	103.2		50.000.000.000	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I.	**Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng**				
1.	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		10.015.226.956.770	13.996.162.523.600
2.	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(10.255.764.407.270)	(13.825.710.538.600)
3.	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		11.463.550.462.419	10.625.079.466.964
4.	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(11.442.691.681.729)	(10.607.847.393.523)
	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	***20***		***(219.678.669.810)***	***187.684.058.441***
II.	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng**	**30**		**332.925.720.949**	**145.241.662.508**
	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		332.925.720.949	145.241.662.508
-	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		332.925.720.949	145.241.662.508
III.	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng**	**40**		**113.247.051.139**	**332.925.720.949**
	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		113.247.051.139	332.925.720.949
-	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	VI.17.	113.247.051.139	332.925.720.949

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Thị Hồng	Hoàng Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B04 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm 2021		Năm 2022			
		01/01/2021	01/01/2022	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2021	31/12/2022
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		721.780.000.000	721.780.000.000	-	-	-	-	721.780.000.000	721.780.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		693.500.000.000	693.500.000.000	-	-	-	-	693.500.000.000	693.500.000.000
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		28.280.000.000	28.280.000.000	-	-	-	-	28.280.000.000	28.280.000.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		1.169.366.013	1.169.366.013	-	-	-	-	1.169.366.013	1.169.366.013
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		648.823.913	648.823.913	-	-	-	-	648.823.913	648.823.913
5. Lợi nhuận chưa phân phối		(47.685.752.179)	(12.715.490.938)	34.970.261.241	-	17.246.519.629	1.614.860	(12.715.490.938)	4.529.413.831
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(47.683.665.713)	(12.715.082.732)	34.968.582.981	-	17.246.519.629	-	(12.715.082.732)	4.531.436.897
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(2.086.466)	(408.206)	1.678.260	-	-	1.614.860	(408.206)	(2.023.066)
Tổng cộng		**675.912.437.747**	**710.882.698.988**	**34.970.261.241**	-	**17.246.519.629**	**1.614.860**	**710.882.698.988**	**728.127.603.757**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Thị Hồng	Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của công ty chứng khoán

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam, (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty CP Chứng khoán VNS được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007; Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2021 về việc đổi tên Công ty thành Công ty CP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam; Theo Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 16/07/2011 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam), tên tiếng Anh là Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp. và tên viết tắt là GTJA (Vietnam).

Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 45/GPĐC-UBCK ngày 20/12/2016, số 06/GPĐC-UBCK ngày 17/01/2008, số 30/GPĐC-UBCK ngày 17/05/2019, số 64/GPĐC-UBCK ngày 22/10/2019 và số 104/GPĐC-UBCK ngày 22/11/2021 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ngày 22/11/2021, Công ty được Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 104/GPĐC-UBCK điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 về bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK ngày 22/10/2019 thì:

- Vốn điều lệ theo đăng ký: **693.500.000.000 VND** *(Sáu trăm chín mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).*
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là IVS.

Điều lệ Công ty chứng khoán đã được ban hành ngày 28/08/2007 và sửa đổi, bổ sung vào các ngày 27/09/2011, ngày 20/12/2016, ngày 06/12/2019 và ngày 29/06/2021.

Trụ sở Công ty tại: P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:
- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán./.

3. Hạn chế vay nợ, cho vay và hạn chế đầu tư

Hạn chế vay nợ

Thực hiện theo điều 26 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020;

- Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không được vượt quá 05 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm các khoản sau đây:

a) Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng;
b) Quỹ khen thưởng phúc lợi;
c) Dự phòng trợ cấp mất việc làm;
d) Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.

- Nợ ngắn hạn của công ty chứng khoán tối đa bằng tài sản ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty chứng khoán chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.

Hạn chế cho vay

Thực hiện theo Điều 27 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020.

- Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán, công ty chứng khoán không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức.
- Công ty chứng khoán không được dùng tiền, tài sản của công ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba.
- Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với Chủ sở hữu, cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị công ty chứng khoán bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.

- Công ty chứng khoán đã được thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định pháp luật được cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán dưới hình thức giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Công ty chứng khoán được cho vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch, hoặc cho vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020.

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán.

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

+ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

+ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

+ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

+ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

+ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

+ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh và;

+ Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp vào dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp vào dự án kinh doanh.

- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện; và

+ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%).

+ Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.

- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2,3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

4. Cấu trúc Công ty

Công ty có một đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo sổ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh. Địa chỉ tại: Tầng 4, số 2 BIS, Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 23/2018/TT-BTC Bổ sung một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Ghi nhận vốn bằng tiền

Tiền gửi hoạt động của Công ty chứng khoán

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi của tổ chức phát hành (khi Công ty đồng thời là tổ chức phát hành) và tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (của Công ty) được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư, tiền gửi của tổ chức phát hành khác được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

Tiền gửi của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư là tiền gửi của khách hàng để giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.

Tiền gửi của tổ chức phát hành

Tiền gửi của tổ chức phát hành là tiền gửi thu được về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán là tiền gửi để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giữa Công ty và khách hàng theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán để thanh toán mua, bán chứng khoán.

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản cho vay và phải thu.

2.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (FVTPL) là các tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.

- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của công ty. Các tài sản tài chính này thường gồm: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh (với mục đích phòng ngừa rủi ro).

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính khi bán.

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Tài sản chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động, "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý"

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán hoàn hảo, ngoại trừ:

Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;

Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

Các khoản mà người nắm giữ có thể thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý hoặc giá gốc

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):

Giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi hoặc lỗ và được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Khi trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính, Chỉ tiêu "Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL được phản ánh trên cơ sở số thuần (Chỉ tiêu này được tính như sau: Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ = Số dư Nợ Tài khoản 1211 "Giá mua" cộng (+) Số dư Nợ Tài khoản 1212 "Chênh lệch tăng do đánh giá lại" hoặc trừ (-) Số dư Có Tài khoản 1212 "Chênh lệch giảm do đánh giá lại" của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán).

Khi trình bày các tài sản tài chính FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán trong Thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày theo 3 chỉ tiêu: Giá trị mua, giá trị đánh giá lại và giá trị thuần (Giá trị mua +/- Giá trị đánh giá lại) theo các loại tài sản tài chính FVTPL.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL.

Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Thu nhập", chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại - các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán xác định lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ kế toán.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán không có giá thị trường, kế toán thực hiện xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị được Công ty xem xét và đánh giá lại. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo thu thập toàn diện trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp đối với khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Khởi nghiệp và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Việt với các giá trị lần lượt là 6,5 tỷ đồng và 6 tỷ đồng. Việc trích lập dự phòng được thực hiện dựa trên Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được ghi nhận từ thời điểm bắt đầu phát sinh hoạt động gửi tiền.

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 12 tháng và lớn hơn 3 tháng được Công ty trình bày trong danh mục các tài sản tài chính ngắn hạn. Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên được Công ty trình bày trong danh mục các tài sản tài chính dài hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng (trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.3 *Giá trị hợp lý của tài sản tài chính*

Giá trị thị trường/hợp lý của tài sản tài chính được xác định theo các cơ sở sau:

+ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có Giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với các chứng khoán của công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày giao dịch thứ sáu trở đi giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

+ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo cáo của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày gần ngày đánh giá giá trị chứng khoán nhất.

+ Các chứng khoán không có giá trị thị trường được xác định theo các phương pháp nêu trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

3. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản	*Thời gian khấu hao (năm)*
- Máy móc thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải	07
- Tài sản cố định khác	03

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 08 năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty liên kết. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính. Mức trích lập dự phòng của từng khoản đầu tư tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Điện lực Miền Bắc đã được Công ty trích lập dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn với giá trị là 17 tỷ đồng theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 08/2020/BB-HĐQT.IVS ngày 28/12/2020 và Quyết định số 13/2020/QĐ-HĐQT-IVS ngày 28/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty.

5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch bán các tài sản tài chính, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu nội bộ và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán các tài sản tài chính.

- Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng giám đốc cũng đánh giá về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng cần thiết phải trích lập.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được đánh giá bởi Ban Tổng giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Công ty trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với khoản lãi dự thu Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa *(khoản này Công ty ghi nhận là doanh thu tài chính và xác định kết quả hoạt động từ những năm tài chính trước dựa trên các điều khoản về lợi nhuận cố định sẽ nhận được từ Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty này)* với số tiền là 12.218.208.333 đồng. Việc trích lập dự phòng được thực hiện dựa trên Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

Trong năm tài chính trước, Công ty tiến hành phân loại lại khoản dự phòng đã trích lập đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa từ khoản mục "Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn" sang thành "Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu" dựa trên Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 103/QĐ-CCTHADS ngày 17/06/2020 và Quyết định số 63/QĐ-CCTHANDS ngày 21/08/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh hóa về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa.

7. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược tại Công ty là các khoản đặt cọc về thuê văn phòng và các khoản đặt cọc khác,... được ghi nhận nhận theo giá gốc và trình bày theo kỳ hạn thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ; chi phí trả trước về thuê văn phòng và các chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 3 năm.

Chi phí trả trước về thuê văn phòng được phân bổ theo kỳ hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê. Các chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 3 năm.

Chi phí bảo trì phần mềm giao dịch chứng khoán: được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng theo quy định của Hợp đồng bảo trì đã ký kết.

Chi phí trả trước khác: được phân bổ vào chi phí theo phương thức đường thẳng trong thời gian 12 tháng đối với chi phí trả trước ngắn hạn và trong thời gian 36 tháng đối với chi phí trả trước dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

9.1 Nguyên tắc phân loại nợ tài chính và phương pháp kế toán các khoản vay

Nguyên tắc và phương pháp kế toán khoản vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

9.2 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

9.3 Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán, phải trả tổ chức phát hành chứng khoán và phải trả khác

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là các khoản phải thanh toán cho các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua, bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng Công ty qua Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên hoặc các khoản phải thanh toán cho các Đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành của Công ty. Nợ phải trả người bán về mua vật tư, dịch vụ, lao vụ không bao gồm trong khoản mục phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán.

- Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán là khoản phải trả tiền gửi của các nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý cho khách hàng thông qua tài khoản chuyên dụng mở tại Ngân hàng thương mại. Các giao dịch này bao gồm cả nghiệp vụ margin, repo, ứng trước tiền bán các tài sản tài chính. Các khoản phải trả nhà đầu tư về tiền gửi cho giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là phí phải trả các tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán được xác định phù hợp với các khối lượng giao dịch thực hiện và giá phí thỏa thuận giữa tổ chức cung cấp dịch vụ và Công ty. Khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán được ghi nhận trên nguyên tắc có cam kết cung cấp dịch vụ cho khách hàng phù hợp với doanh thu thực hiện đối với nghiệp vụ kinh doanh trên giấy phép của Công ty.

9.5 Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với dịch vụ tư vấn tài chính; không chịu thuế GTGT đối với hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế, phí phải nộp khác:

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

9.6 Kế toán chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí hai sàn, phí kiểm toán, phí dịch vụ lưu ký và các chi phí thường xuyên khác của Hội sở và Chi nhánh Hồ Chí Minh thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

9.7 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận từ quỹ Hỗ trợ thanh toán.

10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu

10.1 Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích 5% lợi nhuận sau thuế, được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích 5% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10.2 Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm:

- Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo các kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Giá trị của tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được Công ty ghi nhận theo giá trị thị trường. Theo đó, Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo thu nhập toàn diện thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ.

10.3 Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của Công ty, sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp, chia cổ tức cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại cuộc họp thường niên Ban Quản trị toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng bắt buộc theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến Công ty.

Lãi đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm (N-1) là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm (N-1) không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

11.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính:

Doanh thu của Công ty bao gồm thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, doanh thu cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, ...

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, ủy thác đấu giá)

Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận lỗ và chi phí giao dịch các tài sản tài chính

Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính: là các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL của Công ty và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư TSTC của Công ty là FVTPL.

12. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, …

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí quản lý của Công ty được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động là các chi phí quản lý chung của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,…); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

V. Quản trị về rủi ro tài chính đối với Công ty

1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với Công ty:

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro thanh toán:

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh toán bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro như: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa được lợi nhuận thu được.

VI. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính

1. Tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty chứng khoán	18.910.467.724	152.797.450
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	-
Cộng	**68.910.467.724**	**152.797.450**

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VND
a) Của Công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	-	-
b) Của Nhà Đầu tư	**736.573.688**	**20.369.868.445.440**
- Cổ phiếu	733.617.288	20.334.660.254.440
- Chứng khoán khác	2.956.400	35.208.191.000

3. Các loại tài sản tài chính

3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)

Đơn vị tính: VND

Tài sản FVTPL	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết (*)	***8.082.406***	***6.059.340***	***8.082.406***	***7.674.200***
Tài sản tài chính khác	8.082.406	6.059.340	8.082.406	7.674.200
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	***33.825.400.000***	***33.825.400.000***	***33.825.400.000***	***33.825.400.000***
KN	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
TAV	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
YTAD	21.325.400.000	21.325.400.000	21.325.400.000	21.325.400.000
Cộng	**33.833.482.406**	**33.831.459.340**	**33.833.482.406**	**33.833.074.200**

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của sàn giao dịch chứng khoán HNX, HOSE và giá bình quân của sàn giao dịch UPCOM tại ngày 31/12/2022 của các Sở giao dịch chứng khoán.

(**) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính chưa niêm yết được xác định theo giá gốc do không có giao dịch trên thị trường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán theo phương pháp giá thị trường

Đơn vị tính: VND

STT	Các loại tài sản tài chính	31/12/2022					01/01/2022				
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước	Chênh lệch đánh giá kỳ trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I.	**Tài sản tài chính FVTPL**										
	Các loại tài sản tài chính niêm yết (*)	***8.082.406***	***6.059.340***	***1.865.961***	***3.889.027***	***6.059.340***	***8.082.406***	***7.674.200***	***3.146.093***	***3.554.299***	***7.674.200***
1	Các tài sản tài chính khác	8.082.406	6.059.340	1.865.961	3.889.027	6.059.340	8.082.406	7.674.200	3.146.093	3.554.299	7.674.200
	Các tài sản tài chính chưa niêm yết (**)	***33.825.400.000***	***33.825.400.000***	-	-	***33.825.400.000***	***33.825.400.000***	***33.825.400.000***	-	-	***33.825.400.000***
1	KN	6.500.000.000	6.500.000.000	-	-	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	-	-	6.500.000.000
2	TAV	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
3	YTAD	21.325.400.000	21.325.400.000	-	-	21.325.400.000	21.325.400.000	21.325.400.000	-	-	21.325.400.000
	Cộng	**33.833.482.406**	**33.831.459.340**	**1.865.961**	**3.889.027**	**33.831.459.340**	**33.833.482.406**	**33.833.074.200**	**3.146.093**	**3.554.299**	**33.833.074.200**

(*): Giá trị của Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ trong năm 2022 được ghi nhận theo giá trị thị trường. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi hoặc lỗ và được ghi nhận trên Báo cáo thu nhập toàn diện.

(**): Các tài sản tài chính này hiện được xác định theo giá trị ghi sổ của Công ty do không có giao dịch trên thị trường. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp đối với khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty CP Đầu tư Khởi nghiệp và Công ty CP Đầu tư Tài Việt với các giá trị lần lượt là 6,5 tỷ đồng và 6 tỷ đồng. Việc trích lập dự phòng được thực hiện dựa trên Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3.3 Các khoản phải thu nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

Tài sản HTM	31/12/2022	01/01/2022
Tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 1 năm	315.000.000.000	165.000.000.000
Cộng	**315.000.000.000**	**165.000.000.000**

3.4 Các khoản cho vay và phải thu

Đơn vị tính: VND

Các khoản cho vay và phải thu	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	358.298.655.642	353.037.162.491	488.614.449.399	486.390.298.037
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	13.732.248.147	13.712.298.147	49.085.285.021	49.065.335.021
Cộng	**372.030.903.789**	**366.749.460.638**	**537.699.734.420**	**535.455.633.058**

3.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự phòng các khoản cho vay margin	5.281.443.151	2.244.101.362
Dự phòng đối với khoản đầu tư Công ty CP Đầu tư Khởi nghiệp	6.500.000.000	6.500.000.000
Dự phòng đối với khoản đầu tư Công ty CP Đầu tư Tài Việt	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	**17.781.443.151**	**14.744.101.362**

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH TMF Việt Nam	1.629.218.116	1.598.128.933
Các đối tượng khác	121.482.840	595.191.340
Cộng	**1.750.700.956**	**2.193.320.273**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Các khoản phải thu

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	***51.679.757.051***	***50.533.866.837***
Nợ gốc phải thu Công ty Cổ phần Trường Thi Thanh Hóa (1)	19.000.000.000	19.000.000.000
Lãi dự thu Công ty Cổ phần Trường Thi Thanh Hóa (2)	12.218.208.333	12.218.208.333
Lãi dự thu margin	6.604.608.215	6.463.475.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.678.136.987	7.551.479.452
Phải thu các cá nhân	3.385.869.142	3.385.869.142
Các khoản phải thu khác	1.792.934.374	1.914.834.910
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	***96.596.852***	***138.985.214***
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	96.596.852	138.985.214
Cộng	**51.776.353.903**	**50.672.852.051**

(1): Khoản đầu tư vào Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa được phân loại sang khoản phải thu khác dựa trên Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 103/QĐ-CCTHADS ngày 17/06/2020 và Quyết định số 63/QĐ-CCTHADS ngày 21/08/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa.

(2) Khoản lợi nhuận cố định của hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án "Chung cư Ami Tower" số 01-02/2012/HĐ-HTKD ngày 15/02/2012, phụ lục 01 ngày 15/07/2013, phụ lục 02 ngày 16/12/2013 với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa, đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Đơn vị tính: VND

STT	Loại phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Số dư dự phòng phải thu đầu kỳ (01/01/2022)	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số dư dự phòng phải thu cuối kỳ (31/12/2022)
1	**TK 1352**	**62.710.405**	**62.710.405**	-	-	**62.710.405**
	Phải thu khác của nhà đầu tư	62.710.405	62.710.405	-	-	62.710.405
2	**TK 1314**	**66.532.700**	**66.532.700**	-	-	**66.532.700**
	Công ty TNHH Bảo Bình	16.311.700	16.311.700	-	-	16.311.700
	Công ty Thương mại Lạc Hồng	12.420.000	12.420.000	-	-	12.420.000
	Công ty CP SIC	2.970.000	2.970.000	-	-	2.970.000
	Công ty CP Kiến trúc và Sự kiện	16.436.800	16.436.800	-	-	16.436.800
	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Phát	18.394.200	18.394.200	-	-	18.394.200
3	**TK 1311**	**729.676.000**	**729.676.000**	-	-	**729.676.000**
	Công ty CP Vàng Toàn Cầu	167.676.000	167.676.000	-	-	167.676.000
	Công ty CP Tư vấn và Đầu tư thế giới vàng	462.000.000	462.000.000	-	-	462.000.000
	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phương Bắc	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000
4	**TK 1388 (*)**	**38.776.186.362**	**38.776.186.362**	-	-	**38.776.186.362**
	Cộng	**39.635.105.467**	**39.635.105.467**	-	-	**39.635.105.467**

(*) Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu đối với khoản lãi dự thu Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa (khoản này Công ty ghi nhận là doanh thu tài chính và xác định kết quả hoạt động từ những năm tài chính trước dựa trên các điều khoản về lợi nhuận cố định sẽ nhận được từ Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty này) với số tiền là 12.218.208.333 đồng từ ngày 31/12/2019. Việc trích lập dự phòng được thực hiện dựa trên Biên bản họp Hội đồng đánh giá các khoản đầu tư ngày 17/12/2019 và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT-IVS ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

- Công ty tiến hành phân loại lại khoản dự phòng đã trích lập đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa từ khoản mục "Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn" sang thành "Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu" dựa trên Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 103/QĐ-CCTHADS ngày 17/06/2020 và Quyết định số 63/QĐ-CCTHADS ngày 21/08/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân dự TP. Thanh Hóa về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty CP Trường Thi Thanh Hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	***1.621.971.170***	***1.508.239.278***
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	70.527.724	80.787.064
Bảo trì phần mềm giao dịch chứng khoán	346.500.000	349.416.666
Chi phí thuê văn phòng	409.434.313	360.664.313
Chi phí khác	795.509.133	717.371.235
Dài hạn	***1.662.204.660***	***294.816.242***
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	475.594.965	225.709.462
Thanh toán tiền cước internet, thiết bị đầu cuối	18.065.433	9.899.998
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.155.579.250	-
Chi phí khác	12.965.011	59.206.782
Cộng	**3.284.175.830**	**1.803.055.520**

8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	6.365.717.692	4.286.775.209
Tiền lãi phân bổ hàng năm	3.630.788.772	3.220.036.994
Cộng	**10.116.506.464**	**7.626.812.203**

9. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2022	**14.180.753.912**	**1.062.420.000**	**136.307.600**	**15.379.481.512**
Mua trong năm	300.630.490	-	401.162.426	**701.792.916**
Số dư ngày 31/12/2022	**14.481.384.402**	**1.062.420.000**	**537.470.026**	**16.081.274.428**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư ngày 01/01/2022	**8.913.317.562**	**1.062.420.000**	**38.905.561**	**10.014.643.123**
Khấu hao trong năm	1.102.839.571	-	72.780.315	**1.175.619.886**
Số dư ngày 31/12/2022	**10.016.157.133**	**1.062.420.000**	**111.685.876**	**11.190.263.009**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	**5.267.436.350**	**-**	**97.402.039**	**5.364.838.389**
Tại ngày 31/12/2022	**4.465.227.269**	**-**	**425.784.150**	**4.891.011.419**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.600.653.252 VND (Tại 31/12/2021 là 8.350.623.252 VND).

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2022	**35.585.357.000**	**35.585.357.000**
Mua trong năm	744.050.000	**744.050.000**
Số dư ngày 31/12/2022	**36.329.407.000**	**36.329.407.000**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư ngày 01/01/2022	**29.794.009.074**	**29.794.009.074**
Khấu hao trong năm	1.080.686.274	**1.080.686.274**
Số dư ngày 31/12/2022	**30.874.695.348**	**30.874.695.348**
Giá trị còn lại		-
Tại ngày 01/01/2022	**5.791.347.926**	**5.791.347.926**
Tại ngày 31/12/2022	**5.454.711.652**	**5.454.711.652**

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.437.300.000 VND (Tại 31/12/2021 là 28.437.300.000 VND).

11. Các tài sản đã cầm cố thế chấp

Tài sản	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	*1.750.000*	*1.800.000*
Đặt cọc thẻ xe	1.750.000	1.800.000
Dài hạn	*807.466.100*	*750.456.100*
Đặt cọc thuê văn phòng	750.666.100	693.656.100
Đặt cọc dài hạn khác	56.800.000	56.800.000
Cộng	**809.216.100**	**752.256.100**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Các khoản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại BIDV - Chi nhánh Hà Thành	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
Cộng	**-**	**-**	**85.000.000.000**	**85.000.000.000**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Điện lực Miền Bắc (*)	17.000.000.000	(17.000.000.000)	-	17.000.000.000	(17.000.000.000)	-
Cộng	**17.000.000.000**	**(17.000.000.000)**	**-**	**17.000.000.000**	**(17.000.000.000)**	**-**

(*) Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Điện lực Miền Bắc đã được Công ty trích lập dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn với giá trị là 17 tỷ đồng theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 08/2020/BB-HĐQT.IVS ngày 28/12/2020 và Quyết định số 13/2020/QĐ-HĐQT-IVS ngày 28/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty.

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán

Tài sản tài chính	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.660.000	3.620.000
Cộng	**3.660.000**	**3.620.000**

14. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty chứng khoán

Tài sản tài chính	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính chưa niêm yết	33.825.400.000	33.825.400.000
Cộng	**33.825.400.000**	**33.825.400.000**

15. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.309.818.820.000	2.221.555.370.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	200.000.000	16.800.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	28.036.000.000	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.495.000.000	5.451.150.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	16.101.810.000	16.493.000.000
Cộng	**2.355.651.630.000**	**2.243.516.320.000**

16. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	57.383.450.000	57.385.230.000
Cộng	**57.383.450.000**	**57.385.230.000**

17. Tiền gửi của Nhà đầu tư

		31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	113.247.051.139	332.925.720.949
1.1	*Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý*	*108.804.199.102*	*332.841.640.562*
1.2.	*Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý*	*4.442.852.037*	*84.080.387*
	Cộng	**113.247.051.139**	**332.925.720.949**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

18. Vay

	31/12/2022 VND		Trong năm VND		01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (*)	72.900.000.000	72.900.000.000	479.346.728.356	521.456.728.356	115.010.000.000	115.010.000.000
Cộng	**72.900.000.000**	**72.900.000.000**	**479.346.728.356**	**521.456.728.356**	**115.010.000.000**	**115.010.000.000**

(*): Khoản vay ngắn hạn được thực hiện theo Hợp đồng thấu chi số 2022/1801158/HĐTC ngày 30/03/2022 với hạn mức thấu chi là 258 tỷ đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi đến ngày 30/03/2023. Mục đích thấu chi: bù đắp thiếu hụt thanh toán tạm thời do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh tính theo mùa vụ. Lãi suất thấu chi: 5%/năm thả nổi trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi. Hình thức bảo đảm tiền vay: cầm cố các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 260 tỷ đồng.

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19. Phải trả người bán

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	65.909.589	136.633.890
Công ty TNHH TMF Việt Nam	63.930.525	60.027.924
Công ty TNHH TM KTXD Sài Gòn mới	58.402.885	-
Nguyễn Thị Lan Hải	-	1.303.041.668
Các đối tượng khác	381.464.313	1.097.537.636
Cộng	**569.707.312**	**2.597.241.118**

20. Người mua trả tiền trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á- Thái Bình Dương	50.000.000	-
Công ty Cổ phần LICOGI19.	33.500.000	33.500.000
Công ty Cổ Phần Vina Electric	100.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển và XNK Việt Nam	66.000.000	-
Công ty TNHH Công Nghệ Năng Lượng ET(Việt Nam)	100.000.000	-
Tổng Công ty cổ phần Sông Hồng	45.000.000	45.000.000
Cộng	**394.500.000**	**78.500.000**

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Thuế GTGT đầu ra	-	4.090.909
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	343.817.427	1.187.961.853
Thuế Thu nhập cá nhân	1.833.119.600	3.763.612.450
Thuế nhà thầu	-	153.543.012
Cộng	**2.176.937.027**	**5.109.208.224**

22. Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Chi phí thường xuyên	513.736.749	1.150.913.692
Chi phí tiền thưởng	-	4.000.000.000
Chi phí viễn thông	60.397.019	63.445.226
Cộng	**574.133.768**	**5.214.358.918**

23. Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức	739.310.000	764.310.000
Phải trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	823.473.723	780.279.278
Phải trả khác	80.666.346	80.650.346
Cộng	**1.643.450.069**	**1.625.239.624**

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

24. Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
1. Phải trả nhà đầu tư - tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	113.247.051.139	332.925.720.949
- Của nhà đầu tư trong nước	*108.804.199.102*	*332.841.640.562*
- Của nhà đầu tư nước ngoài	*4.442.852.037*	*84.080.387*
2. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	-
Cộng	**113.247.051.139**	**332.925.720.949**

25. Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	4.531.436.897	(12.715.082.732)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(2.023.066)	(408.206)
Cộng	**4.529.413.831**	**(12.715.490.938)**

26. Cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng phổ thông lưu hành dưới 1 năm	69.350.000	69.350.000
Cộng	**69.350.000**	**69.350.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VII. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động

1. Thu nhập

1.1. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
I	**Tài sản tài chính FVTPL**	**8.082.406**	**6.059.340**	**(2.023.066)**	**(408.206)**	**(1.614.860)**
1	***Các tài sản tài chính niêm yết***	***8.082.406***	***6.059.340***	***(2.023.066)***	***(408.206)***	***(1.614.860)***
	TPB	127.580	189.450	61.870	118.720	(56.850)
	TMP	164.500	396.000	231.500	247.500	(16.000)
	SVC	97.200	228.800	131.600	219.600	(88.000)
	Các TSTC khác	7.693.126	5.245.090	(2.448.036)	(994.026)	(1.454.010)
	Cộng	**8.082.406**	**6.059.340**	**(2.023.066)**	**(408.206)**	**(1.614.860)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo các tài chính kèm theo)

1.2. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	279.850	222.950
Từ các khoản cho vay	37.584.718.067	41.840.871.023
Cộng	**37.584.997.917**	**41.841.093.973**

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.178.055.084	12.004.290.486
Cộng	**15.178.055.084**	**12.004.290.486**

3. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27.222.179.105	28.423.560.646
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	804.621.041	796.865.917
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.552.492.308	-
Chi phí dự phòng và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	3.037.341.789	-
Cộng	**32.616.634.243**	**29.220.426.563**

4. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	1.334.926.271	1.561.414.524
Cộng	**1.334.926.271**	**1.561.414.524**

5. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.687.520.675	11.425.630.965
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	71.613.670	56.188.412
Chi phí công cụ, dụng cụ	362.992.915	343.705.220
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.163.556.479	2.002.474.397
Chi phí thuế, phí, lệ phí	372.326.350	422.610.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.036.459.886	12.465.960.019
Chi phí bằng tiền khác	1.482.497.494	564.687.071
Cộng	**31.176.967.469**	**27.281.256.620**

6. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản thu nhập khác	-	3.690.909
Cộng	**-**	**3.690.909**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	22.455.678.471	38.100.168.765
Thu nhập miễn thuế TNDN	356.450	2.023.610
Cổ tức	*279.850*	*222.950*
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	*76.600*	*1.800.660*
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	3.598.546.489	1.089.614.444
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	*423.782.261*	*66.252.537*
Chi phí loại trừ ko được tính	*3.173.072.768*	*1.023.361.907*
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	*1.691.460*	-
Lỗ được chuyển	-	(23.538.221.979)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	26.053.868.510	15.649.537.620
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.210.773.702	3.129.907.524
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	**5.210.773.702**	**3.129.907.524**

8. Lũy kế báo cáo kết quả hoạt động

Chỉ tiêu	01/01/2022	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	31/12/2022
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(12.715.490.938)	17.244.904.769	-	4.529.413.831
Cộng	**(12.715.490.938)**	**17.244.904.769**	**-**	**4.529.413.831**

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	**2.448.439.105**	**1.889.008.416**
Ông Hoàng Anh	1.355.170.000	1.026.510.000
Ông Bùi Quang Kỳ	582.280.000	480.180.000
Bà Lê Thị Lan Hương	510.989.105	382.318.416

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	**457.226.702**	**96.916.660**
Wei Xi	212.943.548	15.250.000
Nguyễn Thanh Tú	1.648.745	26.666.664
Võ Thế Vinh	26.666.664	26.666.664
Shen Jing	15.000.000	15.000.000
Đào Thị Tường Vi	6.555.555	13.333.332
Hoàng Thị Thanh Hoa	6.777.777	-
Nguyễn Thanh Kỳ	187.634.413	-
Cộng	**2.905.665.807**	**1.985.925.076**

3. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Thị Hồng	Hoàng Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 10 -07- 2024
Số: 4615 .01 Quyển: ..... -SCT/BS

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HÀ NỘI
CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Kim Xuyến

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

HÀ NỘI, THÁNG 6 NĂM 2022

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ **4**

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ **4**

Điều 1. Giải thích thuật ngữ: 4

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY **5**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty và người đại diện theo pháp luật của Công ty 5

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY **6**

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty 6

Điều 4. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán 6

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 7

Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty 7

Điều 7. Các quy định hạn chế đối với Công ty 8

Điều 8. Các quy định về kiểm soát nội bộ và bảo mật thông tin 9

Điều 9. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp 10

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP **10**

Điều 10. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 10

Điều 11. Hạn chế đối với quyền cổ đông sáng lập 12

Điều 12. Chứng chỉ cổ phiếu 12

Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác 13

Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần 13

Điều 15. Thu hồi cổ phần 14

Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông 14

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT **15**

Điều 17. Cơ cấu tổ chức quản lý 15

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **15**

Điều 18. Quyền của cổ đông 15

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông 16

Điều 20. Mua lại cổ phần 17

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ đối với cổ đông nước ngoài 17

Điều 22. Phát hành trái phiếu 18

Điều 23. Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 24. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 19

Điều 25. Các đại diện được ủy quyền 20

Điều 26. Thay đổi các quyền 21

Điều 27. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 22

Điều 28. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 23

Điều 29. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 24

Điều 30. Thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông 26

Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông 27

Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 28

Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 30

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **30**

Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 30

Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 33

Điều 36. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị 35

Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các tiểu ban Hội đồng quản trị 36

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY 39
Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý 39
Điều 39. Người điều hành Công ty 39
Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 40
Điều 41. Người phụ trách quản trị công ty 42
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ 43
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý 43
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 43
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 44
Điều 45. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan 45
X. BAN KIỂM SOÁT 45
Điều 46. Thành viên Ban kiểm soát 45
Điều 47. Ban kiểm soát 46
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 48
Điều 48. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 48
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 48
Điều 49. Công nhân viên và công đoàn 48
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 49
Điều 50. Điều khoản chia lợi nhuận 49
Điều 51. Xử lý lỗ trong kinh doanh 49
Điều 52. Trích lập các Quỹ theo quy định 49
Điều 53. Cổ tức 49
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN 50
Điều 54. Tài khoản ngân hàng 50
Điều 55. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 50
Điều 56. Năm tài khóa 51
Điều 57. Hệ thống kế toán 51
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 51
Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý 51
Điều 59. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng 52
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 52
Điều 60. Kiểm toán 52
XVII. CON DẤU 52
Điều 61. Dấu của Công ty 52
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ 53
Điều 62. Chấm dứt hoạt động 53
Điều 63. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông 53
Điều 64. Gia hạn hoạt động 53
Điều 65. Thanh lý 53
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 54
Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ 54
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 55
Điều 67. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 55
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 55
Điều 68. Ngày hiệu lực 55

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- **"Luật Doanh nghiệp"** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- **"Luật chứng khoán"** có nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được thông qua vào ngày 28 tháng 6 năm 2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ:

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. **"Công ty"** có nghĩa là Công ty" có nghĩa là Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam).

b. **"Vốn điều lệ"** là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đầy đủ và quy định tại Điều lệ này.

c. **"Luật Doanh nghiệp"** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

d. **"Luật chứng khoán"** có nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

e. **"Điều khoản"** có nghĩa là một Điều khoản của Điều lệ này.

f. **"Ngày thành lập"** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

g. **"Người quản lý Công ty"** bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

h. **"Cán bộ quản lý"** là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

i. **"Người có liên quan"** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo của của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

j. **"Cổ đông lớn"** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

k. **"Thời hạn hoạt động"** là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

l. **"Việt Nam"** là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

m. **"Cổ đông sáng lập"** là cổ đông tham gia thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của Công ty.

n. **"Cổ phiếu"** là chứng chỉ góp vốn do Công ty phát hành hay bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty và người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) thuộc hình thức Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật chứng khoán và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)
- Tên tiếng Anh: Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp.
- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)
- Tên viết tắt: GTJA (VIETNAM)

3. Trụ sở của Công ty là:

- Địa chỉ: P9-10,Tầng 1, Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 573 0073
- Fax: 0243 573 0088
- Website: www.gtjai.com.vn

4. Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể thay đổi trụ sở theo quyết định của Hội đồng quản trị và thực hiện các thủ tục về việc thay đổi trụ sở Công ty theo quy định của pháp luật.

5. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh và văn phòng đại diện, phòng giao dịch tại địa bàn hoạt động hoặc kinh doanh sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

7. Trừ khi giải thể Công ty theo Điều 62.2 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 64 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành.

2. Công ty có thể tiến hành thay đổi hoặc bổ sung một trong những loại hình kinh doanh trên sau khi được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt.

3. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Mục tiêu hoạt động của Công ty là: thu lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển công ty ngày một lớn mạnh.
- Công ty có thể có các mục tiêu khác trong quá trình hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật khác;

2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh chứng khoán;

3. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;

4. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;

5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán và ban hành bằng văn bản các quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;

6. Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;

7. Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;

8. Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;

9. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tham gia các hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định pháp luật và Điều lệ, bao gồm các hoạt động sau:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành

2. Công ty có thể thay đổi, bổ sung ngành nghề, loại hình hoạt động kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty

1. Quyền của Công ty:

a. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính;

b. Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;

c. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật;

2. Nghĩa vụ của Công ty:

a. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;

c. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

d. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;

e. Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của Công ty;

f. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;

g. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;

h. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó;

i. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty;

j. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;

k. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;

l. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;

m. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

n. Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

o. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại quy chế của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Điều 7. Các quy định hạn chế đối với Công ty

1. Quy định hạn chế đối với Công ty:

a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;

b. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;

c. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm cố định ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCKNN chấp thuận để ký hợp đồng mở tài khoản giao dịch với khách hàng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng, trừ trường hợp thực hiện giao dịch chứng khoán trực tuyến;

d. Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;

e. Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;

f. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;

g. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

h. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;

2. Quy định hạn chế đối với Tổng Giám đốc Công ty và người hành nghề chứng khoán của Công ty:

a. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam);

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán khác;

c. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;

d. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được khách hàng uỷ thác.

Điều 8. Các quy định về kiểm soát nội bộ và bảo mật thông tin

1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty;

2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ hệ thống kiểm soát nội bộ;

3. Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nội bộ;

4. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Ban lãnh đạo công ty để nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nội bộ.

5. Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;

6. Quy định tại Khoản 5 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

b. Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;

c. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công ty.

2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này;

3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 10. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 693.500.000.000 VND (Bằng chữ: *Sáu trăm chín mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng*).

   Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 69.350.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ đông sáng lập của Công ty:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/Số hộ chiếu/Giấy ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Cổ đông	Số vốn góp (đồng VN)
1	Công ty TNHH Đầu tư Địa Ốc Thành phố	Số: 4102016626, đăng ký lần đầu ngày 08/07/2003, đăng ký lần thứ 8 ngày 24/11/2006	Sáng lập	9.000.000.000
2	Ông Đoàn Ngọc Hoàn	Số CMTND: 012636462, cấp ngày 24/10/2003 tại Công an Hà Nội	Sáng lập	8.000.000.000
3	Ông Đặng Đình Thắng	Số CMTND: 111164775 cấp ngày 28/09/1998 tại Hà Tây	Sáng lập	8.000.000.000

4	Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Số CMTND: 031146322 cấp ngày 06/12/2004 tại Hải Phòng	Sáng lập	8.000.000.000
5	Bà Nguyễn Thị Minh Hương	Số CMTND: 011962860 cấp ngày 06/10/1997 tại CA Hà Nội	Sáng lập	8.000.000.000
6	Ông Trịnh Bảo Trung	Số CMTND: 011939340 cấp ngày 10/05/2006 tại CA Hà Nội	Sáng lập	8.000.000.000
7	Bà Từ Thị Hoà	Số CMTND: 180447808 cấp ngày 18/09/1996 tại Nghệ An	Sáng lập	8.000.000.000
8	Bà Lê Thị Thanh Ngọc	Số CMTND: 012191571 cấp ngày 14/02/2006 tại CA Hà Nội	Sáng lập	3.000.000.000
9	Bà Lê Thị Quế	Số CMTND: 012567031 cấp ngày 13/10/2002 tại CA Hà Nội	Sáng lập	3.000.000.000
10	Ông Cao Kim Hường	Số CMTND: 010026377 cấp ngày 05/01/2006 tại CA Hà Nội	Sáng lập	3.000.000.000
11	Bà Lê Thị Thu Hằng	số Hộ chiếu: PTDG0021016, do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 11/01/2000	Sáng lập	2.000.000.000
12	Bà Dương Thanh Hường	Số CMTND: 010321718 cấp ngày 09/04/1997 tại CA Hà Nội	Sáng lập	3.000.000.000
13	Bà Đặng Thị Loan	Số CMTND: 012333000 cấp ngày 05/05/2000 tại CA Hà Nội	Sáng lập	3.000.000.000
14	Bà Đinh Thị Thương	Số CMTND: 164273197 cấp ngày 21/04/2004 tại CA tỉnh Ninh Bình	Sáng lập	5.000.000.000
15	Bà Lê Thị Hợi	Số CMTND: 012243584 cấp tại CA Hà Nội	Sáng lập	2.000.000.000
16	Bà Đoàn Thị Thanh Hồng	Số CMTND: 012544484 cấp ngày 29/07/2002 tại CA Hà Nội	Sáng lập	2.000.000.000
17	Bà Khương Thị Lợi	Số CMTND: 113010203 cấp tại CA Hà Nội	Sáng lập	3.000.000.000
18	Bà Từ Thị Châu	Số CMTND: 180029009 cấp ngày:01/4/1997 tại Công an Nghệ An	Sáng lập	1.000.000.000
19	Bà Nguyễn Thị Hải Thanh	Số CMTND:011958902 cấp ngày 20/6/1996 tại CA Hà Nội	Sáng lập	2.000.000.000
20	Ông Nguyễn Xuân Thái	Số CMTND:012644159 cấp 08/9/2006 tại CA Hà nội	Sáng lập	2.000.000.000
21	Bà Bùi Mai Anh	Số CMTND:012511198 cấp 29/3/2002 tại CA Hà nội	Sáng lập	1.000.000.000
22	Nguyễn Thị Bích Liên	Số CMTND:011830471 cấp ngày 01/4/1994 tại CA Hà nội	Sáng lập	1.000.000.000

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội

đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 11. Hạn chế đối với quyền cổ đông sáng lập

1. Cổ đông sáng lập của Công ty không được chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp của mình trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty. Các cổ đông khác là thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cũng phải tuân thủ các hạn chế tại điều này;
2. Cổ đông sáng lập không được trích lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 12. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 10.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Chào bán cổ phần:

a, Công ty được chào bán cổ phần riêng lẻ theo quy định của pháp luật. Điều kiện, hồ sơ đăng ký chào bán; trình tự, thủ tục chào bán cổ phiếu riêng lẻ căn cứ vào Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan.

b, Công ty được chào bán cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán;

Công ty phải đăng ký với Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;

Phương thức, thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.

2. Chuyển nhượng cổ phần: các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp sau:

a, Cổ phần ưu đãi biểu quyết;

b, Cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập hoặc của cổ đông là Tổng Giám đốc Công ty hoặc của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều 11 của Điều lệ này;

c, Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo quy định của Công ty. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký.

Điều 15. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau:

   Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

   Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú,

quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

Giá trị vốn góp tại thời điểm góp vốn, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;

Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

3. Hình thức của Sổ có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính hoặc (có thể được lưu giữ tại cả Trung tâm Lưu ký).

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 17. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

a. Đại hội đồng cổ đông;
b. Hội đồng quản trị;
c. Ban kiểm soát;
d. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham gia, biểu quyết hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hội nghị trực tiếp, trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

b. Nhận cổ tức;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132.1 của Luật Doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 34.2 và Điều 46.2;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

6. Nghĩa vụ của cổ đông lớn: cổ đông lớn của Công ty trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn phải báo cáo Công ty và các cơ quan chức năng. Cổ đông lớn khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu qua các ngưỡng 1% phải báo cáo Công ty và các cơ quan chức năng trong thời hạn 05 ngày làm việc.

Điều 20. Mua lại cổ phần

1. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông:

   Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định về việc tổ chức lại Công ty của Đại hội đồng cổ đông hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty. Yêu cầu mua lại phần vốn góp, cổ phần phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn (10) mười ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Mua lại theo quyết định của Công ty:

   Công ty có quyền mua lại cổ phần của chính mình không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:

   Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng;

   Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

   Khi Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, khi mua lại cổ phiếu của chính mình phải công khai thông tin về việc mua lại cổ phiếu: 07 ngày trước khi thực hiện mua lại.

3. Điều kiện thanh toán cổ phần phần vốn góp được mua lại:

   Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ đối với cổ đông nước ngoài

Cổ đông nước ngoài có quyền và nghĩa vụ như cổ đông trong nước. Cổ đông nước ngoài được sở hữu đến 100% Vốn điều lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy định của pháp luật.

Điều 22. Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị của Công ty có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
3. Trường hợp không được quyền phát hành trái phiếu:

   Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;

   Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành;

Điều 23. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn 03 người hoặc Ban kiểm soát còn lại ít hơn 03 người;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 18.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 23 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 23.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 23 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 23 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 23 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 24. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Các vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

a. Quyết định phương châm kinh doanh và kế hoạch đầu tư; quyết định kế hoạch ngân sách tài chính năm, kế hoạch quyết toán;

b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

c. Thay đổi phạm vi kinh doanh, vốn chủ sở hữu hoặc vốn điều lệ, sửa đổi điều lệ;

d. Sáp nhập, chia tách, giải thể, thanh lý Công ty;

e. Quyết định mua, bán tài sản hoặc các khoản đầu tư, cho vay, giao dịch với người có liên quan, giao dịch đảm bảo có số tiền bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ròng của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất; (ngoại trừ các nghiệp vụ hoặc hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn ở nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro và cho vay ký quỹ) thuộc phạm vi các Hoạt động được quy định theo Quy chế Giám sát chứng khoán và Hợp đồng tương lai).

f. Thành lập, mua, tham gia góp vốn cổ phần của tổ chức kinh doanh;

g. Báo cáo tài chính hằng năm;

h. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;

i. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

k. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

l. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

n. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

o. Lựa chọn công ty kiểm toán;

p. Các sự việc khác cần Đại hội đồng cổ đông xem xét.

2. Những vấn đề sẽ được thảo luận và thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

a. Định hướng phát triển của Công ty;

b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

e. Các hợp đồng quy định tại Điều 24.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

f. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 25, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 26. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 24.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần đó biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc

loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 28 và Điều 30.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 27. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 23.4b hoặc Điều 23.4c.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và có thể đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Phiếu biểu quyết;

c. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 18.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 27 trong các trường hợp sau:

d. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

e. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

f. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, trong trường hợp này những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua 100% đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 28. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì đại hội phải được triệu tập cuộc họp lần thứ hai trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì đại hội phải được triệu tập cuộc họp lần thứ ba trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 27.3 của Điều lệ này.

Điều 29. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một

hoặc một số người làm thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 29, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ toạ của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại nơi diễn ra Đại hội;

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 30. Thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ròng được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong

số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết được gửi bằng phương thức bảo đảm đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến cũng có thể được gửi fax hoặc thư điện tử, trong trường hợp đó phiếu lấy ý kiến phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.Các phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày, hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên

bản (nếu có), Nghị quyết và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tại thời điểm Điều lệ này có hiệu lực, Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ quy định Hội đồng quản trị có từ 03 (ba) đến 07 (bảy) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

   Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo quy định sau:

   a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

   b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

   c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

2. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

   Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một thành viên;

   Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử ba thành viên;

   Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được đề cử bốn thành viên;

   Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được đề cử năm thành viên;

   Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3b. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Không thuộc trường hợp không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; và

b. Có trên năm (05) năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ và các lĩnh vực tài chính khác.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị điều hành:

a. Đáp ứng các điều kiện nêu tại Khoản 4 Điều này; và

b. Có đạo đức nghề nghiệp tốt và không có hồ sơ vi phạm pháp luật hành chính và hình sự liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ trong vòng ba (03) năm gần nhất; và

c. Có thời gian và sức khỏe cần thiết để thực hiện nhiệm vụ chức trách của mình.

6a. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty ngoài đáp ứng các điều kiện tại khoản 4 của điều này thì phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, trừ trường hợp bất khả kháng.

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị giảm xuống ít hơn 3 người. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên giảm xuống ít hơn 3 người;

b. Số lượng thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị giảm, không bảo đảm quy định tại Điều 34.1 của Điều lệ này.

8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị như sau:

a. Quyết định mua, bán tài sản hoặc các khoản đầu tư, cho vay, giao dịch liên quan, giao dịch đảm bảo v.v trên 5% nhưng dưới 10% tài sản ròng của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không dưới 5 triệu Nhân dân tệ hoặc tương đương bằng Việt Nam đồng (ngoại trừ các nghiệp vụ hoặc hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn ở nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro và cho vay ký quỹ) thuộc phạm vi các Hoạt động được quy định theo Quy chế Giám sát chứng khoán và Hợp đồng tương lai);

b. Thiết lập cơ chế quản lý nội bộ;

c. Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp như Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh, Kế toán trưởng, phụ trách quản lý tuân thủ, phụ trách quản lý rủi ro, phụ trách tài chính… phụ trách quản lý kinh doanh, quyết định kết quả đánh giá công việc, mức lương của những người lao động nói trên;

d. Các vấn đề chính liên quan đến quản lý tuân thủ, kiểm soát nội bộ và phòng ngừa rủi ro;

e. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

f. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

g. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

h. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

i. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

j. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

k. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

m. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty về mua lại cổ phần;

n. Duyệt chương trình Đại hội, các nội dung của Đại hội, trình các báo cáo liên quan trước Đại hội;

o. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

p. Hội đồng quản trị được thành lập các ban chuyên trách bao gồm các thành viên trong Hội đồng quản trị và ủy quyền cho các Ban chuyên trách thực hiện các nội dung được phân công;

q. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

r. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện và Luật sư của Công ty;

s. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

t. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

u. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

v. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

w. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

x. Những sự việc khác do Hội đồng quản trị xem xét.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bầu hoặc miễn nhiệm Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch tùy theo yêu cầu thực tế của Công ty. Chủ tịch, Phó Chủ tịch được lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các tiểu ban Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;

b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 37 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 37 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài

liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Nếu lần dự họp này không đủ số thành viên dự họp thì được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày họp lần thứ nhất. Cuộc họp lần thứ 2 này được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 37, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 37, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 43.4a và Điều 43.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của

Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua thì tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương thức liên lạc khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ ngày được chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên

bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc; các Phó tổng giám đốc, các giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 39. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cấp cao cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tuỳ từng thời điểm.

Cán bộ quản lý phải đáp ứng các điều kiện sau:

a. Quen thuộc với các quy định pháp luật và quy phạm về nghiệp vụ có liên quan, 03 năm gần nhất không có hồ sơ về các vi phạm quy định pháp luật về hành chính và hình sự trong lĩnh vực liên quan; và

b. Có hơn 05 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành chứng khoán, quỹ và các lĩnh vực tài chính khác, có năng lực quản lý vận hành cần thiết để thực hiện nhiệm vụ;

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý cấp cao khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 36 của Điều lệ này, Tổng giám đốc không thể đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

c. Kiến nghị số lượng các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc;

d. Trình hội đồng quản trị quyết định việc cơ cấu, thành lập mới các phòng/ban tại Công ty. Chủ động tuyển dụng nhân sự đáp ứng nhu cầu thực tế của Công ty. Trực tiếp bổ nhiệm tất cả cấp lãnh đạo từ Trưởng phòng trở xuống;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

j. Với các khoản đầu tư, sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định, phù hợp với Quy định của Luật chứng khoán và quy định của pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.
- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ này;
- Có đơn xin từ chức;

6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:

- Đáp ứng các điều kiện nêu tại Điều 39.2;
- Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
- Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc tại một doanh nghiệp khác;

- Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp, bị tuyên bố phá sản trong thời hạn 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng;

Điều 41. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 10% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hay Đại hội đồng cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 45. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
   - Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
   - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người liên quan của họ;
   - Doanh nghiệp quy định tại Điều 164.2 Luật Doanh nghiệp;
2. Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại khoản 1 của Điều này và các quy định pháp luật khác.
3. Thẩm quyền chấp thuận hợp đồng và giao dịch nói trên được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 43 của Điều lệ này.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 46. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của ban kiểm soát là ba (03) năm, có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán. Thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là ba (03) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 47. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát.

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát:

- Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, của Tổng Giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên và người quản lý khác;
- Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng;

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 48. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 34.2 và Điều 46.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 49. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 50. Điều khoản chia lợi nhuận

Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

Điều 51. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 52. Trích lập các Quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% mức vốn Điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng giảm giá chứng khoán;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng

và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 55. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích 5% từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật và cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 56. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 57. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 60 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và có thể được công bố trên nhật báo của địa phương hoặc một tờ báo trung ương, khi xét thấy cần thiết. Các báo cáo tài chính được kiểm toán phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

5. Công ty lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định của Bộ Tài chính và công bố báo cáo trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Điều 59. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 60. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 61. Dấu của Công ty

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua dấu chính thức của Công ty. Dấu Công ty bao gồm con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu theo quy định của pháp luật và dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 62. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 63. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 64. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 65. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn

trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d. Các khoản vay;

e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a. Cổ đông với Công ty; hoặc

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp

nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

4. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những qui định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 67. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những qui định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 68. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XXI chương 68 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Vietnam) nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 06 năm 2022.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau và lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất ½ tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh